



BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG NGHIỆP THÁI NGUYÊN

BÁO CÁO
KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG
CƠ SỞ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP
NĂM 2020

Thái Nguyên, tháng 12 năm 2020

NỘI DUNG CHÍNH
BÁO CÁO KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG CƠ SỞ
GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP

CÁC TỪ VIẾT TẮT

Chữ viết tắt	Nội dung viết tắt
CĐCNTN	Cao đẳng Công nghiệp Thái Nguyên
BGH	Ban Giám hiệu
Bộ LĐ TB&XH	Bộ Lao động -Thương binh và Xã hội
TTKT & KĐCL	Thanh tra - Khảo thí và Kiểm định chất lượng
CBGV	Cán bộ giáo viên
CBVC	Cán bộ viên chức
HTQT	Hợp tác quốc tế
HSSV	Học sinh, sinh viên
TCKT	Tài chính kế toán
KĐCL GDNN	Kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp
KTX	Ký túc xá
NCKH	Nghiên cứu khoa học
PCCC	Phòng cháy chữa cháy
TCGDNN	Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp
TCHC	Tổ chức hành chính
ĐTBD & GTVL	Đào tạo bồi dưỡng và giới thiệu việc làm
NN - TS	Ngoại ngữ - Tuyển sinh
TKTT	Thiết kế thời trang
KHCB	Khoa học Cơ bản
QTVT	Quản trị vật tư
TTTTV	Thông tin Thư viện
KH & ĐT	Khoa học và Đào tạo
KT - XH	Kinh tế - Xã hội
CCB	Cựu chiến binh
TNHH	Trách nhiệm hữu hạn

MỤC LỤC

	Nội dung	Trang
PHẦN I.	GIỚI THIỆU VỀ CƠ SỞ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP	4
1	Thông tin chung về cơ sở giáo dục nghề nghiệp	4
2	Thông tin khái quát về lịch sử phát triển và thành tích nổi bật của cơ sở giáo dục nghề nghiệp	4
3	Cơ cấu tổ chức và nhân sự của cơ sở giáo dục nghề nghiệp	8
4	Nghề đào tạo và quy mô đào tạo của cơ sở giáo dục nghề nghiệp	10
5	Cơ sở vật chất, thư viện, tài chính	14
PHẦN II.	KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG CƠ SỞ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP	16
1	Đặt vấn đề	16
2	Tổng quan chung	16
2.1	Căn cứ tự đánh giá	16
2.2	Mục đích tự đánh giá	17
2.3	Yêu cầu tự đánh giá	17
2.4	Phương pháp tự đánh giá	17
2.5	Các bước tiến hành tự đánh giá	18
3	Tự đánh giá	19
3.1	<i>Tổng hợp kết quả tự đánh giá</i>	19
3.2	<i>Tự đánh giá theo từng tiêu chí, tiêu chuẩn</i>	32
3.2.1	Tiêu chí 1: Mục tiêu, sứ mạng, tổ chức và quản lý	31
3.2.2	Tiêu chí 2: Hoạt động đào tạo	40
3.2.3	Tiêu chí 3: Nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động	51
3.2.4	Tiêu chí 4: Chương trình, giáo trình	62
3.2.5	Tiêu chí 5: Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo và thư viện	71
3.2.6	Tiêu chí 6: Nghiên cứu khoa học, chuyên giao công nghệ và hợp tác quốc tế	85
3.2.7	Tiêu chí 7: Quản lý tài chính	89
3.2.8	Tiêu chí 8: Dịch vụ người học	95

3.2.9	Tiêu chí 9: Giám sát, đánh giá chất lượng	104
Phần III.	TỔNG HỢP KẾ HOẠCH NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG CƠ SỞ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP	108
Phần IV.	ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ	109
PHỤ LỤC		110
	1. Quyết định thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp	110
	2. Kế hoạch tự đánh giá của cơ sở giáo dục nghề nghiệp	115
	3. Bảng mã minh chứng.	

PHẦN I: GIỚI THIỆU VỀ CƠ SỞ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP

1. Thông tin chung về cơ sở giáo dục nghề nghiệp

- Tên trường: Trường Cao đẳng Công nghiệp Thái Nguyên
- Tên tiếng Anh: Thai Nguyen Industrial College.
- Cơ quan chủ quản: Bộ Công Thương
- Địa chỉ trường: Xã Sơn Cẩm - Thành phố Thái Nguyên - Tỉnh Thái Nguyên
- Số điện thoại: (0208)3844 142.
- Số Fax: (0208)3844 797
- Email: Tnic@cdcntn.edu.vn
- Website: <http://www.cdcntn.edu.vn>
- Năm thành lập trường: Năm 1959
- Loại hình trường: Công lập ; Tư thục

2. Thông tin khái quát về lịch sử phát triển và thành tích nổi bật của cơ sở giáo dục nghề nghiệp

2. 1. Lịch sử phát triển:

Trường Cao đẳng Công nghiệp Thái Nguyên tiền thân là một cơ sở dạy nghề của Nhà máy giấy Hoàng Văn Thụ. Ngày 25/6/1965 Bộ Công nghiệp nhẹ ban hành Quyết định số 89/CNn-TCQL lấy tên trường Công nhân kỹ thuật Cơ khí Hoàng Văn Thụ.

Ngày 31/01/1975 Bộ Công nghiệp nhẹ ban hành Quyết định số 24-CNn/TCQL về việc tách trường Công nhân kỹ thuật Cơ khí Hoàng Văn Thụ ra khỏi nhà máy giấy Hoàng Văn Thụ thành một trường độc lập trực thuộc Bộ lấy tên là Trường công nhân kỹ thuật Cơ điện Công nghiệp nhẹ Bắc Thái.

Ngày 01/01/1994 Bộ Công nghiệp ban hành Quyết định số 23/CNn-TCQL về việc đổi tên trường thành trường Kỹ nghệ thực hành Bắc Thái.

Ngày 26 tháng 02 năm 1998 Bộ Công nghiệp ban hành Quyết định số 14/1998/QĐ-BCN trường được nâng cấp và đổi tên thành trường Trung học Công nghiệp Thái Nguyên.

Ngày 09 tháng 10 năm 2006 Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quyết định số 5618/QĐ-BCN trường được nâng cấp và đổi tên thành trường Cao đẳng công nghiệp Thái Nguyên.

Trải qua hơn 61 năm xây dựng và phát triển, mặc dù gặp rất nhiều khó khăn nhưng được sự quan tâm trực tiếp của Bộ Công Thương, sự giúp đỡ của các cơ quan doanh nghiệp và chính quyền địa phương, Nhà trường luôn hoàn thành tốt các nhiệm vụ Bộ Công Thương giao cho và đã trở thành cơ sở đào tạo đáng tin cậy trên địa bàn và các tỉnh phía Bắc. Tính đến nay Nhà trường đã đào tạo trên 50.000 công nhân lành nghề và cán bộ kỹ thuật cho các ngành công nghiệp trên khắp mọi miền của tổ quốc. Số HSSV ra trường đa số có việc làm ngay và được các cơ sở sản xuất đánh giá tốt về trình độ chuyên môn cũng như khả năng thích ứng với thực tế sản xuất. Nhiều anh chị

em đã phấn đấu trở thành những cán bộ giỏi về chuyên môn nắm giữ những cương vị chủ chốt trong các cơ quan, đơn vị, xí nghiệp, nhà máy...

2.2. Thành tích nổi bật:

Trải qua 61 năm xây dựng và phát triển Nhà trường đã được Đảng, Nhà nước tặng thưởng các huân chương cao quý gồm:

Huân chương Lao động hạng Ba năm 1994

Huân chương Lao động hạng Nhì năm 1999

Huân chương Lao động hạng Nhất năm 2004

Huân chương Độc lập hạng Ba năm 2009

Huân chương Độc lập hạng Nhì năm 2014

Và nhiều phần thưởng cao quý khác. Đảng bộ liên tục được công nhận là Đảng bộ trong sạch vững mạnh. Công đoàn trường liên tục là công đoàn cơ sở vững mạnh xuất sắc, Cờ thi đua của Tổng Liên đoàn và Công đoàn Công thương Việt Nam; Đoàn Thanh niên nhà trường luôn đạt danh hiệu cơ sở đoàn vững mạnh xuất sắc được Trung ương Đoàn, Tỉnh đoàn, Thành đoàn tặng Bằng khen. Trường đã được Nhà nước công nhận 03 nhà giáo Ưu tú, 01 đồng chí được Nhà nước tặng Huân chương Lao động hạng Nhì, 05 đồng chí được Nhà nước tặng Huân chương Lao động hạng Ba, 14 đồng chí được Thủ tướng Chính phủ tặng Bằng khen.

2.3. Chức năng - Nhiệm vụ của Trường Cao đẳng Công nghiệp Thái Nguyên:

* Vị trí và chức năng

Trường Cao đẳng Công nghiệp Thái Nguyên là cơ sở đào tạo công lập trực thuộc Bộ Công Thương, Trường có chức năng đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực có trình độ cao đẳng kỹ thuật, kinh tế công nghiệp và các trình độ thấp hơn theo quy định của Pháp luật; thực hiện cấp văn bằng, chứng chỉ về giáo dục, đào tạo, dạy nghề theo quy định của Pháp luật; là cơ sở nghiên cứu, triển khai khoa học-Công nghệ phục vụ quản lý, sản xuất - kinh doanh của ngành Công Thương và yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội.

Trường chịu sự lãnh đạo và quản lý toàn diện, trực tiếp của Bộ Công Thương, chịu sự quản lý Nhà nước về giáo dục và đào tạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Lao động -Thương binh và Xã hội, các Bộ, ngành có liên quan; chịu sự quản lý của địa phương nơi Trường đặt trụ sở. Trường hoạt động theo Điều lệ trường cao đẳng do Bộ trưởng Bộ Lao động Thương binh và Xã hội ban hành; Trường được hưởng các chính sách, chế độ của Nhà nước áp dụng cho hệ thống các trường đại học, cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp và dạy nghề công lập.

Trường Cao đẳng Công nghiệp Thái Nguyên là đơn vị sự nghiệp đào tạo công lập có thu, có tư cách pháp nhân, được mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước và Ngân hàng, có con dấu (kể cả con dấu nổi và con dấu thu nhỏ) để hoạt động và giao dịch theo quy định của Pháp luật.

*Nhiệm vụ và quyền hạn:

1. Xây dựng quy hoạch, chiến lược, kế hoạch phát triển Trường, trình Bộ trưởng Bộ Công Thương quyết định và tổ chức thực hiện sau khi phê duyệt.

2. Đào tạo nguồn nhân lực có trình độ cao đẳng, cao đẳng nghề kỹ thuật, kinh tế công nghiệp và các trình độ thấp hơn theo quy định của Pháp luật, đảm bảo chất lượng, đáp ứng nhu cầu xã hội.

3. Đào tạo lại, đào tạo chuyển nghề và bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, viên chức quản lý kỹ thuật, kinh tế, công nhân kỹ thuật bậc cao đạt tiêu chuẩn của Nhà nước.

4. Tổ chức xây dựng, duyệt và thực hiện các chương trình, giáo trình, kế hoạch giảng dạy, học tập đối với các ngành nghề được phép đào tạo theo quy định của pháp luật.

5. Tổ chức và thực hiện công tác tuyển sinh, quản lý người học, tổ chức quá trình đào tạo, công nhận tốt nghiệp và cấp bằng tốt nghiệp theo quy định của pháp luật.

6. Xây dựng, đào tạo và bồi dưỡng đội ngũ giảng viên đảm bảo đủ về số lượng, cân đối về cơ cấu trình độ, ngành nghề theo tiêu chuẩn theo quy định của Nhà nước.

7. Tổ chức nghiên cứu, triển khai khoa học – công nghệ chuyên ngành; tổ chức thực nghiệm sản xuất, sản xuất – kinh doanh – dịch vụ phù hợp với ngành nghề đào tạo và quy định của pháp luật.

8. Thực hiện các hoạt động dịch vụ tư vấn về nghề nghiệp, giới thiệu việc làm; tham gia đào tạo xuất khẩu lao động, tổ chức du học cho học sinh, sinh viên và đưa chuyên gia đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài theo quy định của pháp luật.

9. Tổ chức các hoạt động thông tin, in ấn tài liệu, xuất bản và ấn phẩm, tài liệu, giáo trình phục vụ công tác đào tạo và nghiên cứu khoa học theo quy định của pháp luật.

10. Thực hiện các hoạt động hợp tác quốc tế; thực hiện liên kết, liên thông về đào tạo – bồi dưỡng nguồn nhân lực, về nghiên cứu, triển khai khoa học – công nghệ với các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong nước và ngoài nước theo quy định của pháp luật.

11. Quản lý, sử dụng cơ sở vật chất, tài sản, tài chính và các nguồn vốn khác theo quy định của pháp luật.

12. Quản lý tổ chức, biên chế theo quy định của Bộ Công Thương.

13. Giữ gìn an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trong Trường; thực hiện xây dựng quốc phòng địa phương theo pháp luật; bảo vệ tài sản, bí mật quốc gia; xây dựng và thực hiện các quy chế, biện pháp bảo vệ, an toàn lao động.

14. Báo cáo định kỳ và đột xuất theo chế độ quy định.

15. Thực hiện các nhiệm vụ khác do Bộ trưởng Bộ Công Thương giao và theo quy định của pháp luật.

Căn cứ Quyết định số 473/QĐ/BCT ngày 15/01/2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức trường Cao đẳng công nghiệp Thái Nguyên.

- Ban Giám hiệu gồm 02 đồng chí: 01 Phó Hiệu trưởng phụ trách trường, 01 Phó Hiệu trưởng phụ trách Đào tạo.

- Hội đồng Khoa học và Đào tạo.

- Có 06 phòng:

1. Phòng Đào tạo - Nghiên cứu khoa học;
2. Phòng Tài chính kế toán;
3. Phòng Tổ chức hành chính;
4. Phòng Thanh tra - Khảo thí & Kiểm định chất lượng;
5. Phòng Công tác HSSV;
6. Phòng Quản trị vật tư.

- Có 02 trung tâm:

1. Trung tâm ĐTBĐ & GTVL;
2. Trung tâm Tin học - Ngoại ngữ - Tuyển sinh;

- Có 04 khoa:

1. Khoa Điện - Điện tử - Tin học;
2. Khoa Cơ khí;
3. Khoa Khoa học Cơ bản;
4. Khoa Kinh tế;

Và một tổ May và thiết kế thời trang.

- Các tổ chức đoàn thể của nhà trường:

+ Công đoàn;

+ Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh;

+ Hội Cựu chiến binh.

Tổng số cán bộ công nhân viên, giáo viên của trường là **(145)** người. Có 04 Tiến sỹ, 68 Thạc sỹ, 57 Đại học, 15 Trình độ khác....

- Quan hệ hợp tác: Trường đã và đang liên kết với nhiều trường đại học trong cả nước như đại học Kỹ thuật Công nghiệp Thái Nguyên, đại học Công nghiệp Hà Nội, đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh Thái Nguyên... để liên kết đào tạo, mở các lớp tại chức, liên thông các hệ. Phối hợp liên kết với các trung tâm, trường nghề tại các tỉnh như: Bắc Cạn, Bắc Ninh, Bắc Giang, Yên Bái, Lào Cai... đã đáp ứng đào tạo nguồn nhân lực (tại chỗ phục vụ) cho sự nghiệp công nghiệp hóa đặc biệt cho các tỉnh miền núi phía Bắc.

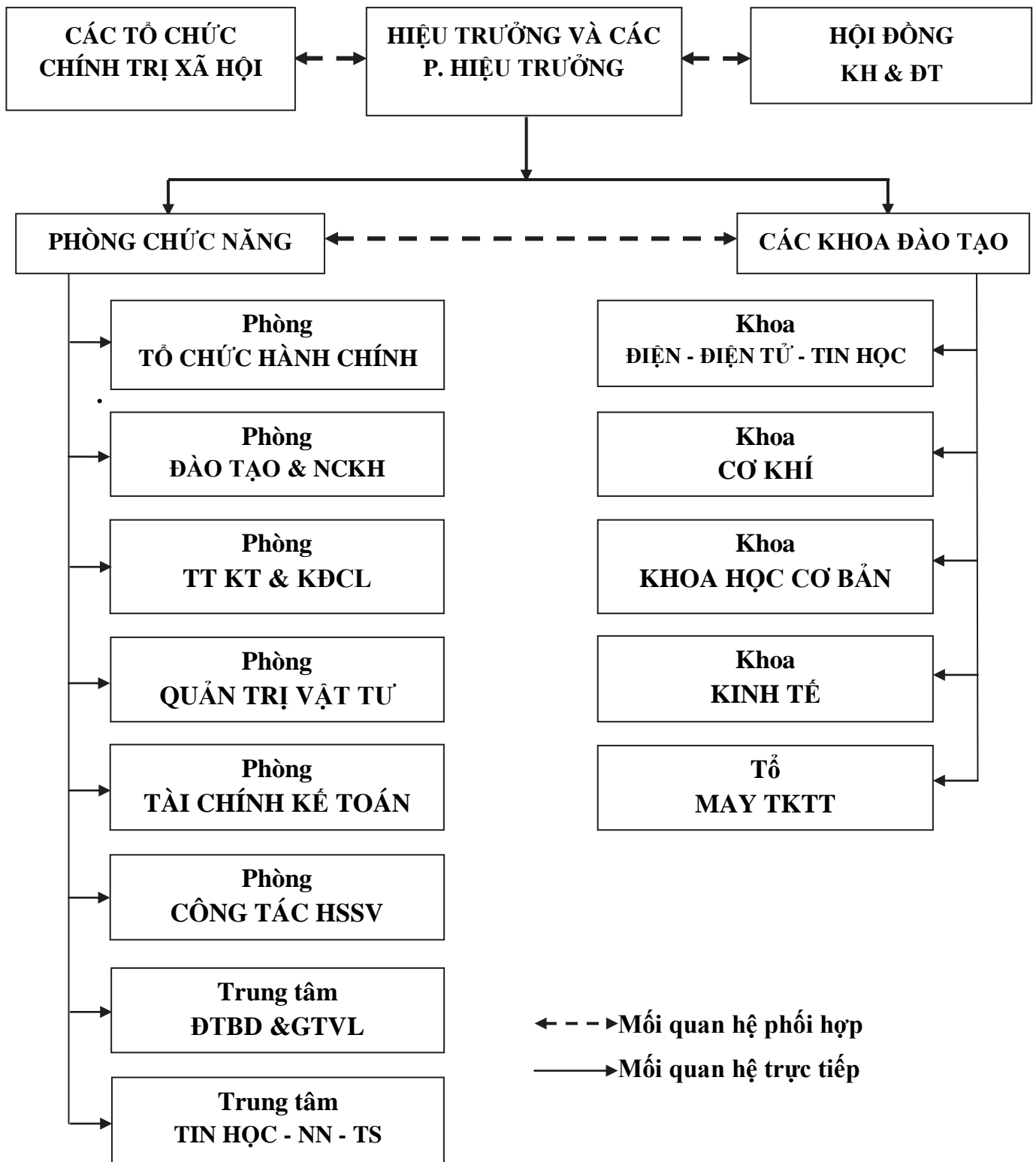
Hiện nay nhà trường được phép đào tạo các trình độ theo giấy đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp gồm:

- Trình độ Cao đẳng;
- Trình độ Trung cấp;
- Trình độ Sơ cấp;

Tổng số HSSV của nhà trường hiện nay: **1339**.

3. Cơ cấu tổ chức và nhân sự của cơ sở giáo dục nghề nghiệp

3.1. Cơ cấu tổ chức



3.2. Danh sách cán bộ lãnh đạo chủ chốt của trường

CÁC ĐƠN VỊ (BỘ PHẬN)	HỌ VÀ TÊN	NĂM SINH	HỌC VỊ	CHỨC DANH, CHỨC VỤ
1. Hội đồng trường				Chủ tịch Hội đồng
2. Ban Giám hiệu	Nguyễn Thị Việt Hương	1976	Tiến sỹ	Phó Hiệu trưởng - Phụ trách trường
	Nguyễn Tiến Luật	1980	Thạc sỹ	Phó Hiệu trưởng
3. Các tổ chức Đảng, Công đoàn, Đoàn Thanh niên				
Đảng bộ	Nguyễn Thị Việt Hương	1976	Tiến sỹ	Bí thư
Công đoàn	Quách Thị Chiến	1972	Thạc sỹ	Chủ tịch
Đoàn Thanh niên	Nguyễn Sơn Hà	1983	Thạc sỹ	Bí thư
4. Các phòng chức năng				
Phòng Đào tạo - NCKH	Gia Thị Định	1976	Tiến sỹ	Trưởng phòng
Phòng TCHC	Nguyễn Mạnh Hiền	1978	Thạc sỹ	Trưởng phòng
Phòng TCKT	Triệu Văn Lợi	1961	Thạc sỹ	Trưởng phòng
Phòng Công tác HSSV	Nguyễn Sơn Hà	1983	Thạc sỹ	Trưởng phòng
Phòng TT- KT & KĐCL	Vũ Chí Bang	1961	Thạc sỹ	Trưởng phòng
Phòng QTVT	Nguyễn Thái Bình	1973	Thạc sỹ	Trưởng phòng
4. Các trung tâm trực thuộc				
Trung tâm ĐTBĐ & GTVL	Phạm Hồng Kiên	1970	Thạc sỹ	Giám đốc
Trung tâm Tin học - NN - TS	Quách Thị Chiến	1972	Thạc sỹ	Giám đốc
5. Các khoa				
Khoa Cơ khí	Nguyễn Quốc Dũng	1972	Thạc sỹ	Trưởng khoa
Khoa Điện - Điện tử - Tin học	Nguyễn Việt Hùng	1973	Thạc sỹ	Phó trưởng khoa - Phụ trách khoa
Khoa Khoa học cơ bản	Nguyễn Thị Lan Hương	1975	Thạc sỹ	Trưởng khoa
Khoa Kinh tế	Nguyễn Thị Thu Thảo	1983	Thạc sỹ	Trưởng khoa

3.3. Tổng số cán bộ, giáo viên của trường: **145**

(Tổng số bao gồm cả cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên kỹ thuật, tạp vụ...bao gồm cả những người đã ký hợp đồng ngắn hạn dưới 1 năm)

trong đó: Nam: **74** Nữ: **71**

3.4. Đội ngũ giáo viên dạy nghề dài hạn chính quy: 94

Trong đó: - Nam: **34** - Nữ: **60**
- Cơ hữu: **87** - Kiêm nhiệm: **10**

Giáo viên cơ hữu			
Trình độ đào tạo	Nam	Nữ	Tổng số
Tiến sĩ	01	01	02
Thạc sĩ	32	43	75
Đại học			57
Cao đẳng			
Trung cấp			
Công nhân bậc 5/7 trở lên			6
Trình độ khác			
Tổng số			145

4. Nghề đào tạo và quy mô đào tạo của cơ sở giáo dục nghề nghiệp

4.1. Các nghề đào tạo và quy mô tuyển sinh của trường theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN đã được cấp gồm:

- Giấy chứng nhận Đăng ký hoạt động Giáo dục nghề nghiệp số 53/2020/GCNĐKKHĐ-TCGDNN cấp ngày 21 tháng 4 năm 2020;

a) Tại trụ sở chính: Xã Sơn Cẩm - Thành phố Thái Nguyên - Tỉnh Thái Nguyên

TT	Ngành/ngành đào tạo	Mã ngành/ngành	Quy mô tuyển sinh/năm	Trình độ đào tạo
1	Hàn	6520123	35	Cao đẳng
		5520123	65	Trung cấp
			30	Sơ cấp
2	Cắt gọt kim loại	6520121	35	Cao đẳng
		5520121	55	Trung cấp

			30	Sơ cấp
3	Công nghệ ô tô	6510216	20	Cao đẳng
		5510216	35	Trung cấp
			20	Sơ cấp
4	Điện công nghiệp	6520227	35	Cao đẳng
		5520227	35	Trung cấp
			30	Sơ cấp
5	Cơ điện tử	6520263	10	Cao đẳng
		5520263	20	Trung cấp
6	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	6510201	60	Cao đẳng
7	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	6510303	60	Cao đẳng
8	Điện tử công nghiệp và dân dụng	5520222	15	Trung cấp
9	Điện công nghiệp và dân dụng	5520223	65	Trung cấp
10	Bảo trì và sửa chữa thiết bị cơ khí	5520152	70	Trung cấp
11	Nguội sửa chữa máy công cụ	5520126	45	Trung cấp
			30	Sơ cấp
12	Tin học ứng dụng	6480205	40	Cao đẳng
		5480205	30	Trung cấp
13	Quản trị kinh doanh	6340404	25	Cao đẳng
14	Kế toán	6340301	25	Cao đẳng
15	Kế toán doanh nghiệp	6340302	25	Cao đẳng
		5340302	65	Trung cấp

16	Bán hàng trong siêu thị	5340120	30	Trung cấp
17	May thời trang	5540205	30	Trung cấp
			30	Sơ cấp
18	Công nghệ may và thời trang	5540204	30	Trung cấp

b) Tại địa điểm liên kết đào tạo: Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên huyện Lục Ngạn - Tỉnh Bắc Giang.

TT	Ngành/ngành đào tạo	Mã ngành/ngành	Quy mô tuyển sinh/năm	Trình độ đào tạo
1	Điện tử công nghiệp và dân dụng	5520222	25	Trung cấp

c) Tại địa điểm liên kết đào tạo: Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên huyện Hiệp Hòa - Tỉnh Bắc Giang.

TT	Ngành/ngành đào tạo	Mã ngành/ngành	Quy mô tuyển sinh/năm	Trình độ đào tạo
1	Điện công nghiệp	5520227	25	Trung cấp

d) Tại địa điểm liên kết đào tạo: Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên huyện Lục Nam - Tỉnh Bắc Giang.

TT	Ngành/ngành đào tạo	Mã ngành/ngành	Quy mô tuyển sinh/năm	Trình độ đào tạo
1	Điện công nghiệp và dân dụng	5520227	25	Trung cấp
2	Công nghệ Ô tô	5510216	20	Trung cấp

đ) Tại địa điểm liên kết đào tạo: Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên huyện Tân Yên - Tỉnh Bắc Giang.

TT	Ngành/ngành đào tạo	Mã ngành/ngành	Quy mô tuyển sinh/năm	Trình độ đào tạo
1	May thời trang	5540205	20	Trung cấp
2	Cơ điện tử	5520263	20	Trung cấp

e) Tại địa điểm liên kết đào tạo: Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Hướng nghiệp tỉnh Bắc Giang.

TT	Ngành/ngành đào tạo	Mã ngành/ngành	Quy mô tuyển sinh/năm	Trình độ đào tạo
1	Tin học ứng dụng	5480205	25	Trung cấp

g) Tại địa điểm liên kết đào tạo: Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên huyện Phú Lương - Tỉnh Thái Nguyên.

TT	Ngành/ngành đào tạo	Mã ngành/ngành	Quy mô tuyển sinh/năm	Trình độ đào tạo
1	Điện công nghiệp và dân dụng	5520223	25	Trung cấp
2	Công nghệ Ô tô	5510216	25	Trung cấp

h) Tại địa điểm liên kết đào tạo: Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên huyện Yên Phong - Tỉnh Bắc Ninh.

TT	Ngành/ngành đào tạo	Mã ngành/ngành	Quy mô tuyển sinh/năm	Trình độ đào tạo
1	Điện công nghiệp và dân dụng	5520223	25	Trung cấp
2	Cơ điện tử	5520263	20	Trung cấp

4.2. Số lượng HSSV (số liệu 3 năm trước năm kiểm định chưa quy đổi)

TT	TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO	NĂM		
		2018	2019	2020
	CAO ĐẲNG			
1	Công nghệ Cơ khí	25	14	15
2	Công nghệ ô tô	0	11	25
3	Công nghệ kỹ thuật Điện, Điện tử	119	54	46
4	Điện công nghiệp	0	4	4
5	Kế toán	10	0	0
6	Kế toán doanh nghiệp	0	0	0

7	Tin học ứng dụng			7
	TỔNG	154	83	97
	TRUNG CẤP			
1	May thời trang	153	94	118
2	Tin học ứng dụng	191	98	83
3	Công nghệ ô tô	103	147	142
4	Điện công nghiệp và dân dụng	419	62	212
5	Cơ điện tử	0	93	134
6	Kế toán doanh nghiệp	41	11	19
7	Điện tử Công nghiệp và dân dụng	150	62	60
8	Hàn	90	58	29
9	Công nghệ May và thời trang	279	163	58
10	Điện công nghiệp	34	83	122
11	Cắt gọt kim loại	11	11	
12	Bảo trì và sửa chữa thiết bị cơ khí	0	0	15
	TỔNG	1471	1135	992
	TỔNG CỘNG	1625	1218	1089

5. Cơ sở vật chất, thư viện, tài chính

5.1. Diện tích đất:

- Tổng diện tích đất : 83.400 m², trong đó:
- + Diện tích xây dựng: 55.655 m²
- + Diện tích cây xanh, lưu không: 3.2ha

5.2. Diện tích hạng mục và công trình:

TT	Hạng mục, công trình	Tổng diện tích (m ²)	Đã xây dựng (m ²)	Đang xây dựng	
				Diện tích (m ²)	Thời gian hoàn thành
1	Khu hiệu bộ		5.100		
2	Phòng học lý thuyết		3.312		
3	Xưởng thực hành		6.592		
4	Khu phục vụ:				

	- Nhà để xe máy, xe đạp của HSSV		400.0		
	- Kho vật tư		270.0		
	- Nhà ăn HSSV		450.0		
4.1	Thư viện		1.290		
4.2	Ký túc xá		12.100		
4.3	Trạm y tế		21.6		
4.4	Khu thể thao		15.300		
5	Khác (liệt kê các hạng mục công trình khác nếu có)				
	Tổng		44835,6		

5.3. Tổng số đầu sách trong thư viện của trường: 1.483 đầu sách

Tổng số cuốn sách thuộc nghề đào tạo của trường: 10.228 cuốn sách

5.4. Tổng số máy tính của trường: 135 máy

- Dùng cho văn phòng: 40 máy;
- Dùng cho học sinh học tập: 95 máy.

5.5. Tổng kinh phí đào tạo trong 3 năm trở lại đây:

- Năm 2017: 2.996.848.180 đồng - Thông báo xét duyệt quyết toán năm 2017.

+ Thu học phí chính quy: 922.680.000 đồng;

+ Thu học phí liên kết: 230.670.000 đồng;

+ Thu khác: 1.843.498.180 đồng.

- Năm 2018 : 2.642.734.475 đồng - Thông báo xét duyệt quyết toán năm 2018.

+ Thu học phí chính quy: 600.000.000 đồng;

+ Thu học phí liên kết: 119.775.000 đồng;

+ Thu khác: 1.922.959.475 đồng.

- Năm 2019: 3.603.170.730 đồng - Thông báo xét duyệt quyết toán năm 2019.

+ Thu học phí: 585.525.000 đồng;

+ Thu khác: 3.017.645.730 đồng.

Phần II: KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CỦA CƠ SỞ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP

1. Đặt vấn đề

Tự đánh giá chất lượng giáo dục nghề nghiệp nhằm đánh giá, xác định mức độ thực hiện mục tiêu, chương trình, nội dung dạy nghề đối với cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

Đánh giá chất lượng giáo dục nghề nghiệp được thực hiện định kỳ đối với cơ sở giáo dục nghề nghiệp trong phạm vi cả nước. Kết quả kiểm định được công bố công khai để người học nghề, xã hội biết và giám sát.

Tự đánh giá chất lượng giáo dục nghề nghiệp giúp nhà trường tự đánh giá, phân tích những điểm mạnh, những tồn tại tương ứng với từng tiêu chí, tiêu chuẩn. Từ đó đề ra kế hoạch nhằm phát huy hiệu quả những mặt mạnh và tích cực, khắc phục kịp thời những tồn tại, đặc biệt là đề ra các giải pháp thiết thực, cụ thể nhất để thực hiện tốt hơn các nội dung yêu cầu trong từng chỉ số, tiêu chuẩn, tiêu chí của hệ thống tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng trong hệ thống các cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

Đánh giá đúng yêu cầu của 100 tiêu chuẩn trong 9 tiêu chí tự đánh giá chất lượng, nghĩa là đánh giá đúng thực trạng toàn bộ các hoạt động chung của nhà trường về công tác tổ chức bộ máy, nhân sự và hiệu quả quản lý, về hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và hợp tác quốc tế, về cơ sở vật chất kỹ thuật cũng như các điều kiện đảm bảo chất lượng cho các hoạt động chung của nhà trường trong từng năm sẽ giúp cho Nhà trường từng bước phát triển, nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp.

Thực hiện tốt và thường xuyên công tác đánh giá chất lượng giáo dục nghề nghiệp sẽ tạo điều kiện cho Nhà trường phát triển một cách vững chắc và khẳng định được vị thế trong hệ thống các cơ sở giáo dục nghề nghiệp và trong xã hội.

2. Tổng quan chung

2.1 Căn cứ tự đánh giá

- Căn cứ theo Thông tư số 15/2017/TT- BLĐT BXH ngày 08 tháng 06 năm 2017 của Bộ LĐ - TB & XH quy định tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp;

- Căn cứ theo Thông tư số 28/2017/TT- BLĐT BXH ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định về hệ thống bảo đảm chất lượng các cơ sở giáo dục nghề nghiệp;

- Căn cứ theo Công văn số 453/TCGDNN - KĐCL ngày 25 tháng 3 năm 2019 của TCGDNN về hướng dẫn đánh giá các tiêu chuẩn kiểm định chất lượng cơ sở GDNN đối với các trường Cao đẳng, Trung cấp.

2.2 Mục đích tự đánh giá

Xác định mức độ thực hiện mục tiêu, chương trình, nội dung giảng dạy, cơ sở vật chất, trang thiết bị thực hành, dịch vụ cho người học của nhà trường và các điều kiện, phương thức học tập của HSSV, giảng dạy của giảng viên so với bộ tiêu chí.

Xác định mức độ đạt được của nhà trường thông qua việc đối chiếu, so sánh với các yêu cầu của bộ tiêu chí (bao gồm các tiêu chuẩn và chỉ số) kiểm định chất lượng đào tạo nghề của các cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

Phát hiện các điểm không phù hợp cần cải thiện trong thời gian ngắn, trung, dài hạn và qua đó giúp nhà trường hoạch định chiến lược phát triển các nguồn lực trong từng giai đoạn, tiến tới xây dựng nhà trường trở thành đơn vị giáo dục nghề nghiệp đạt chất lượng cao, thương hiệu và uy tín của nhà trường được xã hội biết đến và thừa nhận.

2.3 Yêu cầu tự đánh giá

- Thể hiện sự bình đẳng, khách quan, trung thực trong quá trình tự đánh giá;
- Hợp tác, trao đổi, thảo luận công khai với tất cả các thành viên trong hội đồng;
- Đảm bảo đúng thời gian theo kế hoạch;
- Đánh giá toàn diện các hoạt động, mức độ thực hiện mục tiêu, chương trình đào tạo của nhà trường;
- Các yêu cầu của bộ tiêu chí, tiêu chuẩn tự đánh giá chất lượng trường cao đẳng.

2.4 Phương pháp tự đánh giá

- Thực hiện tự đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp của các đơn vị trong Trường;
- Căn cứ vào từng tiêu chuẩn của 9 tiêu chí trong Bộ tiêu chí, tiêu chuẩn chất lượng trường cao đẳng, các đơn vị thực hiện công tác tự kiểm định, thu thập thông tin, minh chứng về từng hoạt động và kết quả thực hiện chức năng, nhiệm vụ của đơn vị;
- Đánh giá, xác định mức độ đạt được theo từng chỉ số, tiêu chuẩn, tiêu chí kiểm định chất lượng dạy nghề có liên quan; phân tích, chỉ rõ các điểm mạnh, tồn tại và nguyên nhân; đề xuất kế hoạch hành động nhằm nâng cao chất lượng hoạt động của đơn vị;
- Viết báo cáo kết quả tự đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp của đơn vị và gửi hội đồng tự đánh giá của nhà trường;
- Tổ chức quản lý duy trì cơ sở dữ liệu thông tin minh chứng về các hoạt động của đơn vị.

- Thực hiện tự đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp của Hội đồng tự đánh giá:

+ Nghiên cứu báo cáo kết quả tự đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp của các đơn vị trong trường;

+ Tổng hợp thông tin, minh chứng theo từng chỉ số, tiêu chuẩn, tiêu chí đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp;

+ Kiểm tra thực tế, thu thập thêm thông tin, minh chứng theo từng chỉ số, tiêu chuẩn, tiêu chí đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp;

+ Đối chiếu với hệ thống tiêu chí, tiêu chuẩn tự đánh giá chất lượng giáo dục nghề nghiệp; do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành, đánh giá, xác định mức độ đạt được của từng chỉ số, tiêu chuẩn, tiêu chí tự đánh giá chất lượng giáo dục nghề nghiệp;; chỉ rõ các điểm mạnh, tồn tại và nguyên nhân; đề xuất kế hoạch hành động nhằm nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp.

+ Viết dự thảo báo cáo kết quả tự đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp của trường.

+ Hoàn chỉnh báo cáo kết quả tự đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp của trường.

2.5 Các bước tiến hành tự đánh giá

- Thực hiện công tác chuẩn bị tự đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp;

- Thực hiện tự đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp của phòng Thanh tra - Khảo thí và Kiểm định chất lượng và các phòng chuyên môn, nghiệp vụ khác, các khoa và bộ môn trực thuộc cơ sở dạy nghề, các đơn vị nghiên cứu, dịch vụ, phục vụ dạy nghề, các đơn vị sản xuất, doanh nghiệp (gọi chung là đơn vị) trong trường;

- Thực hiện tự đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp của Hội đồng tự đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp;

- Công bố báo cáo kết quả tự đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp trong trường và gửi báo cáo kết quả tự đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp về Cục kiểm định chất lượng Giáo dục Nghề nghiệp - Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp, Sở Lao động Thương binh và Xã hội tỉnh Thái Nguyên.

3. Tự đánh giá

3.1. Tổng hợp kết quả tự đánh giá

STT	Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của cơ sở giáo dục nghề nghiệp
	ĐỀ XUẤT KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC		<i>Đạt/ Không đạt tiêu chuẩn kiểm định</i>
	Tổng điểm	100 điểm	92 điểm
1	Tiêu chí 1: Mục tiêu, sứ mạng, tổ chức và quản lý	12 điểm	11 điểm
	Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu và sứ mạng của trường được xác định cụ thể, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, thể hiện được vai trò của trường trong việc đáp ứng nhu cầu sử dụng nhân lực của địa phương, ngành và được công bố công khai.	1 điểm	1 điểm
	Tiêu chuẩn 2: Trường thực hiện phân tích, đánh giá nhu cầu sử dụng nhân lực của địa phương hoặc ngành để xác định các ngành, nghề đào tạo và quy mô đào tạo phù hợp.	1 điểm	1 điểm
	Tiêu chuẩn 3. Trường ban hành văn bản quy định về tổ chức và quản lý theo hướng đảm bảo quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các đơn vị trong trường theo quy định.	1 điểm	1 điểm
	Tiêu chuẩn 4: Hằng năm, các văn bản quy định về tổ chức và quản lý của trường được rà soát, thực hiện điều chỉnh nếu cần thiết.	1 điểm	1 điểm
	Tiêu chuẩn 5: Các phòng, khoa, bộ môn và các đơn vị trực thuộc trường được phân công, phân cấp rõ ràng về chức năng, nhiệm vụ, phù hợp với cơ cấu ngành nghề, quy mô đào tạo và mục tiêu của trường.	1 điểm	1 điểm
	Tiêu chuẩn 6: Hội đồng trường hoặc hội đồng quản trị, các hội đồng tư vấn, các phòng, khoa, bộ môn và các đơn vị trực thuộc trường hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ theo quy định và có hiệu quả.	1 điểm	0 điểm
	Tiêu chuẩn 7: Trường xây dựng và vận hành hệ thống đảm bảo chất lượng theo quy định.	1 điểm	1 điểm

	Tiêu chuẩn 8: Trường có bộ phận phụ trách thực hiện công tác quản lý, đảm bảo chất lượng đào tạo và hằng năm hoàn thành nhiệm vụ được giao.	1 điểm	1 điểm
	Tiêu chuẩn 9: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam trong trường phát huy được vai trò lãnh đạo, hoạt động đúng điều lệ và theo quy định của Hiến pháp và pháp luật.	1 điểm	1 điểm
	Tiêu chuẩn 10: Các đoàn thể, tổ chức xã hội trong trường hoạt động theo đúng điều lệ của tổ chức mình và theo quy định của pháp luật, góp phần đảm bảo và nâng cao chất lượng đào tạo của trường.	1 điểm	1 điểm
	Tiêu chuẩn 11: Trường có quy định và thực hiện công tác kiểm tra, giám sát các hoạt động của trường theo quy định nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo. Hằng năm rà soát, cải tiến phương pháp, công cụ kiểm tra, giám sát.	1 điểm	1 điểm
	Tiêu chuẩn 12: Trường có văn bản và thực hiện chế độ, chính sách ưu đãi của nhà nước cho các đối tượng được thụ hưởng; thực hiện chính sách bình đẳng giới theo quy định.	1 điểm	1 điểm
2	Tiêu chí 2: Hoạt động đào tạo	17 điểm	16 điểm
	Tiêu chuẩn 1: Các ngành, nghề đào tạo của trường được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp. Trường ban hành chuẩn đầu ra của từng chương trình đào tạo và công bố công khai để người học và xã hội biết.	1 điểm	1 điểm
	Tiêu chuẩn 2: Trường xây dựng và ban hành quy chế tuyển sinh theo quy định.	1 điểm	1 điểm
	Tiêu chuẩn 3: Hằng năm, trường xác định chỉ tiêu tuyển sinh và thực hiện công tác tuyển sinh theo quy định, đảm bảo nghiêm túc, công bằng, khách quan.	1 điểm	1 điểm
	Tiêu chuẩn 4: Thực hiện đa dạng hóa các phương thức tổ chức đào tạo đáp ứng yêu cầu học tập của người học.	1 điểm	1 điểm
	Tiêu chuẩn 5. Trường xây dựng và phê duyệt kế hoạch, tiến độ đào tạo cho từng lớp, từng khóa học của mỗi ngành hoặc nghề, theo từng học kỳ, năm học. Kế hoạch đào tạo chi tiết đến từng mô đun, môn học, giờ học lý thuyết, thực hành, thực tập phù hợp với từng hình thức, phương thức tổ chức đào tạo và đúng quy định.	1 điểm	1 điểm

Tiêu chuẩn 6: Trường tổ chức thực hiện theo kế hoạch đào tạo, tiến độ đào tạo đã được phê duyệt.	1 điểm	1 điểm
Tiêu chuẩn 7: Các hoạt động đào tạo được thực hiện theo mục tiêu, nội dung chương trình đào tạo đã được phê duyệt; có sự phối hợp với đơn vị sử dụng lao động trong việc tổ chức, hướng dẫn cho người học thực hành, thực tập các ngành, nghề tại đơn vị sử dụng lao động; thực hiện theo quy định đặc thù của ngành nếu có.	1 điểm	1 điểm
Tiêu chuẩn 8: Phương pháp đào tạo được thực hiện kết hợp rèn luyện năng lực thực hành với trang bị kiến thức chuyên môn; phát huy tính tích cực, tự giác, năng động, khả năng làm việc độc lập của người học, tổ chức làm việc theo nhóm.		
Tiêu chuẩn 9: Trường thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động dạy và học.	1 điểm	1 điểm
Tiêu chuẩn 10: Hằng năm, trường có kế hoạch và tổ chức kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học theo đúng kế hoạch.	1 điểm	0 điểm
Tiêu chuẩn 11: Hằng năm, trường có báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học; có đề xuất các biện pháp nâng cao chất lượng hoạt động dạy và học; kịp thời điều chỉnh các hoạt động dạy và học theo đề xuất nếu cần thiết.	1 điểm	1 điểm
Tiêu chuẩn 12: Trường ban hành đầy đủ các quy định về kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ theo quy định.	1 điểm	1 điểm
Tiêu chuẩn 13: Trong quá trình đánh giá kết quả học tập của người học có sự tham gia của đơn vị sử dụng lao động và theo quy định đặc thù của ngành nếu có.	1 điểm	1 điểm
Tiêu chuẩn 14: Tổ chức thực hiện kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ theo quy định đảm bảo nghiêm túc, khách quan.	1 điểm	1 điểm
Tiêu chuẩn 15: Hằng năm, trường thực hiện rà soát các quy định về kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ và kịp thời điều chỉnh nếu cần thiết.	1 điểm	1 điểm

	Tiêu chuẩn 16: Trường có hướng dẫn và tổ chức thực hiện về đào tạo liên thông theo quy định.	1 điểm	1 điểm
	Tiêu chuẩn 17: Trường có cơ sở dữ liệu về các hoạt động đào tạo và tổ chức quản lý, sử dụng hiệu quả.	1 điểm	1 điểm
3	Tiêu chí 3: Nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động	15 điểm	14 điểm
	Tiêu chuẩn 1: Có quy định về việc tuyển dụng, sử dụng, quy hoạch, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động theo quy định.	1 điểm	1 điểm
	Tiêu chuẩn 2: Tổ chức thực hiện tuyển dụng, sử dụng, quy hoạch, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động theo quy định, đảm bảo công khai, minh bạch, khách quan; thực hiện đầy đủ chính sách, chế độ cho nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động theo quy định.	1 điểm	1 điểm
	Tiêu chuẩn 3: Đội ngũ nhà giáo của trường tham gia giảng dạy đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ và các tiêu chuẩn hiện hành khác nếu có.	1 điểm	1 điểm
	Tiêu chuẩn 4: Nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định và không vi phạm quy chế, nội quy và quy định của trường.	1 điểm	1 điểm
	Tiêu chuẩn 5: Trường có đội ngũ nhà giáo đảm bảo tỷ lệ quy đổi; số lượng nhà giáo cơ hữu đảm nhận khối lượng chương trình mỗi ngành, nghề đào tạo theo quy định; trường đảm bảo tỷ lệ nhà giáo có trình độ sau đại học theo quy định.	1 điểm	1 điểm
	Tiêu chuẩn 6: Nhà giáo giảng dạy theo nội dung, mục tiêu của chương trình đào tạo và thực hiện đầy đủ các yêu cầu của chương trình đào tạo.	1 điểm	1 điểm
	Tiêu chuẩn 7: Trường có chính sách, biện pháp và thực hiện các chính sách, biện pháp khuyến khích nhà giáo học tập và tự bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, đổi mới phương pháp giảng dạy.	1 điểm	1 điểm

	Tiêu chuẩn 8: Hằng năm, trường có kế hoạch và triển khai kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và phương pháp giảng dạy cho đội ngũ nhà giáo.	1 điểm	1 điểm
	Tiêu chuẩn 9: Nhà giáo được bồi dưỡng, thực tập tại đơn vị sử dụng lao động để cập nhật kiến thức, công nghệ, phương pháp tổ chức quản lý sản xuất theo quy định và thực hiện theo quy định đặc thù của ngành nếu có.	1 điểm	0 điểm
	Tiêu chuẩn 10: Hằng năm, trường thực hiện tổng kết, đánh giá hiệu quả công tác đào tạo, bồi dưỡng đối với đội ngũ nhà giáo.	1 điểm	1 điểm
	Tiêu chuẩn 11: Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng của trường đáp ứng các tiêu chuẩn theo quy định và thực hiện đúng quyền hạn, trách nhiệm được giao.	1 điểm	1 điểm
	Tiêu chuẩn 12: Đội ngũ cán bộ quản lý của các đơn vị thuộc trường được bổ nhiệm, miễn nhiệm theo quy định.	1 điểm	1 điểm
	Tiêu chuẩn 13: Đội ngũ cán bộ quản lý của trường đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ; thực hiện đúng quyền hạn và nhiệm vụ được giao	1 điểm	1 điểm
	Tiêu chuẩn 14: Hằng năm, trường có kế hoạch và triển khai kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý.	1 điểm	1 điểm
	Tiêu chuẩn 15: Đội ngũ viên chức, người lao động của trường đủ số lượng, có năng lực chuyên môn đáp ứng yêu cầu công việc được giao, được định kỳ bồi dưỡng nâng cao trình độ.	1 điểm	1 điểm
4	Tiêu chí 4: Chương trình, giáo trình	15 điểm	12 điểm
	Tiêu chuẩn 1: Có đầy đủ chương trình đào tạo các chuyên ngành hoặc nghề mà trường đào tạo.	1 điểm	1 điểm
	Tiêu chuẩn 2: 100% chương trình đào tạo được xây dựng hoặc lựa chọn theo quy định.	1 điểm	1 điểm
	Tiêu chuẩn 3: Chương trình đào tạo của trường thể hiện được mục tiêu đào tạo của trình độ tương ứng; quy định chuẩn kiến thức, kỹ năng của người học đạt được sau tốt nghiệp; phạm vi và cấu trúc nội dung, phương pháp và hình thức đào tạo; cách thức đánh giá kết quả học tập đối với từng mô đun, môn học, từng chuyên ngành hoặc nghề và từng trình độ theo quy định.	1 điểm	1 điểm

Tiêu chuẩn 4: Chương trình đào tạo được xây dựng có sự tham gia của nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục nghề nghiệp, cán bộ khoa học kỹ thuật của đơn vị sử dụng lao động; thực hiện theo quy định đặc thù của ngành nếu có.	1 điểm	1 điểm
Tiêu chuẩn 5: Chương trình đào tạo đảm bảo tính thực tiễn và đáp ứng sự thay đổi của thị trường lao động.	1 điểm	0 điểm
Tiêu chuẩn 6: Chương trình đào tạo được xây dựng bảo đảm việc liên thông giữa các trình độ giáo dục nghề nghiệp với các trình độ đào tạo khác trong hệ thống giáo dục quốc dân theo quy định.	1 điểm	1 điểm
Tiêu chuẩn 7: Ít nhất 3 năm 1 lần trường thực hiện đánh giá, cập nhật và điều chỉnh nếu có đối với chương trình đào tạo đã ban hành.	1 điểm	1 điểm
Tiêu chuẩn 8: Chỉnh sửa, bổ sung chương trình đào tạo có cập nhật những thành tựu khoa học công nghệ tiên tiến liên quan đến ngành, nghề đào tạo hoặc tham khảo các chương trình đào tạo tương ứng của nước ngoài.	1 điểm	1 điểm
Tiêu chuẩn 9: Trước khi tổ chức đào tạo liên thông, trường căn cứ chương trình đào tạo, thực hiện rà soát các mô đun, tín chỉ, môn học và có quyết định đối với các mô đun, tín chỉ, môn học mà người học không phải học để đảm bảo quyền lợi của người học.	1 điểm	0 điểm
Tiêu chuẩn 10: Có đủ giáo trình cho các mô đun, môn học của từng chương trình đào tạo.	1 điểm	1 điểm
Tiêu chuẩn 11: 100% giáo trình đào tạo được xây dựng hoặc lựa chọn theo quy định để làm tài liệu giảng dạy, học tập chính thức.	1 điểm	1 điểm
Tiêu chuẩn 12: Giáo trình đào tạo cụ thể hóa yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng của từng mô đun, môn học trong chương trình đào tạo.	1 điểm	1 điểm
Tiêu chuẩn 13: Giáo trình đào tạo tạo điều kiện để thực hiện phương pháp dạy học tích cực.	1 điểm	1 điểm

	Tiêu chuẩn 14: Hằng năm, trường thực hiện việc lấy ý kiến của nhà giáo, cán bộ quản lý, cán bộ khoa học kỹ thuật của đơn vị sử dụng lao động, người tốt nghiệp về mức độ phù hợp của giáo trình đào tạo; thực hiện theo quy định đặc thù của ngành nếu có.	1 điểm	0 điểm
	Tiêu chuẩn 15: Khi có sự thay đổi về chương trình đào tạo, trường thực hiện đánh giá, cập nhật và điều chỉnh nếu có đối với giáo trình đào tạo đảm bảo yêu cầu theo quy định.	1 điểm	1 điểm
5	Tiêu chí 5: Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo và thư viện	15 điểm	14 điểm
	Tiêu chuẩn 1: Địa điểm xây dựng trường phù hợp với quy hoạch chung của khu vực và mạng lưới các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, khu đất xây dựng cần đảm bảo yên tĩnh cho việc giảng dạy và học tập; giao thông thuận tiện và an toàn; thuận tiện cho việc cung cấp điện, nước, đảm bảo khoảng cách đối với các xí nghiệp công nghiệp thải ra chất độc hại; thực hiện theo quy định đặc thù của ngành nếu có.	1 điểm	1 điểm
	Tiêu chuẩn 2: Quy hoạch tổng thể mặt bằng khuôn viên hợp lý, phù hợp với công năng và các yêu cầu giao thông nội bộ, kiến trúc và môi trường sư phạm; diện tích đất sử dụng, diện tích cây xanh đảm bảo theo quy định.	1 điểm	1 điểm
	Tiêu chuẩn 3: Có đủ các khu vực phục vụ hoạt động của trường theo tiêu chuẩn: khu học tập và nghiên cứu khoa học (phòng học lý thuyết, phòng học thực hành, phòng thí nghiệm và phòng học chuyên môn); khu thực hành (xưởng thực hành, thực tập, trại trường, vườn thí nghiệm); khu vực rèn luyện thể chất; khu hành chính quản trị, phụ trợ và khu phục vụ sinh hoạt cho người học và nhà giáo.	1 điểm	1 điểm
	Tiêu chuẩn 4: Hệ thống hạ tầng kỹ thuật của trường (đường giao thông nội bộ; hệ thống điện; cấp thoát nước, xử lý nước thải, chất thải; thông gió; phòng cháy chữa cháy) theo quy chuẩn và đáp ứng nhu cầu đào tạo, sản xuất, dịch vụ, sinh hoạt; được bảo trì, bảo dưỡng theo quy định.	1 điểm	1 điểm

<p>Tiêu chuẩn 5: Phòng học, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, phòng học chuyên môn hóa bảo đảm quy chuẩn xây dựng, tiêu chuẩn cơ sở vật chất hiện hành và các yêu cầu công nghệ của thiết bị đào tạo.</p>	<p>1 điểm</p>	<p>1 điểm</p>
<p>Tiêu chuẩn 6: Trường có quy định về quản lý, sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng thiết bị đào tạo.</p>	<p>1 điểm</p>	<p>1 điểm</p>
<p>Tiêu chuẩn 7: Phòng học, giảng đường, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, phòng học chuyên môn hóa được sử dụng theo quy định hiện hành.</p>	<p>1 điểm</p>	<p>1 điểm</p>
<p>Tiêu chuẩn 8: Thiết bị đào tạo đáp ứng danh mục và tiêu chuẩn thiết bị tối thiểu theo yêu cầu đào tạo của từng trình độ đào tạo theo chuyên ngành hoặc nghề do cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp ở trung ương quy định. Đối với các chuyên ngành hoặc nghề mà cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp ở trung ương chưa ban hành danh mục và tiêu chuẩn thiết bị tối thiểu thì trường đảm bảo thiết bị đào tạo đáp ứng yêu cầu chương trình đào tạo, tương ứng quy mô đào tạo của chuyên ngành hoặc nghề đó.</p>	<p>1 điểm</p>	<p>1 điểm</p>
<p>Tiêu chuẩn 9: Thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo được bố trí hợp lý, an toàn, thuận tiện cho việc đi lại, vận hành, bảo dưỡng và tổ chức hướng dẫn thực hành; đảm bảo các yêu cầu sư phạm, an toàn vệ sinh công nghiệp, vệ sinh môi trường.</p>	<p>1 điểm</p>	<p>1 điểm</p>
<p>Tiêu chuẩn 10: Trường có quy định về quản lý, sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng thiết bị đào tạo, trong đó có quy định về việc định kỳ đánh giá và đề xuất biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng thiết bị đào tạo.</p>	<p>1 điểm</p>	<p>1 điểm</p>
<p>Tiêu chuẩn 11: Thiết bị đào tạo có hồ sơ quản lý rõ ràng, được sử dụng đúng công năng, quản lý, bảo trì, bảo dưỡng theo quy định của trường và nhà sản xuất; hàng năm đánh giá và đề xuất biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng theo quy định.</p>	<p>1 điểm</p>	<p>1 điểm</p>
<p>Tiêu chuẩn 12: Trường có định mức tiêu hao vật tư hoặc định mức kinh tế - kỹ thuật trong đào tạo và có quy định về quản lý, cấp phát, sử dụng vật tư, phục vụ đào tạo; tổ chức thực hiện theo quy định đảm bảo kịp thời, đáp ứng kế hoạch và tiến độ đào tạo; vật tư được bố trí sắp xếp gọn gàng, ngăn nắp thuận tiện cho việc bảo quản và sử dụng.</p>	<p>1 điểm</p>	<p>1 điểm</p>

	Tiêu chuẩn 13: Trường có thư viện bao gồm phòng đọc, phòng lưu trữ bảo đảm theo tiêu chuẩn thiết kế. Thư viện có đủ chương trình, giáo trình đã được trường phê duyệt, mỗi loại giáo trình đảm bảo tối thiểu 05 bản in.	1 điểm	1 điểm
	Tiêu chuẩn 14: Tổ chức hoạt động, hình thức phục vụ của thư viện trường phù hợp với nhu cầu tra cứu của cán bộ quản lý, nhà giáo và người học.	1 điểm	1 điểm
	Tiêu chuẩn 15: Trường có thư viện điện tử, có phòng máy tính đáp ứng nhu cầu tra cứu, truy cập thông tin của nhà giáo và người học; các giáo trình, tài liệu tham khảo của trường được số hóa và tích hợp với thư viện điện tử phục vụ hiệu quả cho hoạt động đào tạo.	1 điểm	0 điểm
6	Tiêu chí 6 - Nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và hợp tác quốc tế	5 điểm	4 điểm
	Tiêu chuẩn 1: Trường có chính sách và thực hiện các chính sách khuyến khích cán bộ quản lý, nhà giáo và nhân viên tham gia nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến và chuyển giao công nghệ nhằm nâng cao hiệu quả, chất lượng đào tạo.	1 điểm	1 điểm
	Tiêu chuẩn 2: Hằng năm, trường có đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến từ cấp trường trở lên phục vụ thiết thực công tác đào tạo của trường (ít nhất 01 đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến đối với trường trung cấp, ít nhất 02 đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến đối với trường cao đẳng).	1 điểm	1 điểm
	Tiêu chuẩn 3: Hằng năm, trường có các bài báo, ấn phẩm của nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động đăng trên các báo, tạp chí khoa học ở trong nước hoặc quốc tế.	1 điểm	1 điểm
	Tiêu chuẩn 4: Các đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến của trường được ứng dụng thực tiễn.	1 điểm	1 điểm
	Tiêu chuẩn 5: Có liên kết đào tạo hoặc triển khai các hoạt động, hợp tác với các trường nước ngoài hoặc các tổ chức quốc tế; các hoạt động hợp tác quốc tế góp phần nâng cao chất lượng đào tạo của trường.	1 điểm	0 điểm

7	Tiêu chí 7: Quản lý tài chính	6 điểm	6 điểm
	Tiêu chuẩn 1: Trường có quy định về quản lý, sử dụng, thanh quyết toán về tài chính theo quy định và công bố công khai.	1 điểm	1 điểm
	Tiêu chuẩn 2: Quản lý, sử dụng các nguồn thu từ hoạt động dịch vụ đào tạo; tham gia sản xuất, kinh doanh, dịch vụ đúng theo quy định.	1 điểm	1 điểm
	Tiêu chuẩn 3: Trường có các nguồn lực về tài chính đảm bảo đủ kinh phí phục vụ các hoạt động, của trường.	1 điểm	1 điểm
	Tiêu chuẩn 4: Thực hiện việc quản lý, sử dụng và thanh quyết toán đúng quy định.	1 điểm	1 điểm
	Tiêu chuẩn 5: Thực hiện công tác tự kiểm tra tài chính kế toán; thực hiện kiểm toán theo quy định; xử lý, khắc phục kịp thời các vấn đề còn vướng mắc trong việc thực hiện các quy định về quản lý và sử dụng tài chính khi có kết luận của các cơ quan có thẩm quyền; thực hiện công khai tài chính theo quy định.	1 điểm	1 điểm
	Tiêu chuẩn 6: Hằng năm, trường có đánh giá hiệu quả sử dụng nguồn tài chính của trường; có các biện pháp nâng cao hiệu quả quản lý và sử dụng tài chính nhằm nâng cao chất lượng các hoạt động của trường.	1 điểm	1 điểm
8	Tiêu chí 8: Dịch vụ người học	9 điểm	9 điểm
	Tiêu chuẩn 1: Người học được cung cấp đầy đủ thông tin về mục tiêu, chương trình đào tạo; quy chế kiểm tra, thi và xét công nhận tốt nghiệp; nội quy, quy chế của trường; các chế độ, chính sách hiện hành đối với người học; các điều kiện đảm bảo chất lượng dạy và học theo quy định.	1 điểm	1 điểm
	Tiêu chuẩn 2: Người học được hưởng các chế độ, chính sách theo quy định.	1 điểm	1 điểm
	Tiêu chuẩn 3: Có chính sách và thực hiện chính sách khen thưởng, khuyến khích kịp thời đối với người học đạt kết quả cao trong học tập, rèn luyện. Người học được hỗ trợ kịp thời trong quá trình học tập tại trường để hoàn thành nhiệm vụ học tập.	1 điểm	1 điểm
	Tiêu chuẩn 4: Người học được tôn trọng và đối xử bình đẳng, không phân biệt giới tính, tôn giáo, nguồn gốc xuất thân.	1 điểm	1 điểm

Tiêu chuẩn 5: Ký túc xá đảm bảo đủ diện tích nhà ở và các điều kiện tối thiểu (chỗ ở, điện, nước, vệ sinh, các tiện nghi khác) cho sinh hoạt và học tập của người học.	1 điểm	1 điểm
Tiêu chuẩn 6: Có dịch vụ y tế chăm sóc và bảo vệ sức khỏe; dịch vụ ăn uống của trường đáp ứng nhu cầu của người học và đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm.	1 điểm	1 điểm
Tiêu chuẩn 7: Người học được tạo điều kiện hoạt động, tập luyện văn nghệ, thể dục thể thao, tham gia các hoạt động xã hội; được đảm bảo an toàn trong khuôn viên trường.	1 điểm	1 điểm
Tiêu chuẩn 8: Trường thực hiện việc tư vấn việc làm cho người học sau khi tốt nghiệp.	1 điểm	1 điểm
Tiêu chuẩn 9: Hằng năm, trường tổ chức hoặc phối hợp tổ chức hội chợ việc làm để người học tiếp xúc với các nhà tuyển dụng.	1 điểm	1 điểm
Tiêu chí 9: Giám sát, đánh giá chất lượng	6 điểm	6 điểm
Tiêu chuẩn 1: Hằng năm, thu thập ý kiến tối thiểu 10 đơn vị sử dụng lao động về mức độ đáp ứng của người tốt nghiệp làm việc tại đơn vị sử dụng lao động.	1 điểm	1 điểm
Tiêu chuẩn 2: Hằng năm, thu thập ý kiến đánh giá tối thiểu 50% cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động về các chính sách liên quan đến dạy và học, chính sách tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại, bổ nhiệm cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động.	1 điểm	1 điểm
Tiêu chuẩn 3: Hằng năm, thu thập ý kiến đánh giá tối thiểu 30% người học đại diện các ngành, nghề đào tạo về chất lượng, hiệu quả của các hình thức, phương thức đào tạo; chất lượng dịch vụ, giảng dạy và việc thực hiện chính sách liên quan đến người học của trường.	1 điểm	1 điểm
Tiêu chuẩn 4: Trường thực hiện hoạt động tự đánh giá chất lượng và kiểm định chất lượng theo quy định.	1 điểm	1 điểm
Tiêu chuẩn 5: Hằng năm, trường có kế hoạch cụ thể và các biện pháp thực hiện việc cải thiện, nâng cao chất lượng đào tạo trên cơ sở kết quả tự đánh giá và kết quả đánh giá ngoài nếu có.	1 điểm	1 điểm
Tiêu chuẩn 6: Trường có tỷ lệ 80% người học có việc làm phù hợp với chuyên ngành hoặc nghề đào tạo sau 6 tháng kể từ khi tốt nghiệp.	1 điểm	1 điểm

3.2. Tự đánh giá theo từng tiêu chí, tiêu chuẩn

3.2.1. TIÊU CHÍ I: Mục tiêu, sứ mạng, tổ chức và quản lý

Mở đầu:

Trường Cao đẳng Công nghiệp Thái Nguyên là đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Bộ Công Thương quản lý. Mục tiêu giáo dục của nhà trường là: Đào tạo và bồi dưỡng nguồn nhân lực có chất lượng, có trình độ cao đẳng, trung cấp và sơ cấp... đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của ngành và các tỉnh miền núi phía Bắc. Căn cứ vào định hướng phát triển kinh tế - xã hội của ngành và nhu cầu xã hội, nhà trường thường xuyên rà soát, điều chỉnh mục tiêu nhiệm vụ, bổ sung ngành, nghề đào tạo, tăng cường đầu tư vào các ngành nghề truyền thống theo hướng không ngừng nâng cao chất lượng đào tạo theo kịp sự phát triển kinh tế của đất nước và yêu cầu hội nhập trong khu vực và trên thế giới.

** Những điểm mạnh:*

Trường Cao đẳng Công nghiệp Thái Nguyên là đơn vị trực thuộc Bộ Công Thương, Nhà trường đã có truyền thống hơn 60 năm xây dựng và phát triển, hàng năm lớp lớp HSSV ra trường đã tỏa ra khắp mọi miền của Tổ quốc phục vụ cho sự nghiệp xây dựng và phát triển kinh tế của đất nước.

Mục tiêu, sứ mạng, tổ chức và quản lý của nhà trường được xác định rõ ràng, theo từng giai đoạn phát triển, từng năm học, được công bố bằng nhiều hình thức trên các phương tiện thông tin, tài liệu giới thiệu về trường và trên website của trường.

** Kế hoạch nâng cao chất lượng:*

Định kỳ hằng năm nhà trường tiếp tục rà soát, điều chỉnh mục tiêu, sứ mạng, tổ chức và quản lý của nhà trường phù hợp với từng giai đoạn phát triển và công bố rộng rãi thông qua nhiều hình thức.

Điểm đánh giá tiêu chí 1

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
Tiêu chí 1	11 điểm
Tiêu chuẩn 1	1 điểm
Tiêu chuẩn 2	1 điểm
Tiêu chuẩn 3	1 điểm
Tiêu chuẩn 4	1 điểm
Tiêu chuẩn 5	1 điểm
Tiêu chuẩn 6	0 điểm
Tiêu chuẩn 7	1 điểm

Tiêu chuẩn 8	1 điểm
Tiêu chuẩn 9	1 điểm
Tiêu chuẩn 10	1 điểm
Tiêu chuẩn 11	1 điểm
Tiêu chuẩn 12	1 điểm

Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu và sứ mạng của trường được xác định cụ thể, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, thể hiện được vai trò của trường trong việc đáp ứng nhu cầu sử dụng nhân lực của địa phương, ngành và được công bố công khai.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Trường Cao đẳng Công nghiệp Thái Nguyên được thành lập theo trên cơ sở nâng cấp từ trường Trung học Công nghiệp Thái Nguyên và quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của trường Cao đẳng Công nghiệp Thái Nguyên (1.1.01 - Quyết định số 5618/QĐ-BGDĐT ngày 09/10/2006 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Quyết định số 473/QĐ/BCT ngày 15/01/2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương). Tại Đề án thành lập trường năm 2006, trường đã xác định mục tiêu sứ mạng của mình là: “Trường Cao đẳng Công nghiệp Thái Nguyên là cơ sở đào tạo công lập, trường có chức năng đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực có trình độ cao đẳng kỹ thuật, kinh tế công nghiệp và các trình độ thấp hơn; là cơ sở nghiên cứu, triển khai khoa học – công nghệ phục vụ quản lý, sản xuất, kinh doanh của ngành công nghiệp và yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội; có năng lực hội nhập khu vực và quốc tế” (1.1.02 – Đề án thành lập trường).

Mục tiêu và sứ mạng của trường phù hợp với chức năng nhiệm vụ và quyền hạn của các đơn vị trực thuộc được quy định trong văn bản Điều lệ của Trường Cao đẳng (Thông tư số: 46/TT-BLĐTBXH ngày 28/12/2016); luôn được điều chỉnh trong từng giai đoạn cho phù hợp với nguồn lực của trường, đáp ứng nhu cầu sử dụng nhân lực của ngành, địa phương, phục vụ chiến lược phát triển kinh tế-xã hội của tỉnh Thái Nguyên; Thực hiện tốt phê duyệt của Bộ trưởng Bộ Công Thương về phát triển vùng kinh tế trọng điểm Bắc bộ đến năm 2015 có xét đến năm 2020 (1.1.03 – Đề án phát triển vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ)

Mục tiêu và Sứ mạng của trường đã được công bố công khai trên báo, đài, truyền hình, trang Web theo địa chỉ <http://wwcdcn.edu.vn>...(1.1.04 - Tờ rơi giới thiệu Nhà trường, thông báo tuyển sinh, website Trường, báo, đài, truyền hình).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 1 tiêu chí 1: 1 điểm

Tiêu chuẩn 2: Trường thực hiện phân tích, đánh giá nhu cầu sử dụng nhân lực của địa phương hoặc ngành để xác định các ngành, nghề đào tạo và quy mô đào tạo phù hợp.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Trên cơ sở quán triệt các quan điểm, mục tiêu phát triển được thể hiện trong Quyết định số 2134/QĐ-UBND ngày 21/9/2010, về việc phê duyệt quy hoạch phát triển nhân lực tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2012-2020 (1.2.01 - Quyết định số 2134 ngày 21/9/2010 của UBND tỉnh Thái Nguyên), Trường thực hiện phân tích, đánh giá nhu cầu sử dụng nhân lực qua việc khảo sát ý kiến 12 doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên đã và đang hợp tác với Nhà trường, đồng thời căn cứ nguồn nhân lực giảng dạy, cơ sở vật chất phục vụ công tác đào tạo, trường đã xác định các ngành, nghề đào tạo và quy mô đào tạo của trường (1.2.02 - Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp số 53/2020/GCNDKHD-TCGDNN), (1.2.03 - Kế hoạch khảo sát, phiếu khảo sát và báo cáo Kết quả khảo sát nhu cầu sử dụng lao động của các doanh nghiệp).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2 tiêu chí 1: 1 điểm

Tiêu chuẩn 3: Trường ban hành văn bản quy định về tổ chức và quản lý theo hướng đảm bảo quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các đơn vị trong trường theo quy định.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Công tác quản lý của trường thực hiện theo quy chế dân chủ cơ sở, đảm bảo quyền tự chủ và chịu trách nhiệm của các khoa chuyên môn, các phòng chức năng trong trường theo. Việc thành lập và các quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các phòng, khoa, tổ chuyên môn được phòng TCHC xây dựng thể hiện theo Quy chế tổ chức và hoạt động của trường có cơ chế phối hợp công tác giữa các bộ phận, chỉ đạo và chịu sự chỉ đạo một cách rõ ràng. Sau khi có quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của trường CĐCN TN (1.1.01 - Quyết định số 473/QĐ-BCT ngày 15/01/2014 của Bộ trưởng bộ Công thương), trường đã ra Quyết định số 01A/2015/QĐ - CĐCN ngày 02/01/2015 quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các đơn vị trực thuộc trong trường (1.3.01 - Quyết định số 01A/2015/QĐ - CĐCN ngày 02/01/2015). Căn cứ vào đó, các phòng, khoa chủ động xây dựng kế hoạch làm việc để thực hiện tốt chức năng và chịu trách nhiệm hoàn thành nhiệm vụ được giao.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3 tiêu chí 1: 1 điểm

Tiêu chuẩn 4: Hằng năm, các văn bản quy định về tổ chức và quản lý của trường được rà soát, thực hiện điều chỉnh nếu cần thiết.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Nhà trường thường xuyên rà soát, điều chỉnh và ban hành các quy định, nội quy, quy chế nội bộ khi có các văn bản của Nhà nước ban hành, trường bổ sung điều chỉnh nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động và phù hợp với quy định hiện hành (1.4.01 - Văn bản rà soát, bổ sung, điều chỉnh quy chế nội bộ hàng năm).

Trong năm vừa qua đã xây dựng hoàn chỉnh quy trình bổ nhiệm cán bộ, quy trình tuyển dụng nhân lực theo hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền (1.4.02 - Quy trình bổ nhiệm cán bộ, quy trình tuyển dụng nhân lực).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4 tiêu chí 1: 1 điểm

Tiêu chuẩn 5: Các phòng, khoa, bộ môn và các đơn vị trực thuộc trường được phân công, phân cấp rõ ràng về chức năng, nhiệm vụ, phù hợp với cơ cấu ngành nghề, quy mô đào tạo và mục tiêu của trường.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức các đơn vị thuộc trường được thực hiện theo Quyết định số 01A/QĐ-CĐCN Ngày 02/01/2015 (1.3.01 - Quyết định số 01A/QĐ-CĐCN Ngày 02/01/2015). Với việc quy định cơ chế phối hợp thực hiện nhiệm vụ và sự phân công nhiệm vụ rõ ràng giữa các phòng, khoa, trung tâm tránh được sự chồng chéo trong công tác, hiệu quả hoạt động của các đơn vị cao hơn. Đồng thời đánh giá cụ thể các công việc hoàn thành của các bộ phận phù hợp với cơ cấu ngành nghề, quy mô đào tạo và mục tiêu của trường (1.2.02 – Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN số 53/2020-GCNDKHH-TCGDNN), (1.5.01 – Báo cáo tổng kết công tác hàng năm của phòng, khoa, bộ môn và các đơn vị trực thuộc trường).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 5 tiêu chí 1: 1 điểm

Tiêu chuẩn 6: Hội đồng trường hoặc hội đồng quản trị, các hội đồng tư vấn, các phòng, khoa, bộ môn và các đơn vị trực thuộc trường hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ theo quy định và có hiệu quả.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Nhà trường đang triển khai các bước thành lập hội đồng trường theo đúng trình tự được Pháp luật quy định.

Nhà trường đã thành lập các hội đồng tư vấn theo đúng quy định của Thông tư số 46/2016/TT-BLĐTĐ ngày 28/12/2016 quy định về Điều lệ trường Cao đẳng: Hội đồng khoa học (1.6.01 - Quyết định số 331/QĐ-CĐCN ngày 1/10/2018), Hội đồng lương (Quyết định số 108/QĐ-CĐCN ngày 5/5/2020), Hội đồng thi đua khen thưởng năm 2019-2020 (Quyết định số 355/QĐ-CĐCN ngày 11/8/2020), Quyết định thành lập các ban chủ nhiệm, tổ biên soạn chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp (Quyết định số 128 đến 131 ngày 27/4/2017); Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo (Quyết định số 523 đến 527 ngày 9/12/2019).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 6 tiêu chí 1: 0 điểm

Tiêu chuẩn 7: Trường xây dựng và vận hành hệ thống đảm bảo chất lượng theo quy định.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Căn cứ vào Quy chế tổ chức và hoạt động, Trường đã thành lập phòng Thanh tra - Khảo thí và Kiểm định chất lượng (1.7.01 – Quyết định số 375/QĐ - CĐCN về việc

thành lập phòng Thanh tra - Khảo thí & Kiểm định chất lượng), Phòng thực hiện nhiệm vụ tham mưu cho BGH trong các hoạt động xây dựng và vận hành hệ thống đảm bảo chất lượng theo quy định (1.7.02 - *Kế hoạch số 150/KH-CĐCN ngày 24/06/2018 kế hoạch tổng thể xây dựng hệ thống đảm bảo chất lượng trường CĐCN Thái Nguyên giai đoạn 2018-2020; Quyết định số 210A/QĐ-CĐCN ngày 27/06/2018 về việc Thành lập hội đồng xây dựng hệ thống đảm bảo chất lượng trường CĐCN Thái Nguyên giai đoạn 2018-2020; Quyết định số 594/QĐ-CĐCN ngày 31/12/2018 về việc ban hành và đưa vào sử dụng 40 quy trình trong hệ thống đảm bảo chất lượng*). Các nội dung xây dựng hệ thống đảm bảo chất lượng của Trường như:

- Xây dựng chính sách chất lượng; Xây dựng mục tiêu chất lượng; Xây dựng sổ tay bảo đảm chất lượng; Xây dựng quy trình, công cụ bảo đảm chất lượng (1.7.03 – *Các Tài liệu bảo đảm chất lượng được phê duyệt*).

- Nhà trường đang có kế hoạch thiết lập hệ thống thông tin bảo đảm chất lượng bao gồm máy móc, thiết bị, phần mềm và công nghệ phục vụ việc xây dựng, vận hành hệ thống bảo đảm chất lượng được thể hiện trong báo cáo tổng kết năm của nhà trường (1.5.01 – *Báo cáo tổng kết công tác hàng năm của phòng, khoa, bộ môn và các đơn vị trực thuộc trường.*)

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 7 tiêu chí 1: 1 điểm

Tiêu chuẩn 8: *Trường có bộ phận phụ trách thực hiện công tác quản lý, đảm bảo chất lượng đào tạo và hằng năm hoàn thành nhiệm vụ được giao.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Phòng Thanh tra - Khảo thí và KĐCL có chức năng kiểm định đánh giá chất lượng giáo dục của trường (1.7.01 – *Quyết định thành lập phòng Thanh tra – Khảo thí & KĐCL*)

Hiện nay nhân sự của phòng Thanh tra - Khảo thí và KĐCL là 05 đồng chí gồm 01 trưởng phòng, 01 phó phòng và 03 chuyên viên đều đạt chuẩn có trình độ từ đại học trở lên, đáp ứng được nhu cầu nhiệm vụ kiểm định chất lượng giáo dục của trường. Phòng Thanh tra - Khảo thí và KĐCL đã triển khai các hoạt động đánh giá chất lượng theo chuẩn đánh giá của Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp, cử cán bộ tham dự các lớp đào tạo bồi dưỡng về công tác kiểm định, triển khai các công việc:

- Tham mưu đề xuất với lãnh đạo các biện pháp thực hiện nghiêm túc các quy chế của bộ giáo dục về công tác thi và kiểm tra; duy trì tổ chức thi đúng lịch, giám sát thi nghiêm túc; tổ chức quản lý đề thi khoa học, bảo mật; Quản lý kiểm tra thi đầy đủ các hệ. Đảm bảo khi cần tra cứu so sánh kết quả đúng, nhanh, chính xác.

- Kiểm tra việc thực hiện nội quy nề nếp của cán bộ giáo viên, HSSV, hàng tháng tổng hợp báo cáo gửi Ban giám hiệu, các khoa, phòng ban xem xét, bình bầu thi đua, rút kinh nghiệm.

- Kết quả lấy ý kiến phản hồi môn học, mô đun của HSSV được tổng hợp chi tiết và gửi các đơn vị theo kỳ học.

- Kết hợp với các đơn vị tổ chức thực hiện tự kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp đúng theo kế hoạch và các thông tư, quy định hướng dẫn, hoàn thành báo cáo tự kiểm định hàng năm gửi Sở LĐTĐ-XH Tỉnh Thái Nguyên, Cục Kiểm định - Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp. Hàng năm, phòng hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao và các cá nhân được bầu là lao động tiên tiến (1.5.01 - Báo cáo tổng kết năm và phương hướng nhiệm vụ của Nhà trường hàng năm), (1.8.01- Báo cáo tổng kết công tác hàng năm của phòng).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 8 tiêu chí 1: 1 điểm

Tiêu chuẩn 9: *Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam trong trường phát huy được vai trò lãnh đạo, hoạt động đúng điều lệ và theo quy định của Hiến pháp và pháp luật.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Căn cứ vào kết quả bầu cử BCH Đảng bộ tại Đại hội Đảng bộ trường CĐCN Thái Nguyên khóa 14 nhiệm kỳ (2020-2025) Thành ủy Thái Nguyên đã ra quyết định số 1521-QĐ/TU của Thành ủy Thái Nguyên ngày 1/6/2020 về việc chuẩn y BCH Đảng bộ Trường CĐCN TN (1.9.01- quyết định số 1521-QĐ/TU của Thành ủy Thái Nguyên ngày 1/6/2020).

Đảng bộ trường chia thành 06 chi bộ bộ phận. Ban chấp hành Đảng bộ họp định kỳ hàng tháng và đều ra nghị quyết hoạt động của trường; trên cơ sở đó các chi bộ triển khai Nghị quyết của chi bộ tùy theo chức năng nhiệm vụ của chi bộ mình. Định kỳ 06 tháng Đảng bộ đều có báo cáo sơ kết những việc đã làm được và đề ra phương hướng nhiệm vụ của 06 tháng tới (1.9.02 - Nghị quyết Đảng bộ trường hàng năm). Đẩy mạnh công tác phát triển Đảng viên trong CBGV nhà trường và học sinh, sinh viên, công tác tạo nguồn và phát triển đảng viên, bảo đảm về tiêu chuẩn và quy trình, hàng năm các chi bộ đều xây dựng kế hoạch phát triển đảng viên mới và chỉ tiêu đó đều hoàn thành đúng kế hoạch đề ra (1.9.03 - Kế hoạch hoạt động của Đảng bộ ; Báo cáo tổng kết công tác hàng năm Đảng bộ trường).

Hàng năm, Đảng bộ nhà trường đã đạt được nhiều thành tích cao trong các hoạt động (1.9.04 - Quyết định, giấy khen tập thể và cá nhân đảng viên nhà trường).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2 tiêu chí 1: 1 điểm

Tiêu chuẩn 10: *Các đoàn thể, tổ chức xã hội trong trường hoạt động theo đúng điều lệ của tổ chức mình và theo quy định của pháp luật, góp phần đảm bảo và nâng cao chất lượng đào tạo của trường.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

1. Công đoàn trường Cao đẳng Công nghiệp Thái Nguyên đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ nhà trường và chỉ đạo trực tiếp của Công đoàn Công thương Việt Nam;

BCH Công đoàn trường Cao đẳng Công nghiệp Thái Nguyên khóa XIII, nhiệm kỳ (2017 – 2022) đã được đoàn Công thương Việt Nam ra công nhận số 23/QĐ-CĐCT ngày 09 tháng 01 năm 2018, hiện tại BCH Công đoàn trường gồm: 09 đồng chí; Ban thường vụ gồm: 03 đồng chí, trong đó có 01 Chủ tịch, 01 Phó Chủ tịch và 01 ủy viên thường vụ (1.10.01 - Quyết định số 23/QĐ-CĐCT của Công đoàn Công Thương ngày 9/1/2018); Công đoàn trường hiện nay có 6 công đoàn bộ phận trực thuộc, với 154 đoàn viên, trên cơ sở Luật Công đoàn và Điều lệ Công đoàn Việt Nam, BCH Công đoàn trường đã ra Quyết định số 20/QĐ – CĐCN ngày 22/01/2018 về việc ban hành Quy chế làm việc của BCH công đoàn trường CĐCN Thái Nguyên khóa XIII nhiệm kỳ 2017-2022 (1.10.02 - Quyết định số 20/QĐ – CĐCN ngày 22/01/2018). Phong trào thi đua do Công đoàn tổ chức, luôn gắn với nhiệm vụ chính trị của Trường Công đoàn trường luôn tích cực tham gia các hoạt động công đoàn của Thành phố (Hội khỏe cấp Cụm và cấp Thành phố; các phong trào do LĐLĐ TP phát động), thực hiện tốt công tác chăm lo và tổ chức tốt các hoạt động công đoàn tại đơn vị như: Hội thao CBGV; Tham quan học tập kinh nghiệm nhân dịp 8/3; Tổ chức Hội diễn văn nghệ chào mừng ngày năm thành lập Trường; tổ chức cho đoàn viên đi nghỉ mát; Ủng hộ người nghèo do thành phố phát động, ủng hộ nạn nhân chất độc da cam; đồng bào vùng lũ, Ủng hộ biển đảo... Ban Thanh tra nhân dân hoạt động hiệu quả trong việc giám sát, kiểm tra thực hiện chế độ chính sách, bảo vệ quyền lợi và nghĩa vụ người lao động (1.10.03 - Quyết định số 41A/QĐ-CĐCN ngày 10/2/2020 về việc thành lập Thanh tra nhân dân, biên bản của Thanh tra nhân dân).

2. Đoàn trường đã tổ chức Đại hội lần thứ XVI, nhiệm kỳ 2019 - 2022 và đã được Thành đoàn Thái Nguyên ra Quyết định số 184/QĐ-TĐTN ngày 24/10/2019 công nhận BCH Đoàn trường gồm 09 đồng chí, trong đó Ban Thường vụ có 03 đồng chí gồm 01 bí thư, 01 phó bí thư và 01 ủy viên (1.10.04 - Quyết định số 184/QĐ-TĐTN ngày 24/10/2019 của Thành đoàn Thái Nguyên). Hàng năm, Đoàn thanh niên luôn phát huy vai trò xung kích, đi đầu trong các phong trào của Nhà trường, các hoạt động cụ thể như: Đoàn thanh niên luôn đi đầu trong các phong trào của nhà trường. Tổ chức tốt các hoạt động tình nguyện như: Chương trình Vòng tay nhân ái, Hiến máu tình nguyện, Hội trại, Hội thao, giải bóng đá ... Chủ động tổ chức các hoạt động tuyên dương, khen thưởng kịp thời tới các đoàn viên - sinh viên đạt thành tích cao trong các Học tập. Phối hợp với các tổ chức, đơn vị trong nhà trường thực hiện công tác tổ chức các sự kiện, văn hóa, văn nghệ (1.10.05 - kế hoạch, biên bản họp BCH Đoàn; (1.10.06 – Báo cáo Tổng kết hoạt động và Phương hướng công tác Đoàn); (1.10.07 - Giấy khen, cờ thi đua các loại của các đoàn thể).

Ban Nữ công nhân trường dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp của Ban chấp hành Công đoàn trường. Ban Thường vụ Công đoàn trường, gồm 03 đồng chí, 01 Trưởng ban và 02 ủy viên.

3. Hội CCB đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ nhà trường và chỉ đạo trực tiếp của Thành Hội thành phố Thái Nguyên, Đại hội lần 3, nhiệm kỳ 2017- 2022, Đại hội đã bầu ra Chủ tịch và phó Chủ tịch, ngày 23/4/2017 Hội CCB thành phố ra Quyết định số 64 và số 65/QĐ-CCB về việc chuẩn y chức danh Chủ tịch và 01 phó Chủ tịch Hội CCB trường Cao đẳng Công nghiệp Thái Nguyên, hiện tại Hội có 09 hội viên (1.10.08 Quyết định số 64 và số 65/QĐ-CCB ngày 23/4/2017).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 10 tiêu chí 1: 1 điểm

Tiêu chuẩn 11: Trường có quy định và thực hiện công tác kiểm tra, giám sát các hoạt động của trường theo quy định nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo. Hằng năm rà soát, cải tiến phương pháp, công cụ kiểm tra, giám sát.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Công tác kiểm tra, giám sát các hoạt động của Nhà trường được giao cho phòng Thanh tra - Khảo thí và Kiểm định chất lượng thực hiện, trong quy định chức năng nhiệm vụ của phòng ban hành kèm theo quyết định số 375/QĐ - CĐCN ngày 01/07/2009 (1.7.01 - Quyết định số 375/QĐ - CĐCN ngày 01/07/2009).

Hằng năm, vào mỗi đầu năm học, phòng Thanh tra - Khảo thí xây dựng kế hoạch kiểm tra, giám sát trình Hiệu trưởng phê, trong kế hoạch có đề xuất biện pháp thực hiện (1.11.01- Kế hoạch số 61/KHTT - CĐCN ngày 19/8/2020).

Qua các đợt kiểm tra, Nhà trường đã thực hiện báo cáo kết quả kiểm tra trước hội nghị cán bộ - viên chức. Ngoài việc thường xuyên kiểm tra định kỳ trong nội bộ, Nhà trường còn được nhiều Đoàn thanh tra, kiểm tra, giám sát của cấp trên kiểm tra đánh giá các mặt hoạt động của Trường. Căn cứ vào kết luận của các Đoàn thanh tra, kiểm tra, Nhà trường đã đề ra các giải pháp thích hợp để khắc phục các thiếu sót, nhằm nâng cao kết quả hoạt động của đơn vị như: Tăng cường công tác dự giờ, kiểm tra đột xuất, kiểm tra định kỳ hồ sơ giảng dạy của giảng viên.

Ngoài những phương pháp kiểm tra định kỳ, đột xuất, báo cáo đánh giá định kỳ hàng tháng, năm của các phòng, khoa. Nhà trường thường xuyên cải tiến các phương pháp và các công cụ kiểm tra trong các hoạt động như: thành lập đường dây nóng, hòm thư góp ý để góp ý xử lý kịp thời những vướng mắc của HSSV và điều hành các vấn đề nảy sinh hàng ngày theo chức trách nhiệm vụ. Kiểm tra đánh giá giảng viên thông qua dự giờ đột xuất, đăng ký tiết giảng tốt. Ngoài ra mỗi cán bộ, giáo viên, nhân viên tự đánh giá kết quả nhiệm vụ trong tháng là một trong những nội dung cải tiến phương pháp kiểm tra của nhà trường.

Thông qua việc cải tiến các phương pháp, công cụ kiểm tra, giám sát trong các hoạt động, Nhà trường đã kịp thời giải quyết những vấn đề cấp thiết của HSSV; kết quả thực hiện nhiệm vụ của các phòng khoa, chất lượng dạy và học có nhiều chuyển biến rõ nét (1.11.02 - Biên bản thanh tra, kiểm tra của phòng).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 11 tiêu chí 1: 1 điểm

Tiêu chuẩn 12: *Trường có văn bản và thực hiện chế độ, chính sách ưu đãi của nhà nước cho các đối tượng được thụ hưởng; thực hiện chính sách bình đẳng giới theo quy định.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Để thực hiện tốt các chế độ, chính sách ưu đãi của Nhà nước cũng như của Nhà trường đối với người học. Tại buổi học tập, tuần sinh hoạt chính trị HSSV“ Phòng Công tác HSSV đã lên lớp hướng dẫn đầy đủ về chế độ, chính sách cho HSSV, như: Nghị định 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 của Chính phủ về chính sách miễn, giảm học phí; Quyết định 66/2013/QĐ -TTg ngày 11/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ chi phí học tập; Quyết định 53/2015/QĐ ngày 20/10/2015 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách nội trú; Quyết định số 637/QĐ-CĐCN ngày 30/12/2016 của Hiệu trưởng nhà trường, và một số quy định khác có liên quan đến chế độ, chính sách của HSSV (1.12.01 - *Quyết định số 637/QĐ-CĐCN ngày 30/12/2016*). Ngoài ra, HSSV còn được tìm hiểu các thông tin về các chế độ, chính sách khác trong Website của nhà trường. Như vậy, HSSV của nhà trường được cung cấp một cách đầy đủ các thông tin về chế độ, chính sách trong quá trình học tập tại trường.

Hàng năm, trường đều xét duyệt các đối tượng được hưởng chính sách ưu đãi, miễn giảm học phí, xét trợ cấp xã hội, xét trợ cấp đột xuất; căn cứ kết quả xếp loại học sinh, sinh viên về học tập, rèn luyện xét duyệt cấp học bổng khuyến khích học tập. Trường nhanh chóng và tạo mọi điều kiện trong việc xác nhận người học và hoàn thành các thủ tục liên quan tới chế độ chính sách đối với học sinh, sinh viên (1.12.02- *Báo cáo, danh sách những cá nhân được hưởng chế độ, chính sách ưu đãi của Nhà nước*). Trường thực hiện chính sách bình đẳng giới theo căn cứ hướng dẫn của Luật Bình đẳng giới ngày 29 tháng 11 năm 2006, Nghị định số 48/2009/NĐ - CP quy định về các biện pháp bảo đảm bình đẳng giới với mục tiêu bảo đảm cán bộ, công chức, viên chức, người lao động nam, nữ bình đẳng trong việc làm, đào tạo, đề bạt, bổ nhiệm và hưởng phúc lợi. Bảo đảm việc đánh giá cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trên nguyên tắc bình đẳng giới. Công tác quy hoạch cán bộ Cấp ủy Đảng, chính quyền quan tâm xây dựng, đáp ứng từng gia đoạn phát triển, trong đó tỷ lệ cán bộ nữ giữ chức vụ quản lý là 9 trong số 25 đồng chí, chiếm trên 36% (1.12.03 - *Báo cáo bảo đảm bình đẳng giới đối với cán bộ, viên chức, người lao động hàng năm*).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 12 tiêu chí 1: 1 điểm

3.2.2 TIÊU CHÍ 2: Hoạt động đào tạo

Mở đầu:

Với mục tiêu đào tạo lao động kỹ thuật chất lượng cao có năng lực thực hành nghề đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động; có đạo đức, lương tâm nghề nghiệp, ý thức kỷ luật, tác phong công nghiệp, có sức khỏe, lao động sáng tạo, có năng lực hợp tác, năng lực tự học, ngoại ngữ và tin học.

Trong hoạt động Dạy - học Nhà trường luôn tổ chức thực hiện đúng quy trình, từ xây dựng mục tiêu đào tạo đến nội dung các Môn học, Mô đun; Các phương pháp thực hiện theo chương trình của Tổng cục Giáo dục Nghề nghiệp. Góp phần hoàn thành nhiệm vụ chung về đào tạo nguồn nhân lực phục vụ sự nghiệp phát triển đất nước và an sinh xã hội.

** Những điểm mạnh:*

Về nhân lực: Có đội ngũ giảng viên, giáo viên trẻ được đào tạo chính quy và tâm huyết công tác.

Nhà trường đã bám sát các quy định của Bộ, ngành và định hướng phát triển nguồn nhân lực của tỉnh. Nghiên cứu tổ chức triển khai kịp thời nghiêm túc chính xác từ khâu lập kế hoạch, tổ chức triển khai, kiểm tra việc thực hiện và báo cáo theo hệ thống. Chủ động vận dụng một cách linh hoạt các quy định hiện hành phù hợp với tình hình thực tế Nhà trường cũng như nhu cầu sử dụng nhân lực của các đơn vị sản xuất, kinh doanh trong và ngoài tỉnh. Mở rộng và đa dạng hoá các loại hình đào tạo, tạo điều kiện thuận lợi nhất cho người học thực hiện được nguyện vọng học nghề.

Hoạt động dạy và học đã thể hiện tính ổn định và phát triển của Nhà trường. Trong những năm qua Nhà trường đã không ngừng đầu tư cơ sở vật chất, phát triển đội ngũ giáo viên nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, đáp ứng nguồn lao động kỹ thuật phục vụ nhu cầu lao động của tỉnh và xã hội.

Các chương trình đào tạo của nhà trường được cập nhật liên tục, đổi mới thường xuyên đáp ứng những đòi hỏi ngày càng cao của khoa học công nghệ và doanh nghiệp. Nhà trường đã thiết kế và tổ chức thực hiện nhiều chương trình đào tạo khác nhau.

Nhà trường luôn chú trọng công tác quản lý đào tạo, khuyến khích đội ngũ giáo viên, CBVC học tập nâng cao trình độ, đổi mới phương pháp dạy học và ứng dụng các công nghệ mới vào thực tế giảng dạy của nhà trường.

Cử giáo viên tham gia các kỳ hội thi giáo viên dạy nghề toàn quốc và hội thi thiết bị dạy nghề tự làm để giáo viên có điều kiện cọ sát, đổi mới tư duy và tiếp cận với công nghệ mới, tạo tiền đề cho việc phát triển trường trong giai đoạn mới.

** Tồn tại:*

Hợp tác quốc tế về đào tạo vẫn đang trong giai đoạn tìm kiếm thăm dò, chưa có đối tác chính thức được triển khai.

** Kế hoạch nâng cao chất lượng:*

Đề hoạt động dạy - học của trường ngày càng nề nếp, chất lượng, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo nghề theo mục tiêu đề ra là trường trọng điểm quốc gia, tiếp cận trình độ khu vực, trong thời gian tiếp theo cần tập trung giải quyết các vấn đề sau:

- Tăng cường quản lý đào tạo, rèn luyện tổ ý thức tổ chức kỷ luật cho giáo viên, giảng viên bằng các phong trào thi đua khen thưởng. Xây dựng các quy định, quy chế quản lý nội bộ trên cơ sở các văn bản hiện hành. Tăng cường hội thảo, dự giờ nhằm xây dựng và lựa chọn phương pháp dạy nghề phù hợp với cơ sở vật chất hiện có để đạt hiệu quả cao nhất;

- Tuyển chọn giáo viên có tâm huyết với nghề, có năng lực, trình độ để gắn bó với Nhà trường lâu dài và xây dựng kế hoạch bồi dưỡng nâng cao trình độ cho đội ngũ giáo viên trong nhà trường;

- Đầu tư cơ sở vật chất thiết bị công nghệ mới phù hợp với trình độ phát triển của khoa học và công nghệ hiện đại, thường xuyên cập nhật bổ sung các công nghệ mới vào chương trình đào tạo;

- Chú trọng các điều kiện quan hệ quốc tế khi được cấp trên giới thiệu để học hỏi, trao đổi kinh nghiệm, nâng cao chất lượng đào tạo đáp ứng trình độ lao động quốc tế.

Điểm đánh giá tiêu chí 2

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
Tiêu chí 2	16 điểm
Tiêu chuẩn 1	1 điểm
Tiêu chuẩn 2	1 điểm
Tiêu chuẩn 3	1 điểm
Tiêu chuẩn 4	1 điểm
Tiêu chuẩn 5	1 điểm
Tiêu chuẩn 6	1 điểm
Tiêu chuẩn 7	1 điểm
Tiêu chuẩn 8	1 điểm

Tiêu chuẩn 9	0 điểm
Tiêu chuẩn 10	1 điểm
Tiêu chuẩn 11	1 điểm
Tiêu chuẩn 12	1 điểm
Tiêu chuẩn 13	1 điểm
Tiêu chuẩn 14	1 điểm
Tiêu chuẩn 15	1 điểm
Tiêu chuẩn 16	1 điểm
Tiêu chuẩn 17	1 điểm

Tiêu chuẩn 1: Các ngành, nghề đào tạo của trường được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp. Trường ban hành chuẩn đầu ra của từng chương trình đào tạo và công bố công khai để người học và xã hội biết.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Từ 2017 đến nay, nhà trường đã thực hiện đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp và được Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp số 53/2020/GCNDKHHĐ-TCGDNN ngày 21/4/2020. Theo đó, nhà trường được thực hiện nhiệm vụ đào tạo nghề với 18 ngành/ngành theo Giấy chứng nhận (1.2.01 - Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp số 53/2020/GCNDKHHĐ-TCGDNN ngày 21/4/2020)

Trường triển khai xây dựng và ban hành chương trình đào tạo cho các nghề đã được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động theo thông tư 03/2017/BLĐTBXH ngày 01/03/2017 về việc Quy định về quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình; tổ chức biên soạn, lựa chọn, thẩm định giáo trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng; thông tư 12/2017/BLĐTBXH về việc Quy định khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng Trường cũng đã ban hành chuẩn đầu ra của từng chương trình đào tạo (2.1.01 - Quyết định số 707/QĐ-CĐCN ngày 31/12/2019 về việc Quy định khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được – chuẩn đầu ra khi người học tốt nghiệp trình độ cao đẳng, trung cấp) và công bố công khai để người học và xã hội biết trên các phương tiện thông tin (1.1.04 - Trang Web Trường, các thông báo, tờ rơi tuyển sinh Nhà trường; Các văn bản hợp đồng nhằm quảng bá cho Nhà trường trên các phương tiện thông tin đại chúng)

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 1 tiêu chí 2: 1 điểm

Tiêu chuẩn 2: Trường xây dựng và ban hành quy chế tuyển sinh theo quy định lượng đầu vào để trường xây dựng phương án xét tuyển.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Trường thực hiện nghiêm túc các quy định về công tác tuyển sinh theo Quy chế tuyển sinh ban hành hằng năm (2.2.01 – *Quyết định: Số 51/QĐ-CĐCN ngày 18/02/2020 ban hành về quy chế tuyển sinh*). Công tác tư vấn kỳ thi tuyển sinh và chất lượng đào tạo của trường mỗi ngày được nâng lên, nên số lượng thí sinh đăng ký vào trường có nhiều khởi sắc. Đồng thời, hoạt động tổ chức tuyển sinh đã đi vào nề nếp, ổn định, không có sai phạm xảy ra.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2 tiêu chí 2: 1 điểm

Tiêu chuẩn 3: Hằng năm, trường xác định chỉ tiêu tuyển sinh và thực hiện công tác tuyển sinh theo quy định, đảm bảo nghiêm túc, công bằng, khách quan.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Dựa trên Quyết định của Bộ Lao động -Thương binh và Xã hội về việc ban hành Quy chế tuyển sinh, hàng năm, Trường đã xây dựng Quy định về công tác tuyển sinh (2.2.01 – *Quy chế tuyển sinh của Trường*). Trong các văn bản này có quy định rõ đối tượng tuyển sinh, thời gian đào tạo, chế độ ưu tiên. Trường đã xây dựng kế hoạch tuyển sinh và Thông báo tuyển sinh(2.3.01 – *Quyết định thành lập Hội đồng tuyển sinh: Số 08/QĐ-CĐCN ngày 06/01/2020*),(2.3.02 – *Kế hoạch tuyển sinh: Số 02AKH/CĐCN ngày 06/01/2020*),(2.3.03 – *Thông báo tuyển sinh của Trường*). Nhà trường thường xuyên đổi mới công tác tuyên truyền tuyển sinh đảm bảo nghiêm túc, công bằng, khách quan, kết hợp các phương tiện truyền thông khác: Báo điện tử, đài truyền hình, Fb, Zalo,...; Phối hợp với các địa phương và các trường THCS, THPT, Trung tâm GDTX-GDNN các Huyện, TP và các tỉnh lân cận để tuyên truyền tuyển sinh, tư vấn giới thiệu ngành nghề, cam kết việc làm, từ đó đã thay đổi được nhận thức về Giáo dục nghề nghiệp cho các bậc phụ huynh và các em học sinh THCS, THPT, nâng cao hình ảnh và vị thế của nhà Trường và của đào tạo nghề đối với xã hội. Sau khi xét tuyển, những thí sinh trúng tuyển được Nhà trường gửi Giấy báo nhập học, ra Quyết định mở lớp (2.3.04 - *Hồ sơ đăng ký học và xét tuyển.*), (2.3.05 – *Quyết định phê duyệt danh sách trúng tuyển: Số 266 ngày 08/7/2020; số 285 ngày 16/7/2020; số 358 ngày 12/8/2020; số 380 ngày 26/8/2020; số387 ngày 28/8/2020; số453 ngày 28/9/2020; số 701 ngày 31/12/2019*), (2.3.06 - *Báo cáo công tác tuyển sinh*).

Số lượng tuyển sinh năm học 2020: 1339 HSSV.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3 tiêu chí 2: 1 điểm

Tiêu chuẩn 4: Thực hiện đa dạng hoá các phương thức tổ chức đào tạo đáp ứng yêu cầu học tập của người học.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Trường đã và đang tích cực thực hiện đa dạng hóa các phương thức, loại hình đào tạo nhằm đáp ứng đòi hỏi nguồn nhân lực có chất lượng cao trong nhiều lĩnh vực

và đáp ứng nhu cầu người học (2.04.01 – Quyết định số 487/QĐ-CĐCN, ngày 12/12/2017 về việc ban hành Quy chế Đào tạo của Trường Cao đẳng Công Nghiệp Thái Nguyên).

Nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình tích lũy kiến thức của người học, trong những năm qua trường đã áp dụng học niên chế một cách mềm dẻo, đồng thời tổ chức đào tạo tích lũy mô đun/môn học. Trường chỉ đạo tăng cường nghiên cứu đổi mới phương pháp dạy học theo hướng phát triển năng lực tự học, tự nghiên cứu cho người học. Việc đổi mới công tác kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của sinh viên cũng được chỉ đạo triển khai nhằm mục đích vừa bảo đảm được yêu cầu chính xác, khách quan, công bằng lại vừa có tác dụng khuyến khích người học.

Nhà Trường tiếp tục đẩy mạnh phương thức tổ chức đào tạo kết hợp với nhiều doanh nghiệp trong việc tổ chức đào tạo cho học sinh, sinh viên ngay tại doanh nghiệp ở các nghề: Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử ; Cơ điện tử; Điện công nghiệp; Công nghệ kỹ thuật cơ khí; Cắt gọt kim loại, Công nghệ Ô tô,... Sinh viên có cơ hội được học tập, thực hành và nắm bắt thực tiễn sản xuất, được trải nghiệm máy móc, công nghệ hiện đại phù hợp. Điều đặc biệt hầu hết các sinh viên này được doanh nghiệp cam kết nhận vào làm việc ngay sau khi ra trường (2.4.02 - Kế hoạch số: 62/KH-CĐCN ngày 20/8/2020 thực hiện nhiệm vụ công tác đào tạo năm học), (2.4.03 - Danh sách người học và phương thức tổ chức đào tạo của trường).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4 tiêu chí 2: 1 điểm

Tiêu chuẩn 5: Trường xây dựng và phê duyệt kế hoạch, tiến độ đào tạo cho từng lớp, từng khóa học của mỗi ngành hoặc nghề, theo từng học kỳ, năm học. Kế hoạch đào tạo chi tiết đến từng mô đun, môn học, giờ học lý thuyết, thực hành, thực tập phù hợp với từng hình thức, phương thức tổ chức đào tạo và đúng quy định.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Trên cơ sở chương trình đào tạo các nghề đã được Hiệu trưởng phê duyệt (2.5.01– Quyết định số 219, 220/QĐ-CĐCN ngày 14/6/2017 về việc phê duyệt và ban hành chương trình đào tạo của các ngành, nghề trình độ cao đẳng, trình độ trung cấp, trình độ sơ cấp), Phòng Đào tạo phối hợp với các Khoa, tổ bộ môn xây dựng kế hoạch đào tạo cho từng nghề, từng lớp, đến từng mô đun/môn học (2.4.02 – Kế hoạch đào tạo năm học). Kế hoạch giáo viên, Lịch giảng dạy theo từng học kỳ, năm học trong đó chi tiết đến từng mô đun, môn học, cụ thể cho các giờ học lý thuyết, thực hành, thực tập lao động sản xuất (2.5.02- Danh sách các lớp, khóa học hàng năm)

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 5 tiêu chí 2: 1 điểm

Tiêu chuẩn 6: Trường tổ chức thực hiện theo kế hoạch đào tạo, tiến độ đào tạo đã được phê duyệt.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Căn cứ chương trình đào tạo và chương trình chi tiết năm học đã được Hiệu trưởng phê duyệt, phòng Đào tạo và NCKH xây dựng kế hoạch đào tạo năm học cho

từng khoá học (2.4.02 - *Kế hoạch đào tạo năm học*) và đề cụ thể hóa các hoạt động, phòng Đào tạo và NCKH phối hợp với khoa tham mưu xây dựng phân công giảng dạy cho từng giáo viên, giảng viên theo từng kì học. Mọi sự thay đổi, điều chỉnh kế hoạch phải được Hiệu trưởng phê duyệt; Nếu giáo viên, giảng viên nào muốn thay đổi giờ giảng phải được sự đồng ý của trưởng khoa và phòng Đào tạo và NCKH.

Trong quá trình triển khai thực hiện Kế hoạch đào tạo, Phòng TTKT&KĐCL cùng Phòng Đào tạo và NCKH chịu trách nhiệm theo dõi tiến độ giảng dạy, giám sát việc thực hiện kế hoạch và nội dung giảng dạy theo đúng chương trình đào tạo của từng nghề. (2.6.01 - *Kế hoạch số 61/KTTT - CDCN ngày 19/8/2020 kế hoạch kiểm tra, giám sát hoạt động đào tạo và tuyển sinh năm học 2020*). Việc kiểm tra nêu rõ đối tượng kiểm tra, nội dung, hình thức kiểm tra,... các bộ phận phụ trách đã tiến hành kiểm tra thường xuyên, đột xuất việc thực hiện kế hoạch đào tạo theo quy định (2.6.02 - *Báo cáo sốBC- CDCN về kết quả kiểm tra công tác Tuyển sinh và Quản lý đào tạo năm 2020*); (2.6.03 - *Biên bản thanh kiểm tra về công tác đào tạo*).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 6 tiêu chí 2: 1 điểm

Tiêu chuẩn 7: *Các hoạt động đào tạo được thực hiện theo mục tiêu, nội dung chương trình đào tạo đã được phê duyệt; có sự phối hợp với đơn vị sử dụng lao động trong việc tổ chức, hướng dẫn cho người học thực hành, thực tập các ngành, nghề tại đơn vị sử dụng lao động; thực hiện theo quy định đặc thù của ngành nếu có.*

Mô tả, phân định tích, nhận:

Hoạt động đào tạo của nhà trường luôn thực hiện đúng mục tiêu, nội dung chương trình từng ngành nghề đào tạo đã được phê duyệt (2.7.01 - *Kế hoạch 479/KH-CDCN ngày 31/12/2019 v/v sinh viên đi thực tập tại các doanh nghiệp*); (2.7.02 - *Quyết định số 690,691/QĐ-CDCN ngày 31/12/2019 cho sinh viên đi thực hành, thực tập tại các doanh nghiệp*); (2.7.03 - *Danh sách giáo viên giảng dạy/hướng dẫn thực hành, thực tập tại các doanh nghiệp*), (2.7.04 - *Đề cương thực hành, thực tập tại các doanh nghiệp*), (2.7.05 - *Danh sách người học đã được thực hành, thực tập tại các doanh nghiệp*).

Hàng năm, Nhà trường chủ động ký hợp đồng liên kết đào tạo với các đơn vị sử dụng lao động như: Công ty TNHH Thăng Ngân, Công ty Sam sung, Công ty Khánh Phát, Công ty Canon, Công ty Phú Cường Thành... (2.7.06 - *Các hợp đồng thỏa thuận phối hợp đào tạo, hướng dẫn sinh viên thực hành, thực tập với các doanh nghiệp*), để đưa sinh viên đến thực tập tốt nghiệp nhằm giúp sinh viên có điều kiện vận dụng những kiến thức đã học ở trường vào môi trường làm việc thực tế, nâng cao chất lượng đào tạo và đáp ứng chuẩn đầu ra trường đã xây dựng.

Kết thúc mỗi đợt thực hành, thực tập của học sinh, Nhà trường yêu cầu viết báo cáo thực tập, có nhận xét, đánh giá của đơn vị sử dụng lao động đảm bảo khách quan công

bảng(2.7.07 - Báo cáo kết quả thực hành, thực tập của giáo viên giảng dạy/ hướng dẫn có sự xác nhận của đơn vị sử dụng lao động)

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 7 tiêu chí 2: 1 điểm

Tiêu chuẩn 8: Phương pháp đào tạo được thực hiện kết hợp rèn luyện năng lực thực hành với trang bị kiến thức chuyên môn; phát huy tính tích cực, tự giác, năng động, khả năng làm việc độc lập của người học, tổ chức làm việc theo nhóm.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Trường có các phòng học được bố trí hợp lý, có thiết bị hỗ trợ như máy chiếu, hệ thống treo bảng biểu, các mô hình dạy học... đã tạo điều kiện thuận lợi cho giáo viên áp dụng các phương pháp dạy học tích cực hóa người học. Sinh viên được phát tài liệu phát tay, bài tập thực hành để chuẩn bị trước lúc tiến hành bài học, giáo án hầu hết giáo viên của Trường đã áp dụng các hình thức và phương pháp dạy học tích cực khuyến khích phát triển năng lực tự học, tự nghiên cứu của học sinh, sinh viên (2.8.01 - Hồ sơ giảng dạy của nhà giáo). Nhiều mô đun/môn học thay bởi tổ chức kiểm tra kết thúc mô đun, môn học, giáo viên đã cho làm những bài tập lớn, đã khuyến khích được tinh thần tự học, tự tìm tòi của học sinh, sinh viên (2.8.02 - các bài tập lớn của sinh viên). Hàng năm, Nhà trường đã tiến hành rà soát, đánh giá mức độ phù hợp giữa các hoạt động dạy nghề với mục tiêu, nội dung chương trình dạy nghề đã được phê duyệt (2.8.03 - Biên bản dự giờ, thanh kiểm tra hoạt động giảng dạy).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 8 tiêu chí 2: 1 điểm

Tiêu chuẩn 9: Trường thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động dạy và học.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Hầu hết các môn học lý thuyết, các thầy, cô giáo đều biên soạn bài giảng điện tử như là powerpoint giúp cho buổi học sinh động hơn, sinh viên tiếp thu bài tốt hơn và cũng là công cụ hỗ trợ đắc lực cho đổi mới phương pháp dạy học. Nhà trường hiện đã có một số blog, forum của giáo viên lập để trao đổi việc học tập trên trang cá nhân của mình, ứng dụng công nghệ thông tin để thiết kế và thực hiện bài giảng thông qua các phương tiện truyền thông, về phía nhà trường đang trong quá trình hoàn thiện phần mềm quản lý chương trình đào tạo, môn học, học sinh, điểm. Phần mềm mô phỏng thực hành hoặc bài giảng.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 9 tiêu chí 2: 0 điểm

Tiêu chuẩn 2.10: Hàng năm, trường có kế hoạch và tổ chức kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học theo đúng kế hoạch.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Hàng năm, Căn cứ Quy định về công tác kiểm tra hoạt động đào tạo (2.10.01 – QĐ số 484/QĐ - CDCN ngày 04/11/2020 về việc thành lập Tổ kiểm tra về công tác

Tuyển sinh và Quản lý đào tạo năm 2020) phòng TTKT&KĐCL luôn kiểm tra giám sát hoạt động dạy và học (1.11.01- Kế hoạch số 61/KTTT - CĐCN ngày 19/8/2020 kế hoạch kiểm tra, giám sát hoạt động đào tạo và tuyển sinh năm 2020), các nội dung kiểm tra như: kiểm tra hoạt động sư phạm của giáo viên, kiểm tra hồ sơ và sổ sách giáo viên, kiểm tra chuyên đề về hồ sơ xét điều kiện dự thi tốt nghiệp; tốt nghiệp; in ấn; bảo quản; phát văn bằng chứng chỉ... (2.10.02– Biên bản kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học). Kịp thời rút kinh nghiệm, điều chỉnh những sai sót trong công tác giảng dạy (2.10.03 - Báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 10 tiêu chí 2: 1 điểm

Tiêu chuẩn 11: *Hàng năm, trường có báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học; có đề xuất các biện pháp nâng cao chất lượng hoạt động dạy và học; kịp thời điều chỉnh các hoạt động dạy và học theo đề xuất nếu cần thiết*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Sau khi kiểm tra giám sát hoạt động dạy và học của toàn trường các đơn vị chức năng trực tiếp giám sát hoạt động luôn có báo cáo tổng kết kết quả (2.10.03 - Báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học), từ đó báo cáo với Ban giám hiệu để kịp thời đưa ra những điều chỉnh các hoạt động dạy và học cần thiết như:

- Tổ chức đưa giáo viên tham gia các lớp bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ. Thiết kế chương trình đào tạo đảm bảo tính liên thông giữa các trình độ đào tạo.

- Tăng cường hoạt động hoạt động đào tạo gắn kết chặt chẽ với doanh nghiệp từ xây dựng chương trình đào tạo, giáo trình, tuyển sinh, đưa sinh viên đến đào tạo và thực tập tại doanh nghiệp để nhanh chóng tiếp cận công nghệ mới và thực tiễn sản xuất.

- Đã tiến hành thăm dò HSSV tại các cơ sở liên kết của trường về các mặt đào tạo(nhận thức môn học, cơ sở vật chất, thái độ, phong cách của giảng viên..), đã tổng hợp đầy đủ chi tiết về kết quả để có cơ sở tham mưu cho lãnh đạo Nhà trường những mặt được và chưa được trong công tác đào tạo.

- Nâng cao chất lượng công tác giáo viên chủ nhiệm như tập huấn về công tác giáo viên chủ nhiệm, làm cầu nối giữa nhà trường với học sinh sinh viên, nắm vững hoàn cảnh và tâm tư nguyện vọng để kịp thời động viên các em có kết quả học tập tốt(2.11.01 - Danh sách các biện pháp nâng cao chất lượng hoạt động dạy và học đã được đề xuất), (2.11.02 – Báo cáo thể hiện kết quả điều chỉnh các hoạt động dạy và học theo đề xuất).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 11 tiêu chí 2: 1 điểm

Tiêu chuẩn 12: *Trường ban hành đầy đủ các quy định về kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ theo quy định.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Theo hướng dẫn Thông tư số 09/2017/TTBLĐTBXH ngày 13 tháng 3 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định việc tổ chức thực

hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, Trường đã xây dựng Quy chế đào tạo có đầy đủ các quy định về kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ theo quy định (2.04.01 – Quyết định số 487/QĐ-CĐCN, ngày 12/12/2017 về việc ban hành Quy chế Đào tạo của Trường Cao đẳng Công Nghiệp Thái Nguyên) (2.12.01- Quyết định số 139/QĐ – CĐCN ngày 27/5/2019 về việc ban hành quy định về quản lý, cấp văn bằng, chứng chỉ)

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 12 tiêu chí 2: 1 điểm

Tiêu chuẩn 13: Trong quá trình đánh giá kết quả học tập của người học có sự tham gia của đơn vị sử dụng lao động và theo quy định đặc thù của ngành nếu có

Mô tả, phân tích, nhận định:

Trong quá trình đào tạo các ngành học , Nhà trường thường xuyên liên kết với các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp để làm địa điểm thực tập cho các em học sinh sinh viên (2.13.01 – Danh sách các ngành, nghề đào tạo của trường), đồng thời đó cũng là dịp để các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp góp phần đánh giá quá trình học tập của các em. Cụ thể: Hàng năm nhà trường ban hành kế hoạch thực hành , thực tập cho học sinh sinh viên tại các cơ sở kèm theo phiếu đánh giá kiến thức, kỹ năng và năng lực của học sinh sinh viên tại các đơn vị sử dụng lao động đánh giá như : Công ty TNHH Thăng Ngân, Công ty Sam sung, Công ty Khánh Phát, Công ty Canon, Công ty Phú Cường Thành (2.13.02 – Danh sách đại diện đơn vị sử dụng lao động tham gia đánh giá kết quả học tập của người học)

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 13 tiêu chí 2: 1 điểm

Tiêu chuẩn 14: Tổ chức thực hiện kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ theo quy định đảm bảo nghiêm túc, khách quan.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Nhà trường đã ban hành Quy chế kiểm tra, thi và xét công nhận tốt nghiệp (2.04.01 – Quyết định số 487/QĐ-CĐCN, ngày 12/12/2017 v/v ban hành Quy chế Đào tạo của Trường Cao đẳng Công Nghiệp Thái Nguyên).

Việc đánh giá kết quả học tập tại Trường đảm bảo nghiêm túc, khách quan, phù hợp với phương thức đào tạo, hình thức học tập và đặc thù mô đun, môn học. Quy trình tổ chức kiểm tra kết thúc môn học, mô đun, thi tốt nghiệp được Nhà trường thực hiện nghiêm túc, khách quan từ việc tổ chức thi, kiểm tra, bốc đề thi, kiểm tra, coi thi, chấm thi, tổng hợp và thông báo kết quả, các bài thi viết được rọc phách, do 2 giảng viên chấm độc lập, (2.6.03 – Báo cáo số .../BC- CĐCN ngày .../.../2020 báo cáo về việc thực hiện theo quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ trường đã ban hành). Trường chưa xảy ra

trường hợp khiếu kiện nào về công tác kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 14 tiêu chí 2: 1 điểm

Tiêu chuẩn 15: *Hàng năm, trường thực hiện rà soát các quy định về kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ và kịp thời điều chỉnh nếu cần thiết.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Hàng năm, các đơn vị chức năng như Phòng Đào tạo và NCKH, Phòng TTKT&KĐCL và các khoa thực hiện công tác rà soát, lấy ý kiến đóng góp về các quy định về kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ và kịp thời điều chỉnh nếu cần thiết. (2.6.02 – Kế hoạch hàng năm về việc rà soát các quy định về kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ), (2.6.03– Báo cáo kết quả công tác rà soát các quy định về kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ hàng năm).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 15 tiêu chí 2: 1 điểm

Tiêu chuẩn 16: *Trường có hướng dẫn và tổ chức thực hiện về đào tạo liên thông theo quy định.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Trường đã xây dựng các văn bản quy định tổ chức đào tạo liên thông của trường theo Thông tư số 27/2017/ TT-BLĐT&BXH ngày 21/9/2017 (1.2.01- Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp). Bên cạnh đó, Trường cũng đã xây dựng chương trình đào tạo liên thông, lập kế hoạch tổ chức đào tạo liên thông, phê duyệt mẫu hồ sơ tuyển sinh liên thông theo các thông tin đúng quy định. Hồ sơ tuyển sinh có đầy đủ các thông tin theo quy định để người học thực hiện đăng ký tuyển sinh, hội đồng tuyển sinh xem xét để xét tuyển chỉ tiêu đào tạo liên thông. Sau xét tuyển sinh là ban hành các quyết định thành lập lớp và tổ chức đào tạo liên thông theo quy định và chương trình đào tạo đã được phê duyệt (2.16.01– QĐ số 317/QĐ-CĐCN ngày 20/7/2020 về việc ban hành chương trình đào tạo liên thông trình độ Cao đẳng), (2.16.02 - Chương trình đào tạo liên thông cho 11 nghề), (2.16.03 - Báo cáo kết quả tổ chức đào tạo liên thông của trường), (2.16.03 – Ý kiến của nhà giáo, cán bộ quản lý về việc tổ chức thực hiện về đào tạo liên thông).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 16 tiêu chí 2: 1 điểm

Tiêu chuẩn 17: *Trường có cơ sở dữ liệu về các hoạt động đào tạo và tổ chức quản lý, sử dụng hiệu quả.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Cơ sở dữ liệu về các hoạt động đào tạo và tổ chức quản lý được nhà trường xây dựng trên một số phần mềm ứng dụng như: Microsoft excel; Microsoft access bao gồm

các ứng dụng trong xây dựng kế hoạch đào tạo, thời khóa biểu, quản lý giờ giảng, quản lý NCKH, quản lý nhân sự, quản lý chương trình, giáo trình..đảm bảo khoa học, truy cập nhanh, sử dụng hiệu quả.Thông qua website các thông tin về hoạt động của nhà trường, quá trình tổ chức đào tạo được công khai đến toàn thể người học, cán bộ giáo viên và xã hội được biết. Hằng năm các phòng, khoa và nhà trường đều có báo cáo về kết quả đạt được sau một năm hoạt động, từ đó đưa ra phương hướng và lập kế hoạch cho năm tiếp theo.(1.5.01 - Báo cáo tổng kết công tác hàng năm của các phòng, khoa, bộ môn và các đơn vị trực thuộc trường), (2.17.01 - Báo cáo tổng kết công tác hàng năm của trường),

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 17 tiêu chí 2: 1 điểm

TIÊU CHÍ 3: Nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động

Mở đầu:

Đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động giữ vai trò quan trọng trong mọi hoạt động của Nhà trường. Qua hơn 60 năm xây dựng và phát triển, trường đã đào tạo và bồi dưỡng được một đội ngũ giảng viên trực tiếp giảng dạy và cán bộ quản lý có trình độ chuyên môn cao, năng lực sư phạm và có trình độ quản lý tốt. Đặc biệt, Ban giám hiệu trường rất quan tâm đến việc bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ sư phạm, nghiệp vụ quản lý cho đội giáo viên và cán bộ quản lý. Tính đến tháng 06/2020, Nhà trường có 145 CBVC (Nam: 77, Nữ: 68); trong đó trình độ tiến sĩ: 04, thạc sỹ: 69, đại học: 55, trình độ khác: 16. Bên cạnh đó, trường cũng chú trọng công tác bồi dưỡng, đào tạo đội ngũ cán bộ quản lý mang tính kế thừa về kinh nghiệm, công tác chuyên môn, độ tuổi ở từng vị trí công tác. Việc đề bạt, bổ nhiệm cán bộ được tuyển chọn và thực hiện đúng quy trình, có chính sách hỗ trợ bồi dưỡng nâng cao trình độ về mọi mặt; đồng thời có rà soát, bổ sung theo từng giai đoạn. Đội ngũ cán bộ viên chức và người lao động đáp ứng được yêu cầu công việc của trường. Đây chính là nguồn lực đóng góp rất lớn vào việc nâng cao chất lượng đào tạo giúp nhà trường ngày càng phát triển chất lượng đào tạo. Công tác thanh tra, kiểm tra được thực hiện thường xuyên và định kỳ, quá trình thực hiện minh bạch, rõ ràng, công khai các vấn đề; đã tạo được niềm tin trong CBVC và học sinh.

**** Những điểm mạnh:***

Ban Giám hiệu Nhà trường là những người có phẩm chất đạo đức tốt, năng lực chuyên môn vững vàng; khả năng điều hành, quản lý và hoạch định chiến lược phát triển đơn vị tốt; tâm huyết với nghề và luôn quan tâm đến chính sách phát triển của nhà trường. Có hệ thống văn bản quy định về tổ chức, cơ chế quản lý rõ ràng đảm bảo quyền tự chủ, chịu trách nhiệm trong mọi hoạt động của nhà trường. Hệ thống văn bản nội bộ thực hiện hàng năm được rà soát, điều chỉnh, bổ sung thường xuyên trong hội nghị CBVC, các cuộc họp giao ban, cuộc họp chuyên đề đảm bảo đúng quy định của pháp luật và phù hợp với thực tế của nhà trường. Nhà trường có cơ cấu tổ chức hợp lý, phù hợp với quy định của Nhà nước cũng như với các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển của Trường trong từng giai đoạn; Các đơn vị trực thuộc đều có quy chế làm việc, quy định chức năng, nhiệm vụ rõ ràng. Công tác phân cấp quản lý được thực hiện đến các bộ phận trong Nhà trường để tổ chức hoạt động có hiệu quả thiết thực. Đội ngũ cán bộ quản lý cấp trường, phó các phòng, khoa, ban, trung tâm luôn năng động sáng tạo trong công tác quản lý điều hành, đáp ứng được nhu cầu thực tế tại Nhà trường. Đây chính là một trong những yếu tố quan trọng góp phần vào việc thúc đẩy Nhà trường

phát triển đồng bộ. Đội ngũ giảng viên của trường đạt chuẩn về trình độ chuyên môn, kỹ năng thực hành, ngoại ngữ và tin học theo quy định; luôn nhiệt tình, năng nổ với mọi công việc; thể hiện tinh thần trách nhiệm và tính tự giác cao trong mọi hoạt động; tích cực học hỏi, ứng dụng phương pháp dạy học tiên tiến nhằm nâng cao chất lượng đào tạo đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của người học và các đơn vị sử dụng lao động. Tổ chức Đảng, Đoàn thể trong nhà trường phát huy được sức mạnh tập thể tạo không khí thi đua trong học tập và làm việc. Nội bộ đoàn kết, thống nhất thực hiện nhiệm vụ đề ra hàng năm. Công tác tuyển dụng, bổ nhiệm, đánh giá, phân loại nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động; công tác thanh tra, kiểm tra có kế hoạch, tổ chức thực hiện theo đúng quy trình, công khai, dân chủ, tạo niềm tin trong CBVC - giáo viên và HSSV trong toàn trường.

** Những tồn tại:*

Do thực hiện việc chuyển đổi từ giáo dục chuyên nghiệp sang giáo dục nghề nghiệp nên giảng viên của trường chỉ đạt chuẩn về nghiệp vụ sư phạm giảng dạy lý thuyết còn giảng dạy thực hành đang cố gắng nhằm đạt chuẩn theo quy định vì thiếu Chúng chỉ kỹ năng nghề phù hợp với ngành, nghề đang giảng dạy theo quy định của Thông tư số 08/2017/TT-BLĐTBXH ngày 10/3/2017 Quy định chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ của nhà giáo giáo dục nghề nghiệp của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội. Do công tác tuyển sinh thiếu ổn định qua các năm cộng với điều kiện biến động giá cả thị trường nên chế độ chính sách nhằm động viên và khuyến khích đối với CBGV đi đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, lý luận chính trị phục vụ cho Nhà trường vẫn còn hạn chế. Đội ngũ cán bộ làm công tác đặc thù như: thanh tra, đảm bảo chất lượng chưa được đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ thường xuyên, đa số là làm việc kiêm nhiệm.

** Kế hoạch nâng cao chất lượng:*

Phấn đấu từ nay đến hết năm 2020, toàn thể giảng viên của trường sẽ đạt chuẩn giảng dạy thực hành theo quy định của Thông tư số 08/2017/TT-BLĐTBXH ngày 10/3/2017 Quy định chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ của nhà giáo giáo dục nghề nghiệp của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội. Từ năm học 2019 - 2020, tăng cường các hoạt động quảng bá hình ảnh của trường, đẩy mạnh các hoạt động dịch vụ nhằm tạo nguồn thu để hỗ trợ CBGV đi đào tạo, bồi dưỡng, học tập nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, lý luận chính trị. Xây dựng kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ làm công tác thanh tra, kiểm tra, đảm bảo chất lượng để đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ cho công việc và phát triển nhà trường.

Điểm đánh giá tiêu chí 3

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
Tiêu chí 3	14 điểm
Tiêu chuẩn 1	1 điểm
Tiêu chuẩn 2	1 điểm
Tiêu chuẩn 3	1 điểm
Tiêu chuẩn 4	1 điểm
Tiêu chuẩn 5	1 điểm
Tiêu chuẩn 6	1 điểm
Tiêu chuẩn 7	1 điểm
Tiêu chuẩn 8	1 điểm
Tiêu chuẩn 9	0 điểm
Tiêu chuẩn 10	1 điểm
Tiêu chuẩn 11	1 điểm
Tiêu chuẩn 12	1 điểm
Tiêu chuẩn 13	1 điểm
Tiêu chuẩn 14	1 điểm
Tiêu chuẩn 15	1 điểm

Tiêu chuẩn 1: *Có quy định về việc tuyển dụng, sử dụng, quy hoạch, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Căn cứ Điều lệ trường, Nhà trường đã có quy định về việc tuyển dụng, sử dụng, quy hoạch, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động đảm bảo đúng quy định hiện hành và phù hợp với tình hình thực tế của nhà trường. (3.01.01 – Quy chế tuyển dụng viên chức, người lao động ban hành kèm theo quyết định số 228/QĐ-CDCN ngày 2/6/2020).

Nhà trường có quy định đánh giá, xếp loại hàng tháng đối với cán bộ, viên chức, lao động hợp đồng của Trường theo quy chế chi tiêu nội bộ hàng năm (3.01.02 – Quy chế chi tiêu nội bộ).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 1 tiêu chí 3: 1 điểm

Tiêu chuẩn 2: *Tổ chức thực hiện tuyển dụng, sử dụng, quy hoạch, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động theo quy định, đảm bảo công khai, minh bạch, khách quan, thực hiện đầy đủ chính sách, chế độ nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động theo quy định.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Trên cơ sở Nghị quyết của cấp uỷ nhà trường, Ban Giám hiệu đã thực hiện công tác tuyển dụng, sử dụng, quy hoạch, bồi dưỡng theo cán bộ quy định, đảm bảo công khai, minh bạch, khách quan, thực hiện đầy đủ chính sách, chế độ nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động đảm bảo phù hợp với yêu cầu phát triển của trường và ứng yêu cầu nâng cao chất lượng đào tạo, tuy nhiên trong những năm gần đây lao động tại trường bình ổn nên nhà trường không có kế hoạch tuyển thêm người lao động.

Tình hình sử dụng viên chức tuân thủ theo đúng vị trí việc làm đã được Bộ Công Thương phê duyệt, hiện nay tổng số lãnh đạo và CBQL của trường là 25 người, gồm: 01 Phó Hiệu trưởng phụ trách trường; 01 phó hiệu trưởng; 06 trưởng phòng; 04 trưởng khoa, 02 giám đốc trung tâm; và các trưởng bộ môn; về trình độ: Tiến sĩ: 4, Thạc sĩ: 69, Cử nhân 55. Tập thể lãnh đạo và cán bộ quản lý của nhà trường có phẩm chất đạo đức tốt, có năng lực chuyên môn và quản lý về cơ bản đáp ứng được yêu cầu và vị trí đảm nhiệm. Việc bổ nhiệm, luân chuyển, điều động được thực hiện đúng quy trình của nhà nước đã quy định (3.2.01 – *Danh sách cán bộ quản lý*).

Công tác bồi dưỡng đào tạo, xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý, đội ngũ giảng viên, nhân viên, người lao động, đảm bảo phù hợp với yêu cầu phát triển của trường và ứng yêu cầu nâng cao chất lượng đào tạo. Nhà trường luôn tạo điều kiện để cán bộ, giảng viên, nhân viên tham gia đào tạo, bồi dưỡng các lớp ngắn hạn do nhà trường tổ chức và tham gia đi học sau đại học, nghiên cứu sinh. Bên cạnh đó nhà trường còn cử các cán bộ, giảng viên, nhân viên tham gia các đợt tập huấn, trao đổi chuyên môn, nghiệp vụ do các Sở, ban ngành tổ chức (3.2.02 - *Quyết định, Báo cáo kết quả đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức hàng năm*)

Công tác đánh giá, phân loại nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động hàng năm được thực hiện đúng với các hướng dẫn bình xét thi đua của Bộ Công Thương. Nhà trường gửi thông báo về biểu mẫu và hướng dẫn bình xét đến từng đơn vị để thực hiện (3.2.03 – *Hướng dẫn bình xét thi đua năm học*). Trường tổ chức đánh giá chất lượng công chức, viên chức và người lao động để theo 4 mức thi đua: Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ; hoàn thành tốt nhiệm vụ; Hoàn thành nhiệm vụ; không hoàn thành nhiệm vụ qua đó tự kiểm điểm cá nhân, đồng thời được tập thể đóng góp ý kiến để khắc phục kịp thời những khuyết điểm và có khen thưởng kịp thời cho công chức, viên chức và người lao động hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao (3.2.04– *Quyết định về việc công nhận kết quả, xếp loại và danh hiệu thi đua cá nhân, tập thể hàng năm*).

Nhà trường đã chi trả các loại chế độ chính sách đầy đủ, kịp thời, đúng quy định cho công chức, viên chức và người lao động. Cụ thể như: tiền lương, chế độ làm ngoài giờ, tăng giờ, thu nhập tăng thêm, khen thưởng, công tác phí, nghỉ phép, chế độ bảo hiểm, hỗ trợ đi học nâng cao trình độ chuyên môn và các khoản phúc lợi xã hội khác... (3.2.05- *Danh sách nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động được hưởng chế độ, chính sách theo quy định hàng năm*), (3.2.06 - *Báo cáo tổng kết việc thực hiện chính sách, chế độ cho nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động hàng năm*)

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2 tiêu chí 3:1 điểm

Tiêu chuẩn 3: *Đội ngũ nhà giáo của trường tham gia giảng dạy đạt chuẩn về chuyên môn nghiệp vụ và các tiêu chuẩn hiện hành khác (nếu có).*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Đội ngũ nhà giáo tham gia giảng dạy của nhà trường đều đạt chuẩn về năng lực chuyên môn và năng lực sư phạm đối với nhà giáo giảng dạy lý thuyết được quy định theo Thông tư số 08/2017/TT-BLĐTĐ. Đội ngũ giảng viên đều có trình độ từ đại học trở lên, có đầy đủ các chứng chỉ về chuyên môn (Tin học, ngoại ngữ), chứng chỉ về năng lực sư phạm dạy nghề (3.3.01 - *Danh sách trích ngang nhà giáo: họ và tên; mô-đun, môn học đang giảng dạy; trình độ đào tạo; nghiệp vụ sư phạm; kỹ năng thực hành; ngoại ngữ; tin học*), (3.3.02 - *Hồ sơ nhà giáo*), (3.3.03 - *Báo cáo tổng kết, biên bản thanh kiểm tra có nội dung về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ nhà giáo*).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3 tiêu chí 3: 1 điểm

Tiêu chuẩn 4: *Nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định và không vi phạm quy chế, nội quy, quy định của trường.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Trên cơ sở hướng dẫn Luật Giáo dục nghề nghiệp 2014, Luật Công chức 2008, Luật viên chức 2010, Nhà trường ban hành; Quyết định số 02/QĐ-CĐCN ngày 02/01/2018 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Công nghiệp Thái Nguyên ban hành quy định chế độ làm việc đối với giảng viên, giáo viên (3.4.01 - *Quyết định số 02/QĐ-CĐCN ngày 02/01/2018*).

Nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo đúng các quy định của nhà trường tại Quy chế tổ chức và hoạt động. Đa số nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động có ý thức tổ chức kỷ luật và ý thức trách nhiệm cao trong công tác chuyên môn, thực hiện đúng nhiệm vụ quyền hạn theo quy định (3.4.02 - *Quyết định số 141/QĐ-CĐCN ngày 05/05/2014 ban hành quy định về thời giờ làm việc, nghỉ ngơi, nghỉ việc riêng, nghỉ không lương của cán bộ, viên chức và người lao động*).

Trong năm học vừa qua, không có nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động không vi phạm quy trình, quy định chuyên môn, nghiệp vụ, đạo đức nghề nghiệp và quy tắc ứng xử trong khi thực hiện hoạt động nghề nghiệp (3.4.03 - *Phiếu nhận xét, đánh giá và phân loại cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức, người lao động*), (1.5.01 - *Báo cáo tổng kết công tác hàng năm của trường*).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4 tiêu chí 3: 1 điểm

Tiêu chuẩn 5: Trường có đội ngũ nhà giáo đảm bảo tỷ lệ quy đổi; số lượng nhà giáo cơ hữu đảm nhận khối lượng chương trình mỗi ngành nghề đào tạo theo quy định; trường đảm bảo tỷ lệ nhà giáo có trình độ sau đại học theo quy định.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Thực hiện sự chỉ đạo của cơ quan chủ quản về công tác quản lý, Trường có đầy đủ hồ sơ quản lý, danh sách trích ngang nhà giáo: họ và tên; mô-đun, môn học đang giảng dạy; trình độ đào tạo; nghiệp vụ sư phạm; kỹ năng thực hành; ngoại ngữ; tin học luôn được bổ sung kịp thời phù hợp với thực tế. Hiện nay 100% giáo viên Nhà trường đạt chuẩn về sư phạm dạy nghề, có chứng chỉ ngoại ngữ, tin học; Hồ sơ quản lý nhà giáo, cán bộ, viên chức đều được tổng hợp thường xuyên và lưu trữ tại phòng Tổ chức Hành chính (3.3.02 – *Hồ sơ cán bộ viên chức, nhà giáo*)

Vào đầu năm học phòng Đào tạo phối hợp với các khoa lập kế hoạch phân công giảng dạy cho toàn khóa phù hợp với chương trình đào tạo đã được phê duyệt đảm bảo tính khoa học và hợp lý (3.5.01 – *Kế hoạch giảng dạy toàn khóa*)

Danh sách người học các lớp, các khóa được lưu trữ đầy đủ và khoa học tại các khoa, tại phòng Đào tạo và phòng CTHSSV (3.5.02 – *Danh sách học sinh sinh viên của trường*)

Dựa trên quy định giờ chuẩn của Tổng cục giáo dục nghề nghiệp và kế hoạch phân công giảng dạy trong năm học, vào mỗi cuối học kỳ phòng Đào tạo phối hợp với các khoa thống kê giờ giảng của nhà giáo (3.5.03 - *Bảng thống kê giờ giảng của nhà giáo hàng năm*). Sau khi phòng Đào tạo thống kê giờ giảng của nhà giáo, Nhà trường tiến hành duyệt giờ giảng và gửi danh sách về phòng TCKT để chi trả lương và thanh toán tiền vượt giờ theo đúng quy định (3.5.05 - *Bảng thanh toán lương, thanh toán tiền vượt giờ*).

Bên cạnh nhiệm vụ giảng dạy nhà giáo còn tham gia nghiên cứu khoa học, ứng dụng KHCN vào hoạt động giảng dạy nhất là các công nghệ kỹ thuật mới trong hoạt động thực hành tay nghề cho HSSV.

Phòng Thanh tra Khảo thí và Kiểm định chất lượng căn cứ vào nhiệm vụ, quyền hạn được giao, hàng năm phối hợp với Phòng Đào tạo và các Khoa kiểm tra hồ sơ giảng dạy và lấy phiếu đánh giá của cơ sở và của HSSV đối với nhà giáo nhằm nâng cao trách nhiệm và hiệu quả đào tạo (3.5.06 - *Biên bản thanh, kiểm tra đối với đội ngũ nhà giáo*).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 5 tiêu chí 3: 1 điểm

Tiêu chuẩn 6: Nhà giáo giảng dạy theo nội dung, mục tiêu của chương trình đào tạo và thực hiện đầy đủ các yêu cầu của chương trình đào tạo.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Căn cứ vào chương trình đào tạo của các ngành, nghề định kỳ đầu năm học, các khoa phối hợp với phòng Đào tạo xây dựng kế hoạch đào tạo với mục tiêu và nội dung cụ thể cho từng học kỳ, năm học và đã được hiệu trưởng phê duyệt (3.5.01 - Kế hoạch giảng dạy). Công tác giảng dạy thường xuyên được thanh tra, kiểm tra nhằm duy trì nề nếp lên lớp, đảm bảo số giờ lên lớp, công tác chuẩn bị hồ sơ giảng dạy... đảm bảo giảng viên, giáo viên giảng dạy theo đúng nội dung và mục tiêu của chương trình đào tạo và không có hiện tượng giảng viên bỏ giờ, quên tiết (3.5.05 - Biên bản thanh tra đối với đội ngũ nhà giáo), (3.6.01 - Sổ lên lớp), (3.6.02 - Giáo án của các nhà giáo), (3.6.03 - Sổ tay của các nhà giáo)

Quá trình đào tạo đảm bảo mục tiêu, đúng nội dung của chương trình đào tạo nhà trường, công tác thanh tra, kiểm tra việc giảng dạy, dự giờ được tiến hành thường xuyên theo đúng định kỳ, được thực hiện nghiêm túc (3.6.04 - Biên bản dự giờ và kiểm tra định kỳ), đột xuất.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 6 tiêu chí 3: 1 điểm

Tiêu chuẩn 7: Trường có chính sách, biện pháp và thực hiện các chính sách, biện pháp khuyến khích nhà giáo học tập và tự bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, đổi mới phương pháp giảng dạy.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Nhà trường có chính sách, biện pháp và thực hiện các chính sách, biện pháp khuyến khích nhà giáo học tập và tự bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, đổi mới phương pháp giảng dạy (3.7.01 - Quy định của trường về chính sách khuyến khích nhà giáo học tập bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, đổi mới phương pháp giảng dạy).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 7 tiêu chí 3:1 điểm

Tiêu chuẩn 8: Hàng năm, trường có kế hoạch và triển khai kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và phương pháp giảng dạy cho đội ngũ nhà giáo.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Trường luôn quan tâm cử giáo viên học tập bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ. Thực hiện kế hoạch này, hàng năm giáo viên cơ hữu được luân phiên cử đi học tập dài hạn, ngắn hạn, hội thảo, hội nghị nhằm nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ. Các giáo viên đi học bồi dưỡng, nâng cao đều có báo cáo thu hoạch, và nộp Chứng chỉ tại phòng TCHC lưu trữ (3.8.01 - Chứng chỉ các lớp đào tạo bồi dưỡng).

Ngoài ra Nhà trường còn tổ chức các lớp tập huấn về nghiệp vụ sư phạm dạy nghề, học bồi dưỡng kiểm định chất lượng dạy nghề, học bồi dưỡng kiến thức về quốc phòng an ninh học Nghị quyết, chỉ thị của Đảng, Nhà nước. Giảng viên, giáo viên học tập nâng cao và bồi dưỡng đều theo kế hoạch của trường và của cơ quan quản lý cấp trên tổ chức. Các lớp đều có Quyết định cử bộ giáo viên giảng viên đi học tập (3.8.02 – *Quyết định cử giáo viên đi học tập bồi dưỡng*)

Hàng năm có báo cáo đầy đủ về công tác này theo đúng quy định (3.8.03 – *Báo cáo hàng năm về kết quả học tập bồi dưỡng của giáo viên*)

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 8 tiêu chí 3: 1 điểm

Tiêu chuẩn 9: Nhà giáo được bồi dưỡng, thực tập tại đơn vị sử dụng lao động để cập nhật kiến thức, công nghệ, phương pháp tổ chức quản lý sản xuất theo quy định và thực hiện theo quy định đặc thù của ngành nếu có.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Nhà trường chưa thực hiện việc đưa nhà giáo đi bồi dưỡng, thực tập tại đơn vị sử dụng lao động để cập nhật kiến thức, công nghệ, phương pháp tổ chức quản lý sản xuất theo quy định và thực hiện theo quy định đặc thù của ngành.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 9 tiêu chí 3: 0 điểm

Tiêu chuẩn 10: Hàng năm, trường thực hiện tổng kết, đánh giá hiệu quả công tác đào tạo, bồi dưỡng đối với đội ngũ nhà giáo.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Nhà trường đã có nghị quyết, chủ trương, kế hoạch và giải pháp xây dựng, phát triển đội ngũ giảng viên, cán bộ và nhân viên, trong đó đặc biệt quan tâm đào tạo và phát triển đội ngũ giảng viên trẻ thông qua công tác đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ ở trong nước và ngoài nước. Hàng năm, trường đều thực hiện tổng kết, đánh giá hiệu quả công tác đào tạo, bồi dưỡng đối với đội ngũ nhà giáo lồng ghép vào báo cáo tổng kết các năm học (3.10.01 – *Quyết định, Báo cáo kết quả đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức hàng năm*)

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 10 tiêu chí 3: 1 điểm

Tiêu chuẩn 11: Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng của trường đáp ứng các tiêu chuẩn theo quy định và thực hiện đúng quyền hạn, trách nhiệm được giao.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Nhà trường có đầy đủ hồ sơ của Hiệu trưởng và Phó Hiệu trưởng. Các tiêu chuẩn về phẩm chất chính trị, phẩm chất đạo đức, trình độ chuyên môn nghiệp vụ, năng lực lãnh đạo và thời gian thực hiện công tác quản lý theo đúng các quy định trong Luật Giáo dục nghề nghiệp và Thông tư số 08/2017/TT-BLĐTBXH. Trong Ban Giám hiệu có sự phân công nhiệm vụ cụ thể theo lĩnh vực quản lý, có điều chỉnh bổ sung hàng năm cho phù hợp với tình hình thực tế của Nhà trường.

Bộ Công Thương đã ban hành Quyết định số 2245/QĐ-BCT ngày 26/07/2019 bổ nhiệm Phó Hiệu trưởng phụ trách trường; và Quyết định số 3289/QĐ-BCT ngày 01/11/2019 bổ nhiệm Phó Hiệu trưởng phụ trách Đào tạo – NCKH (3.11.01 - Quyết định số 2245/QĐ-BCT ngày 26/07/2019 và Quyết định số 3289/QĐ-BCT ngày 01/11/2019)

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Trình độ chuyên môn	Lý luận chính trị	Chức danh viên chức
01	Nguyễn Thị Việt Hương	02/01/1976	Tiến sĩ	Cao cấp	Phó Hiệu trưởng phụ trách trường, Giảng viên chính
02	Nguyễn Tiến Luật	23/11/1980	Thạc sĩ	Cao cấp	Phó Hiệu trưởng Giảng viên

Định kỳ nhà trường tiến hành lấy phiếu tín nhiệm đối với Ban giám hiệu và đánh giá mức độ hài lòng của cán bộ, viên chức và người lao động đối với Ban giám hiệu (3.11.02 - Phiếu tín nhiệm Ban giám hiệu)

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 11 tiêu chí 3: 1 điểm

Tiêu chuẩn 12: *Đội ngũ cán bộ quản lý của các đơn vị thuộc trường được bổ nhiệm, miễn nhiệm theo quy định.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Trong công tác bổ nhiệm viên chức quản lý, Nhà trường quy định bằng văn bản và tiến hành bổ nhiệm, bổ nhiệm lại lãnh đạo các cấp nhằm bảo đảm yêu cầu vận hành bộ máy quản lý, đáp ứng yêu cầu, mục tiêu, chức năng nhiệm vụ phù hợp với điều kiện cụ thể. Căn cứ vào yêu cầu nhiệm vụ cụ thể, vị trí chức danh quy hoạch viên chức quản lý của nhà trường. Đảng ủy, Ban Giám hiệu đề xuất phương án nhân sự hoặc thống nhất phương án nhân sự trên cơ sở lấy ý kiến giới thiệu của viên chức trong toàn trường.

Trường CDCNTN hiện có 21 cán bộ quản lý cấp trường, phó tại các đơn vị trực thuộc (phòng, khoa, trung tâm), trong đó số công chức, viên chức có trình độ tiến sĩ là 02 người, thạc sĩ là 19 người (3.12.01 – danh sách trích ngang cán bộ quản lý). Nhà trường thường xuyên tổ chức lấy phiếu tín nhiệm đối với cán bộ quản lý tại đơn vị công tác cũng như trong toàn trường đảm bảo đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ; thực hiện đúng quyền hạn và nhiệm vụ được giao.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 12 tiêu chí 3: 1 điểm

Tiêu chuẩn 13: *Đội ngũ cán bộ quản lý của trường đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ; thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn được giao.*

*** Mô tả, phân tích, nhận định:**

Đội ngũ cán bộ quản lý của trường đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ; thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn được giao. Đội ngũ cán bộ quản lý của trường đáp ứng các tiêu chuẩn về trình độ chuyên môn, năng lực quản lý (3.12.01 - *Danh sách trích ngang của đội ngũ cán bộ quản lý các đơn vị*), (3.13.01 - *Hồ sơ cán bộ của Trường/Phó các đơn vị trong trường*) theo đúng các quy định tại Thông tư số 08/2017/TT-BLĐTĐBXH, ngoài ra hàng năm lãnh đạo nhà trường đều có phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng trưởng, phó các phòng khoa theo chức năng, nhiệm vụ của đơn vị đảm bảo cho đội ngũ cán bộ quản lý thực hiện tốt các nhiệm vụ mà nhà trường đã phân công theo đúng quy định trong quy chế tổ chức và hoạt động của nhà trường (3.13.02 - *Báo cáo tổng kết hàng năm của trường. Báo cáo tổng kết công tác của các đơn vị hàng năm*), (3.13.03 - *Phiếu nhận xét, đánh giá cán bộ hàng năm đối với cán bộ quản lý*)

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 13 tiêu chí 3: 1 điểm

Tiêu chuẩn 14: *Hàng năm, trường có kế hoạch và triển khai kế hoạch đào tạo bồi dưỡng, nâng cao trình độ, chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Căn cứ Điều lệ trường cao đẳng, Nhà trường đã xây dựng tổ chức bộ máy đảm bảo đúng quy định hiện hành và phù hợp với tình hình thực tế của nhà trường, lãnh đạo và cán bộ quản lý của nhà trường có phẩm chất đạo đức tốt, có năng lực chuyên môn và quản lý về cơ bản đáp ứng được yêu cầu và vị trí đảm nhiệm. Công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng được quan tâm. Hàng năm Nhà trường xây dựng kế hoạch đào tạo bồi dưỡng, nâng cao trình độ, chuyên môn nghiệp vụ theo quy định nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả đối với đội ngũ cán bộ làm công tác quản lý (3.14.01 - *Kế hoạch cho đội ngũ cán bộ quản lý tham gia các khóa học tập, bồi dưỡng hàng năm*), (3.14.02 - *Các quyết định về việc cử đội ngũ cán bộ quản lý tham gia các khóa học tập, bồi dưỡng hàng năm*), (3.14.03 - *Văn bản/tài liệu/hình ảnh về việc đội ngũ cán bộ quản lý đã tham gia các khóa học tập, bồi dưỡng hàng năm*)

Đào tạo, bồi dưỡng về lý luận chính trị: Cử 01 viên chức tham gia học lớp cao cấp lý luận chính trị và 09 viên chức tham gia lớp trung cấp lý luận chính trị.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 14 tiêu chí 3: 1 điểm

Tiêu chuẩn 15: *Đội ngũ viên chức, người lao động của trường đủ số lượng, có năng lực chuyên môn đáp ứng được yêu cầu công việc được giao, được định kỳ bồi dưỡng nâng cao trình độ.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Đội ngũ viên chức, người lao động của trường đủ về số lượng, có trình độ, chuyên môn đáp ứng được yêu cầu, vị trí việc làm (3.15.01 - *Danh sách trích ngang*

viên chức, người lao động của trường (trình độ chuyên môn, thời gian công tác, vị trí công việc) và nhiệm vụ được phân công của từng phòng chuyên môn cơ bản đều được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ (1.5.01 - Báo cáo tổng kết của trường, báo cáo tổng kết của đơn vị hàng năm)

Hàng năm căn cứ vào quy hoạch đào tạo bồi dưỡng theo giai đoạn, yêu cầu và tình hình thực tế của nhà trường viên chức, người lao động được cử đi đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ theo kế hoạch từng năm (3.15.04 - Văn bản về việc cử viên chức, người lao động tham gia các khóa học tập, bồi dưỡng hàng năm), (3.15.03 - Danh sách đội ngũ viên chức, người lao động của trường được cử đi học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ hàng năm). Trình độ của đội ngũ viên chức, người lao động ngày càng cao đã đáp ứng được yêu cầu thực hiện chuyên môn nghiệp vụ từng lĩnh vực mà mình phụ trách, góp phần thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chính trị của nhà trường (3.15.05 - Báo cáo/tài liệu thể hiện kết quả học tập bồi dưỡng của viên chức, người lao động được cử đi học)

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 15 tiêu chí 3: 1 điểm

TIÊU CHÍ 4: *Chương trình, giáo trình*

*** Mở đầu:**

Nhà trường có đầy đủ các chương trình đào tạo được xây dựng phù hợp với mục tiêu đào tạo của Trường cũng như với nhu cầu phát triển nguồn nhân lực, nhu cầu học tập của người học và với thị trường lao động. Hàng năm, các chương trình đào tạo được điều chỉnh, bổ sung và hoàn thiện cho phù hợp với tình hình thực tế nhu cầu của xã hội cũng như trang thiết bị máy móc và đội ngũ giáo viên của nhà trường.

Hàng năm trường đã xây dựng và triển khai kế hoạch rà soát, điều chỉnh một số chương trình để cập nhật những thành tựu khoa học công nghệ tiên tiến liên quan đến nghề đào tạo và các ý kiến phản hồi từ người sử dụng lao động. Trường đã triển khai biên soạn giáo trình lưu hành nội bộ, đầu tư sách, tài liệu tham khảo cho các môn học/mô đun của các nghề đang đào tạo. Chương trình dạy nghề và giáo trình của Nhà trường được xây dựng theo mẫu định dạng chung, có quy trình biên soạn, thẩm định và phê duyệt rõ ràng.

*** Những điểm mạnh:**

Các chương trình hiện đang đào tạo của trường đều được xây dựng, rà soát, điều chỉnh theo thông tư 09/2017 Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội ban hành. Đội ngũ giáo viên nói chung có kinh nghiệm tham gia xây dựng và điều chỉnh chương trình, khi xây dựng chương trình, nhà trường thường mời các chuyên gia bên ngoài trường, hoặc từ các doanh nghiệp tới để xây dựng, thẩm định và lấy ý kiến đóng góp xây dựng chương trình đào tạo ở tất cả các nghề đang đào tạo tại trường.

Các chương trình hoàn toàn phù hợp với mục tiêu đào tạo của trường cũng như gắn bó mật thiết với nhu cầu phát triển nguồn nhân lực, nhu cầu học tập của người học và với thị trường lao động. Tất cả các chương trình dạy nghề của nhà trường đảm bảo có đủ các quyết định phê duyệt, ban hành của Hiệu trưởng trường, đủ chương trình chi tiết của từng mô đun, môn học cụ thể, trong đó đã xác định rõ phương pháp và các yêu cầu về kiểm tra, đánh giá kết quả học tập.

***Tồn tại:** không có

***Kế hoạch nâng cao chất lượng:**

Ban Giám hiệu nhà trường chỉ đạo cho tất cả các khoa tham gia nghiên cứu chương trình, tài liệu giảng dạy để tiếp tục chỉnh sửa chương trình, giáo trình đào tạo cho các năm tiếp theo.

Nhà trường có kế hoạch lấy các ý kiến các chuyên gia từ các trường khác, từ các doanh nghiệp, các giáo viên trực tiếp tham gia giảng dạy, các cán bộ quản lý, người học để đóng góp bổ sung vào nội dung giảng dạy các Môđun/Môn học.

Điểm đánh giá tiêu chí 4

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
Tiêu chí 4	12 điểm
Tiêu chuẩn 1	1 điểm
Tiêu chuẩn 2	1 điểm
Tiêu chuẩn 3	1 điểm
Tiêu chuẩn 4	1 điểm
Tiêu chuẩn 5	0 điểm
Tiêu chuẩn 6	1 điểm
Tiêu chuẩn 7	1 điểm
Tiêu chuẩn 8	1 điểm
Tiêu chuẩn 9	0 điểm
Tiêu chuẩn 10	1 điểm
Tiêu chuẩn 11	1 điểm
Tiêu chuẩn 12	1 điểm
Tiêu chuẩn 13	1 điểm
Tiêu chuẩn 14	0 điểm
Tiêu chuẩn 15	1 điểm

Tiêu chuẩn 1: *Có đầy đủ chương trình đào tạo các chuyên ngành hoặc nghề mà trường đào tạo.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Nhà trường có đầy đủ các chương trình đào tạo của các nghề trường đang đào tạo, được xây dựng phù hợp với mục tiêu đào tạo của Trường cũng như với nhu cầu phát triển nguồn nhân lực, nhu cầu học tập của người học và với thị trường lao động. Được Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN(2.1.01-Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp). Nhà trường đã ban hành chương trình đào tạo cho toàn bộ 18 nghề. Trong đó: 11 trình độ Cao đẳng, 14 nghề trình độ Trung cấp, 6 nghề trình độ Sơ cấp (4.1.01 - Danh sách các ngành, nghề trường tổ chức đào tạo), (4.1.02 - Chương trình đào tạo đã được trường phê duyệt, ban hành) theo các quyết định sau:

- Quyết định số 219/QĐ-CĐCN ngày 14/6/2017; số 461/QĐ-CĐCN ngày 18/12/2018 về việc ban hành chương trình đào tạo trình độ cao đẳng.

- Quyết định số 243/QĐ-CĐCN ngày 19/6/2020; số 317/QĐ-CĐCN ngày 20/7/2020 về việc ban hành chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp đã chỉnh sửa bổ sung.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 1 tiêu chí 4: 1 điểm

Tiêu chuẩn 2: 100% chương trình đào tạo được xây dựng hoặc lựa chọn theo quy định.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Trường đã thực hiện xây dựng 100% chương trình đào tạo cho các nghề có trong Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp. Cụ thể:

- Đối với các chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp: Nhà trường thực hiện xây dựng theo Thông tư 03/2017/TT-BLĐTBXH ngày 01/3/2017. Quy trình xây dựng đảm bảo thực hiện đúng theo Điều 6 của Thông tư gồm:

+ Thành lập các Ban chủ nhiệm/Tổ biên soạn chương trình theo Quyết định số: 128, 129, 130, 131/QĐ-CĐCN ngày 27/4/2017 của Hiệu trưởng Nhà trường (4.2.01 - *Quyết định thành lập các ban chủ nhiệm, tổ biên soạn chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp*)

+ Tổ chức xây dựng chương trình đào tạo đúng theo hướng dẫn như: Xây dựng chương trình đào tạo; Tổ chức hội thảo lấy ý kiến chuyên gia, giảng viên, cán bộ quản lý, đơn vị sử dụng lao động về chương trình đào tạo; Hoàn chỉnh dự thảo chương trình đào tạo (4.2.02 - *Hồ sơ xây dựng các chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp*).

+ Thành lập các hội đồng thẩm định và nghiệm thu chương trình theo quy định: Các QĐ số: 523, 524, 525, 526, 527/QĐ-CĐCN ngày 09/12/2019 (4.2.03 - *Các Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo*), (4.2.04 - *Phiếu phản biện, phiếu đánh giá và Biên bản thẩm định chương trình đào tạo*).

+ Căn cứ kết quả thẩm định và nghiệm thu nhà trường đã ban hành các chương trình đào tạo và đưa vào sử dụng theo các quyết định số 219/QĐ-CĐCN ngày 14/6/2017; 461/QĐ-CĐCN ngày 18/12/2018 và 243/QĐ-CĐCN ngày 19/6/2020; 317/QĐ-CĐCN ngày 20/7/2020 của Hiệu trưởng nhà trường (4.2.05 - *Quyết định ban hành các chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp*).

- Đối với các chương trình đào tạo trình độ sơ cấp: Nhà trường thực hiện xây dựng theo Thông tư 42/TT-BLĐTBXH ngày 20/10/2015 và Thông tư 34/2018/TT-BLĐTBXH ngày 26/12/2018. Gồm:

+ Khảo sát, xác định nhu cầu đào tạo nhân lực trình độ sơ cấp;

+ Thiết kế chương trình đào tạo;

+ Biên soạn chương trình đào tạo theo nội dung và cấu trúc đã được xác định, trong đó cụ thể hóa từng mô - đun; điều kiện thực hiện mô - đun; phương pháp và nội dung đánh giá;

+ Hoàn chỉnh dự thảo chương trình đào tạo;

+ Thẩm định và ban hành các chương trình đào tạo sơ cấp.

(4.2.06 - Hồ sơ xây dựng các chương trình đào tạo sơ cấp của Trường)

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2 tiêu chí 4: 1 điểm

Tiêu chuẩn 3: *Chương trình đào tạo của trường thể hiện được mục tiêu đào tạo của trình độ tương ứng; quy định chuẩn kiến thức, kỹ năng của người học đạt được sau tốt nghiệp; phạm vi và cấu trúc nội dung, phương pháp và hình thức đào tạo; cách thức đánh giá kết quả học tập đối với từng mô đun, môn học, từng chuyên ngành hoặc nghề và từng trình độ theo quy định.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Trường đã xây dựng các chương trình đào tạo đúng theo Thông tư 03/2017/TT-BLĐT BXH ngày 01/3/2017 quy định về quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình; tổ chức biên soạn, lựa chọn, thẩm định giáo trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng và các thông tư 42/2015/TT-BLĐT BXH ngày 20/10/2015 quy định về đào tạo trình độ sơ cấp, thông tư 34/2018/TT-BLĐT BXH ngày 26/12/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều thông tư số 42/2015/TT-BLĐT BXH ngày 20/10/2015 quy định về đào tạo trình độ sơ cấp. Do đó tất cả chương trình đào tạo của trường đều thể hiện được mục tiêu đào tạo của trình độ tương ứng; quy định chuẩn kiến thức, kỹ năng của người học đạt được sau tốt nghiệp; phạm vi và cấu trúc nội dung, phương pháp và hình thức đào tạo; cách thức đánh giá kết quả học tập đối với từng mô đun, môn học, từng chuyên ngành hoặc nghề và từng trình độ theo quy định.

(4.2.01 - Quyết định thành lập các ban chủ nhiệm, tổ biên soạn chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp);(4.2.02 - Hồ sơ xây dựng các chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp);(4.2.03 - Các Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo); (4.2.04 - Phiếu phản biện, phiếu đánh giá và Biên bản thẩm định chương trình đào tạo);(4.2.05 - Quyết định ban hành các chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp);(4.3.01 - Các chương trình đào tạo chi tiết).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3 tiêu chí 4: 1 điểm

Tiêu chuẩn 4: *Chương trình đào tạo được xây dựng có sự tham gia của nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục nghề nghiệp, cán bộ khoa học kỹ thuật của đơn vị sử dụng lao động; thực hiện theo quy định đặc thù của ngành nếu có.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Qua khảo sát chương trình đào tạo của các ngành nghề trường đang đào tạo, được xây dựng phù hợp với mục tiêu đào tạo của Trường cũng như với nhu cầu phát triển nguồn nhân lực, nhu cầu học tập của người học và với thị trường lao động. Được Tổng

cục Giáo dục nghề nghiệp cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GCNN (4.2.01 - *Quyết định thành lập các ban chủ nhiệm, tổ biên soạn chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp*);(4.2.02 - *Hồ sơ xây dựng các chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp*);(4.2.03 - *Các Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo*); (4.2.04 - *Phiếu phản biện, phiếu đánh giá và Biên bản thẩm định chương trình đào tạo*);(4.2.05 - *Quyết định ban hành các chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp*);(4.3.01 - *Các chương trình đào tạo chi tiết*), đảm bảo 100% ý kiến nhà giáo cơ hữu đã giảng dạy chuyên môn ngành/nghề(4.4.01 – *Quyết định số 420, 421, 422, 423, 424 ngày 28/11/2018 về việc thành lập Hội đồng thẩm định giáo trình trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng*) Các chương trình đào tạo được xây dựng có sự tham gia của nhà giáo. Trong quá trình biên soạn/lựa chọn, thẩm định chương trình đều có các biên bản rà soát, kiểm tra.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4 tiêu chí 4:1 điểm

Tiêu chuẩn 5: *Chương trình đào tạo đảm bảo tính thực tiễn và đáp ứng sự thay đổi của thị trường lao động.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Chương trình đào tạo được thiết kế linh hoạt, luôn bám sát thực tiễn, đặc biệt là chuẩn kỹ năng nghề nghiệp, để điều chỉnh cho phù hợp, đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động (4.2.05 - *Quyết định ban hành các chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp*);(4.3.01 - *Các chương trình đào tạo chi tiết*). Trong năm học vừa qua Nhà trường đang xây dựng kế hoạch lấy ý kiến của đơn vị sử dụng lao động đối với từng chương trình đào tạo và ý kiến của người học tốt nghiệp đã đi làm về chương trình đào tạo.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 5 tiêu chí 4: 0 điểm

Tiêu chuẩn 6: *Chương trình đào tạo được xây dựng bảo đảm việc liên thông giữa các trình độ giáo dục nghề nghiệp với các trình độ đào tạo khác trong hệ thống giáo dục quốc dân theo quy định.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Căn cứ Quyết định 18/2017/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc quy định về liên thông giữa trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng với trình độ đại học, chương trình đào tạo của trường được xây dựng đào tạo có đảm bảo liên thông giữa các trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng với trình độ đại học. Chương trình đào tạo được xây dựng theo nguyên tắc kế thừa và tích hợp để giảm tối đa thời gian học lại kiến thức và kỹ năng mà người học đã tích lũy ở các chương trình đào tạo khác. (4.2.05 - *Quyết định ban hành các chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp*),(4.6.01 - *Nội dung liên thông của chương trình*). Nhà trường đã ký kết thỏa thuận đào tạo với Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội, Trường Kinh Tế và Quản trị kinh doanh Thái

Nguyên, Trường Kỹ thuật Công nghiệp Thái Nguyên. Phối hợp xây dựng mô hình đào tạo song song trình độ cao đẳng và liên thông đại học, liên kết đào tạo trình độ đại học liên thông hình thức vừa làm vừa học.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 6 tiêu chí 4: 1 điểm

Tiêu chuẩn 7: Ít nhất 3 năm 1 lần trường thực hiện đánh giá, cập nhật và điều chỉnh nếu có đối với chương trình đào tạo đã ban hành.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Căn cứ Thông tư số 03/2017/TTBLĐTBXH ngày 01/3/2017 quy định về quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình; tổ chức biên soạn, lựa chọn, thẩm định giáo trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng, Trường tổ chức đánh giá lại chương trình đào tạo đã ban hành để cập nhật, bổ sung những thay đổi trong quy định của nhà nước, những tiến bộ mới của khoa học công nghệ trong lĩnh vực ngành, nghề đào tạo; các kết quả nghiên cứu liên quan đến chương trình, những thay đổi trong các môn học, mô đun hoặc nội dung chuyên môn để phù hợp với thực tiễn sản xuất, kinh doanh và dịch vụ của thị trường lao động.(4.02.05 - Quyết định ban hành chương trình (lần đầu) và chương trình đào tạo kèm theo),(4.7.01 - Báo cáo kết quả rà soát, đánh giá chương trình đào tạo),(4.2.05 - Quyết định số 243/QĐ-CĐCN ngày 19/6/2020; Quyết định số 317/QĐ-CĐCN ngày 20/7/2020 về việc ban hành chương trình đào tạo được biên soạn lại).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 7 tiêu chí 4: 1 điểm

Tiêu chuẩn 8: Chỉnh sửa, bổ sung chương trình đào tạo có cập nhật những thành tựu khoa học công nghệ tiên tiến liên quan đến ngành, nghề đào tạo hoặc tham khảo các chương trình đào tạo tương ứng của nước ngoài.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Ngoài việc giảng dạy chuyên môn, các giáo viên, cán bộ quản lý của trường đều được Ban giám hiệu quan tâm khuyến khích tham khảo các chương trình đào tạo của các trường đại học, cao đẳng, trung cấp trên toàn quốc và cập nhật những thành tựu khoa học công nghệ tiên tiến liên quan đến nghề đào tạo. Ngoài ra, nhà trường có sử dụng một số tài liệu của nước ngoài chủ yếu là các tài liệu có liên quan đến các trang thiết bị, mô hình dạy học hiện đại mà nhà trường có, cũng như các tài liệu liên quan đến nghề đào tạo để làm tài liệu tham khảo cho việc xây dựng chương trình. Khi xây dựng và điều chỉnh chương trình nhà trường có tham khảo các chương trình dạy nghề (4.2.05 - Quyết định ban hành chương trình (lần đầu) và chương trình đào tạo kèm theo, quyết định ban hành chương trình sau khi chỉnh sửa, bổ sung và chương trình đào tạo kèm theo).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 8 tiêu chí 4: 1 điểm

Tiêu chuẩn 9: Trước khi tổ chức đào tạo liên thông, trường căn cứ chương trình đào tạo, thực hiện rà soát các mô đun, tín chỉ, môn học và có quyết định đối với các mô đun, tín chỉ, môn học mà người học không phải học để đảm bảo quyền lợi của người học.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Các chương trình dạy nghề trình độ cao đẳng, trung cấp nghề Trường đang đào tạo đều được xây dựng trên cơ sở Thông tư số 27/2017/TTBLĐTBXH ngày 21/9/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội quy định đào tạo liên thông giữa các trình độ trong giáo dục nghề nghiệp, các chương trình đều đảm bảo tính liên thông hợp lý giữa các trình độ nghề và các trình độ đào tạo khác (4.2.05 - Quyết định ban hành chương trình và chương trình đào tạo kèm theo), (4.1.02 - Quyết định ban hành chương trình và chương trình đào tạo liên thông kèm theo). Hiện nay nhà trường đang trong quá trình hoàn thiện các văn bản thể hiện kết quả rà soát các mô đun, tín chỉ, môn học mà người học không phải học.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 9 tiêu chí 4: 0 điểm

Tiêu chuẩn 10: Có đủ giáo trình cho các mô đun, môn học của từng chương trình đào tạo.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Hiện nay, tất cả các môn học, mô đun trong chương trình đào tạo của các ngành, nghề có đủ các giáo trình. Các giáo trình do nhà trường biên soạn đều được tổ chức phản biện và nghiệm thu của hội đồng thẩm định của trường. Những chuyên gia được nhà trường mời tham gia góp ý, chỉnh sửa chương trình, giáo trình đều có văn bản phản biện, nhận xét mức độ đáp ứng yêu cầu đổi mới về nội dung và phương pháp dạy học của giáo trình; Đối với những giáo trình do nhà trường mua sắm và chia sẻ từ các trường bạn, sau khi được các giáo viên, chuyên gia lựa chọn, thẩm định về nội dung tham mưu cho Hiệu trưởng có quyết định đưa vào sử dụng trong giảng dạy và học tập (4.1.02 - Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề), (2.5.01 - Quyết định ban hành/lựa chọn chương trình đào tạo, trong đó bao gồm chương trình chi tiết kèm theo), (4.10.01 - Danh sách thống kê giáo trình cho từng mô-đun, môn học của các chương trình đào tạo giáo dục nghề nghiệp (trong đó nêu rõ tên giáo trình; năm biên soạn; đơn vị ban hành), (4.10.02 - Bản in các giáo trình của các mô-đun, môn học của chương trình đào tạo)

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 10 tiêu chí 4: 1 điểm

Tiêu chuẩn 11: 100% giáo trình đào tạo được xây dựng hoặc lựa chọn theo quy định để làm tài liệu giảng dạy, học tập chính thức.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Căn cứ Thông tư số 03/2017/TTBLĐTBXH ngày 01/3/2017 quy định về quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình; tổ chức biên soạn, lựa chọn, thẩm định giáo trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng; Thông tư số 31/2017/TTBLĐTBXH ngày 28/12/2017 quy định về đào tạo trình độ cao đẳng, trung

cấp, sơ cấp theo hình thức đào tạo vừa làm vừa học, nhà trường xây dựng hoặc lựa chọn tất cả các môn học, mô đun trong chương trình đào tạo của các ngành, nghề có đủ các giáo trình. Các giáo trình do nhà trường biên soạn đều được tổ chức phản biện và nghiệm thu của hội đồng thẩm định của trường. Đối với những giáo trình do nhà trường mua sắm và chia sẻ từ các trường bạn, sau khi được các giáo viên, chuyên gia lựa chọn, thẩm định về nội dung tham mưu cho Hiệu trưởng có quyết định đưa vào sử dụng trong giảng dạy và học tập (4.10.01 - *Danh sách thống kê giáo trình cho từng mô-đun, môn học của các chương trình đào tạo giáo dục nghề nghiệp (trong đó nêu rõ tên giáo trình; năm biên soạn; đơn vị ban hành)*), (4.10.02 - *Bản in các giáo trình của các mô-đun, môn học của chương trình đào tạo*).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 11 tiêu chí 4: 1 điểm

Tiêu chuẩn 12: *Giáo trình đào tạo cụ thể hóa yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng của từng mô-đun, môn học trong chương trình đào tạo.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Nhà trường đã xây dựng quy trình xây dựng giáo trình dạy nghề (4.2.01- 4.2.03- *Quyết về việc ban hành quy trình tổ chức, biên soạn, thẩm định và phê duyệt giáo trình*), trong đó, có việc lập các hội đồng để thẩm định cho các giáo trình được biên soạn trong Trường. Các giáo trình được Trường tổ chức biên soạn đều có đủ biên bản nghiệm thu giáo trình dạy nghề của hội đồng nhận xét về mức độ cụ thể hóa các yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng, thái độ trong chương trình dạy nghề, tạo điều kiện để thực hiện phương pháp dạy học tích cực (1.2.01- *Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp đã cấp*), (2.5.01 - *Quyết định ban hành/lựa chọn chương trình đào tạo, trong đó bao gồm chương trình chi tiết*), (4.10.01 - *Danh sách thống kê giáo trình cho từng mô-đun, môn học của các chương trình đào tạo giáo dục nghề nghiệp (trong đó nêu rõ tên giáo trình; năm biên soạn; đơn vị ban hành)*), (4.10.02 - *Bản in các giáo trình của các mô-đun, môn học của chương trình đào tạo, Biên bản thẩm định giáo trình của Hội đồng thẩm định*).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 12 tiêu chí 4: 1 điểm

Tiêu chuẩn 13: *Giáo trình đào tạo tạo điều kiện để thực hiện phương pháp dạy học tích cực.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Tất cả các giáo trình do giáo viên trường biên soạn đều có các biên bản nghiệm thu của Hội đồng thẩm định nhận xét về mức độ cụ thể hóa các yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng, thái độ trong chương trình dạy nghề, tạo điều kiện để thực hiện phương pháp dạy học tích cực (4.1.01 - *Danh sách các chương trình đào tạo theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp đã cấp*), (4.1.01 - *Danh sách thống kê giáo trình cho từng mô-đun, môn học của các chương trình đào tạo giáo dục nghề nghiệp (trong đó nêu rõ tên giáo trình; năm biên soạn; đơn vị ban hành)*), (4.12.04 - *Bản in các giáo trình của các mô-đun, môn học của chương trình đào tạo, Biên bản thẩm định giáo trình của Hội đồng thẩm định*).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 13 tiêu chí 4: 1 điểm

Tiêu chuẩn 14: *Hàng năm, trường thực hiện việc lấy ý kiến của nhà giáo, cán bộ quản lý, cán bộ khoa học kỹ thuật của đơn vị sử dụng lao động, người tốt nghiệp về mức độ phù hợp của giáo trình đào tạo; thực hiện theo quy định đặc thù của ngành nếu có.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Hàng năm, trường thực hiện việc lấy ý kiến của nhà giáo nhằm thu thập thông tin về chương trình đào tạo và giáo dục của nhà trường, đồng thời lập kế hoạch lấy ý kiến của cán bộ quản lý, cán bộ khoa học kỹ thuật của đơn vị sử dụng lao động, người tốt nghiệp về mức độ phù hợp của giáo trình đào tạo; hàng năm đều tổ chức lấy ý kiến của giảng viên, sinh viên, người sử dụng lao động về giáo trình đào tạo; để có thể chỉnh sửa giáo trình đào tạo cho phù hợp với thực tiễn sản xuất.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 14 tiêu chí 4: 0 điểm

Tiêu chuẩn 15: *Khi có sự thay đổi về chương trình đào tạo, trường thực hiện đánh giá, cập nhật và điều chỉnh nếu có đối với giáo trình đào tạo đảm bảo yêu cầu theo quy định.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Trong năm 2020, Trường đã ban hành chương trình đào tạo nghề của 18 nghề Trường đang đào tạo ở cả 3 cấp trình độ đào tạo, Trường đã tổ chức thu thập các ý kiến đánh giá, nhận xét từ các giáo viên để thực hiện rà soát, điều chỉnh lại giáo trình. Việc điều chỉnh chương trình đã đảm bảo quy định về thời gian, tuân thủ chương trình khung, phù hợp với kỹ thuật, công nghệ sản xuất, kinh doanh, dịch vụ (4.1.02 - Quyết định ban hành chương trình (lần đầu) và chương trình đào tạo chi tiết kèm theo; Quyết định ban hành chương trình sau khi có sự thay đổi và chương trình đào tạo chi tiết kèm theo)

Hiện tại nhà trường vẫn đang tiếp tục xây dựng và thẩm định chương trình đào tạo, trong đó có nhiều môn học được bổ sung nội dung cho phù hợp với sự phát triển thực tế. Chương trình đào tạo sau khi có sự thay đổi đã được đăng tải đầy đủ trên trang website nhà trường. Cùng với sự thay đổi của chương trình đào tạo nhà trường đã và đang chỉnh sửa và bổ sung giáo trình đào tạo.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 15 tiêu chí 4:1 điểm

TIÊU CHÍ 5: Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo, thư viện

*** Mở đầu:**

Trường Cao đẳng Công nghiệp Thái Nguyên tiền thân là một lớp học dạy nghề của Nhà máy giấy Hoàng Văn Thụ. Lớp học này được hình thành từ tháng 11 - 1959, mục đích đào tạo một số thợ phục vụ cho yêu cầu khôi phục Nhà máy chuyên từ chiến khu Việt Bắc về thị xã Thái Nguyên.

Năm 1975 do yêu cầu đòi hỏi công nhân kỹ thuật của toàn ngành công nghiệp, Bộ Công nghiệp đã quyết định tách trường ra khỏi Nhà máy giấy Hoàng Văn Thụ và thành lập Trường công nhân kỹ thuật Cơ điện Công nghiệp nhẹ Bắc Thái. Đến năm 2006 trường được nâng cấp và đổi tên thành trường Cao đẳng Công nghiệp Thái Nguyên. Nhà trường đã phấn đấu xây dựng cơ sở vật chất, xây dựng đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý và công nhân đáp ứng được yêu cầu đào tạo theo các giai đoạn ngày càng thích ứng và phát triển. Nhà trường đã được Bộ Công nghiệp nhẹ quyết định nâng cấp trường Công nhân kỹ thuật lên thành trường Trung học Công nghiệp Thái Nguyên.

Năm 2006 Nhà trường phê duyệt dự án đầu tư xây dựng mở rộng Trường Cao đẳng Công nghiệp Thái Nguyên và nghề trọng điểm Quốc gia. Khi thực hiện dự án này Nhà trường được mở rộng thêm gần 3ha, nâng quy mô trường lên 8,4ha. Đồng thời có thêm các hạng mục công trình được xây dựng và đầu tư trang thiết bị dạy nghề theo danh mục thiết bị dạy nghề tối thiểu, đây là điều kiện để Nhà trường nâng lưu lượng tuyển sinh và nâng cao chất lượng đào tạo.

*** Những điểm mạnh:**

Tổng diện tích đất hiện có của Nhà trường là 8,4ha gồm đầy đủ các khối công trình chức năng phục vụ học tập, làm việc, rèn luyện thể chất và sinh hoạt. Các khối công trình theo tiêu chuẩn trường cao đẳng nghề. Địa điểm của trường phù hợp với quy hoạch chung của khu vực và mạng lưới các cơ sở dạy nghề phân bố trong cả nước. Hệ thống hạ tầng kỹ thuật đảm bảo đáp ứng nhu cầu các hoạt động dạy nghề. Thiết bị dạy học được đầu tư thêm hàng năm theo danh mục thiết bị quy định.

*** Những tồn tại:**

- Một số phòng học lý thuyết theo tiêu chuẩn thiết kế (có diện tích nhỏ hơn 72m²) do vậy không gian của phòng học hẹp không phù hợp với giảng dạy tích hợp nhất là đối với các lớp có nhiều HSSV;
- Các xưởng thực hành có diện tích hẹp đặc biệt đối với xưởng điện- điện tử;
- Chưa có đủ diện tích nhà xưởng phục vụ dạy tích hợp nghề Điện công nghiệp, Công nghệ Ôtô, Quản trị mạng máy tính;
- Thiết bị dùng cho đào tạo còn thiếu theo quy định của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

* Kế hoạch nâng cao chất lượng:

Trường tiếp tục đầu tư thiết bị dạy nghề đáp ứng công tác đào tạo nghề và bố trí lại một số phòng học, xưởng thực hành cho phù hợp với thiết bị.

Điểm đánh giá tiêu chí 5

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
Tiêu chí 5	14 điểm
Tiêu chuẩn 1	1 điểm
Tiêu chuẩn 2	1 điểm
Tiêu chuẩn 3	1 điểm
Tiêu chuẩn 4	1 điểm
Tiêu chuẩn 5	1 điểm
Tiêu chuẩn 6	1 điểm
Tiêu chuẩn 7	1 điểm
Tiêu chuẩn 8	1 điểm
Tiêu chuẩn 9	1 điểm
Tiêu chuẩn 10	1 điểm
Tiêu chuẩn 11	1 điểm
Tiêu chuẩn 12	1 điểm
Tiêu chuẩn 13	1 điểm
Tiêu chuẩn 14	1 điểm
Tiêu chuẩn 15	0 điểm

Tiêu chuẩn 1: Địa điểm xây dựng trường phù hợp với quy hoạch chung của khu vực và mạng lưới các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, khu đất xây dựng cần đảm bảo yên tĩnh cho việc giảng dạy và học tập; giao thông thuận tiện và an toàn; thuận tiện cho việc cung cấp điện, nước, đảm bảo khoảng cách đối với các xí nghiệp công nghiệp thải ra chất độc hại; thực hiện theo quy định đặc thù của ngành nếu có.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Trường Cao đẳng Công nghiệp Thái Nguyên được thành lập trên cơ sở trường Trung học Công nghiệp Thái Nguyên (1.1.01- Quyết định số 5618/QĐ-BGDĐT ngày 09 tháng 10 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo). Nhà trường được Bộ LĐ-TB&XH lựa chọn đầu tư **04** nghề trọng điểm quốc gia.

Trường được xây dựng trên khu đất sườn đồi, cốt nền là cao độ trung bình của khu đất đồi, được san đất theo tiêu chuẩn xây dựng, do vậy nền đất tốt, cao ráo không

bị úng ngập (cốt nền xây dựng cao hơn cốt thoát nước tự nhiên từ 0,5m trở lên). Vị trí của Trường cách trung tâm thành phố Thái Nguyên 7 km, gần cụm dân cư, cư trú lâu đời. Và tiếp giáp với đường tránh Quốc lộ 3 Thái Nguyên - Lạng Sơn.

Trong bản đồ quy hoạch chi tiết của thành phố Thái Nguyên và hiện tại, địa điểm quy hoạch của Nhà trường: Phía Tây, phía Đông và Nam giáp khu dân cư có đường giao thông liên xóm, phía Bắc giáp đường tránh Quốc lộ 3 Thái Nguyên - Lạng Sơn. (5.1.01 - Bản đồ mạng lưới giao thông và vị trí đặt địa điểm trường).

Về khoảng cách an toàn đối với các cơ sở công nghiệp, được thể hiện trên sơ đồ Quy hoạch của dự án xây dựng trường " *Đối với các cơ sở công nghiệp thải ra chất độc hại: tiếng ồn, bụi bặm, chất thải độc, ô nhiễm không khí, nguồn nước*); *bảo đảm an toàn; yên tĩnh cho giảng dạy và học tập*" Dự án xây dựng trường đã được cơ quan chuyên môn về môi trường "Đánh giá về tác động môi trường", đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt (5.1.02 - *Danh sách các xí nghiệp công nghiệp thải ra chất độc hại gần trường*). Hồ sơ được cụ thể bằng đánh giá tác động môi trường của dự án xây dựng Trường Cao đẳng Công nghiệp Thái Nguyên. Nhà trường là một trong 6 trường cao đẳng trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên. Về mặt giao thông của trường rất thuận lợi để nối giao thông ngoại tỉnh và nội tỉnh. Cụ thể bằng bản đồ quy hoạch thành phố Thái Nguyên (5.1.03 - *Bản đồ thành phố Thái Nguyên; Bản đồ địa chính số 23, 24 - Xã Sơn Cẩm, Huyện Phú Lương, Tỉnh Thái Nguyên*).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 1 tiêu chí 5: 1 điểm

Tiêu chuẩn 2: *Quy hoạch tổng thể mặt bằng khuôn viên hợp lý, phù hợp với công năng và các yêu cầu giao thông nội bộ, kiến trúc và môi trường sư phạm; diện tích đất sử dụng, diện tích cây xanh đảm bảo theo quy định.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Quy hoạch tổng thể mặt bằng khuôn viên hợp lý, phù hợp với công năng và các yêu cầu giao thông nội bộ, kiến trúc, cảnh quan; bảo đảm chỉ giới quy hoạch, khoảng cách và các giải pháp ngăn cách hợp lý các công trình xây dựng trong và ngoài khuôn viên. Mật độ xây dựng công trình từ 20 - 40%; diện tích cây xanh chiếm khoảng 30 - 40% diện tích khu đất toàn trường (5.2.01 - *Hồ sơ xây dựng, thiết kế mặt bằng khuôn viên trường*).

Nhà trường có đủ các khối công trình phục vụ nhu cầu đào tạo và các hoạt động khác được thiết kế theo đúng tiêu chuẩn xây dựng và phù hợp với công năng sử dụng của Trường được thể hiện bằng thiết kế và hoàn công tổng thể mặt bằng:

- Khu nhà hành chính: 7 tầng đủ phòng làm việc của Ban giám hiệu và các phòng khoa chức năng của trường;

- Khu học tập gồm 2 khu: Xưởng thực hành động 04 nhà xưởng gồm 26 xưởng thực hành; Xưởng thực hành tĩnh gồm 04 phòng; Nhà học lý thuyết, 5 tầng gồm 61 phòng học;

- Hội trường lớn 01 nhà, đủ 300 chỗ ngồi và có sân khấu. Hội trường đáp ứng các hoạt động văn hoá văn nghệ của trường;

- Ký túc xá: 5 tầng, số phòng: 200, có WC khép kín;

- Khu nhà để xe có mái che, được phân làm 2 nhà: Nhà để xe của cán bộ giáo viên; Nhà để xe của học sinh sinh viên;

- Khu thể thao: Sân thể thao có diện tích là 960m², nhà DGTC đa năng diện tích 570m² Các công trình đã được thi công đúng thiết kế.

Các khu nhà của trường được bố trí hợp lý, khu nhà hành chính, giảng đường ở đầu hướng gió, các khu thực hành, nhà kho ở cuối hướng gió, các cửa sổ, cửa ra vào phần lớn được bố trí ở hướng Đông nam. Khuôn viên nhà trường được quy hoạch hợp lý đúng theo tiêu chuẩn thiết kế trường Cao đẳng nghề, phù hợp với công năng và các yêu cầu giao thông nội bộ, kiến trúc cảnh quan phù hợp với tiêu chuẩn quy hoạch, có mật độ xây dựng công trình trong khoảng 20 - 40%. Tất cả công trình đều có khoảng cách theo chỉ giới quy hoạch trên 30m tính từ tim đường Quốc lộ và đường khu vực, do vậy không ảnh hưởng độ rung và độ ồn; khu vực trường có tường bao xung quanh cao từ 1,5m trở lên, cổng trường có gắn biển hiệu, tên trường; bao quanh các công trình đều có dải cách ly bằng cây xanh và thảm cỏ, tổng diện tích chiếm khoảng 30 - 40% diện tích khu đất, cụ thể có bản thiết kế và hoàn công sân, vườn, cảnh quan. Hiện tại diện tích cây xanh bao phủ quanh trường là khoảng 3,2ha.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2 tiêu chí 5: 1 điểm

Tiêu chuẩn 3: *Có đủ các khu vực phục vụ hoạt động của trường theo tiêu chuẩn; khu học tập và nghiên cứu khoa học (Phòng học lý thuyết, phòng học thực hành, phòng thí nghiệm và phòng học chuyên môn); khu thực hành (xưởng thực hành, thực tập) khu vực rèn luyện thể chất, khu hành chính quản trị, phụ trợ và khu phục vụ sinh hoạt cho người học và nhà giáo.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Hiện tại, Nhà trường có đủ các khối công trình đã xây dựng phục vụ nhu cầu đào tạo và các hoạt động của Trường:

Tổng diện tích đất : 83.400 m², trong đó:

- Diện tích xây dựng: 55.655 m²;

- Diện tích cây xanh, lưu không: 3,2ha.

Diện tích hạng mục và công trình:

TT	HẠNG MỤC, CÔNG TRÌNH	TỔNG DIỆN TÍCH (m²)
1	Khu hiệu bộ	5.100
2	Phòng học lý thuyết	3.312
3	Xưởng thực hành	6.592
4	Khu phục vụ: - Nhà để xe máy, xe đạp của HSSV - Kho vật tư - Nhà ăn HSSV	400.0 270.0 450.0
4.1	<i>Thư viện</i>	<i>1.290</i>
4.2	<i>Ký túc xá</i>	<i>12.100</i>
4.3	<i>Trạm y tế</i>	<i>21.6</i>
4.4	<i>Khu thể thao</i>	<i>15.300</i>
	Tổng	44835,6

- Các công trình Nhà trường được thiết kế đúng tiêu chuẩn xây dựng trường Cao đẳng nghề theo Tiêu chuẩn xây dựng Việt Nam TCXD VN 60 : 2003 " Trường dạy nghề - Tiêu chuẩn thiết kế" ban thành kèm theo quyết định số 21/2003/QĐ - BXD ngày 28 tháng 7 năm 2003 của Bộ Xây dựng. Hồ sơ thiết kế và hoàn công toàn bộ công trình, được đơn vị chuyên ngành thẩm định, cơ quan có thẩm quyền phê duyệt gồm (Thiết kế, hoàn công: Quy hoạch, công trình kiến trúc, Hạ tầng kỹ thuật, Sân vườn cảnh quan, tường rào cổng ra vào) tuân thủ các quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng về các yêu cầu ngăn cách, vệ sinh, kiến trúc, chiếu sáng, thông gió, quy hoạch nội bộ thuận tiện cho vận chuyển, lắp đặt vận hành thiết bị đảm bảo theo Tiêu chuẩn xây dựng Việt Nam (5.2.01 - Hồ sơ xây dựng, thiết kế mặt bằng khuôn viên trường).

Nhà trường giao phòng Quản trị - Vật tư chịu trách nhiệm quản lý, bảo dưỡng các công trình phục vụ hoạt động đào tạo như nhà xưởng, phòng học lý thuyết, phòng học chuyên môn đảm bảo cho các công trình được sử dụng đúng chức năng, công suất được thiết kế. Hiện tại các công trình của trường đều được sử dụng đúng mục đích và các bộ phận quản lý; các xưởng học chuyên môn do các khoa quản lý, ký túc xá sinh viên do phòng CTHSSV quản lý, các công trình sử dụng chung, hạ tầng kỹ thuật do phòng Quản trị - Vật tư quản lý.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3 tiêu chí 5: 1 điểm

Tiêu chuẩn 4: *Hệ thống hạ tầng kỹ thuật của trường (Đường giao thông nội bộ; hệ thống điện; cấp thoát nước, xử lý nước thải, phòng chữa cháy) theo quy chuẩn và đáp ứng nhu cầu đào tạo, sản xuất dịch vụ, sinh hoạt; được bảo trì, bảo dưỡng theo quy định.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

- Nhà trường có hệ thống hạ tầng kỹ thuật bảo đảm đáp ứng yêu cầu làm việc và các hoạt động dạy nghề, thực nghiệm, thực hành, các khối công trình riêng biệt đều có hệ thống hạ tầng kỹ thuật riêng. Giao thông từ các trục đường quy hoạch chính, có các đường nhánh vào các toà nhà, việc giao thông trong nội bộ trường đảm bảo liên hoàn và thuận lợi (5.2.01 - Hồ sơ xây dựng, thiết kế mặt bằng khuôn viên trường). Hệ thống cấp điện: Có 02 trạm biến áp riêng, công suất 100KVA và 180KVA Từ trạm biến áp có các đường cấp điện riêng cho từng toà nhà (5.4.01 - Biên bản giao nhận đường dây & trạm biến áp). Hệ thống cấp nước và thoát nước riêng cho từng hạng mục công trình, nước được cấp đến khu WC của từng toà nhà. Các toà nhà đều có 2 hệ thống thoát nước: 01 thoát nước thải được thu gom riêng ra hệ thống xử lý nước thải, sau khi xử lý được đưa ra kênh thoát tự nhiên; 01 hệ thống thoát nước mặt thu gom nước từ mái nhà, sân, đường, có mạng lưới rãnh thu gom quanh nhà, dẫn ra rãnh thoát nước chính. Hệ thống chống sét, tiếp địa của trường thiết kế riêng cho từng toà nhà, đảm bảo tiêu chuẩn kỹ thuật an toàn.

- Trong khuôn viên của nhà trường đều có hệ thống đường giao thông nội bộ. Đường trục chính được đổ bê tông nhựa và có các biển báo, sơ đồ chỉ dẫn thuận lợi cho việc đi lại và học tập; có hệ thống cấp thoát nước, hệ thống thông gió, hệ thống phòng cháy chữa cháy theo tiêu chuẩn được cơ quan chuyên ngành thẩm định. Bên trong các toà nhà có các họng cứu hoả D60. Tại mỗi khu đều có hệ thống điện, nước ổn định đáp ứng nhu cầu đào tạo, sản xuất và sinh hoạt (5.4.02 - Hồ sơ hệ thống phòng cháy chữa cháy của trường);

- Hệ thống đường giao thông nội bộ, hệ thống điện đáp ứng nhu cầu hoạt động đào tạo, sản xuất, dịch vụ và sinh hoạt; có hệ thống cấp, thoát nước, xử lý nước thải độc hại, thông gió, phòng cháy, chữa cháy theo quy chuẩn và đáp ứng nhu cầu đào tạo, sản xuất, dịch vụ, sinh hoạt, được thiết kế và thi công đồng bộ trong dự án xây dựng Trường Cao đẳng Công nghiệp Thái Nguyên;

- Toàn bộ các hệ thống đã được tính toán theo thông số lưu lượng 3000 HSSV, thiết kế đã được các cơ quan chuyên môn thẩm tra, thẩm định. Thi công có giám sát và kiểm định chất lượng của cơ quan chuyên môn. Hồ sơ thiết kế hệ thống hạ tầng kỹ thuật, Hoàn công hệ thống hạ tầng kỹ thuật đều được các cơ quan chuyên môn nghiệm thu ký duyệt;

- Về vấn đề vệ sinh môi trường, Trường thực hiện Hợp đồng thu gom rác thải với Công ty vệ sinh môi trường Thành phố Thái Nguyên, thực hiện thu gom rác thải trong ngày (5.4.03 - Hợp đồng thu gom rác thải);

Với diện tích mặt hồ chứa nước sinh hoạt của nhà trường là 800m², cộng với nguồn nước tự nhiên là dòng sông Cầu cạnh trường và nguồn nước sạch do Công ty nước Thái Nguyên cung cấp, nhà trường đã duy trì thường xuyên việc xử lý và cấp nước trong toàn trường khoảng 1000m³/ tháng(12.000m³/ năm) (5.4.04 - Hợp đồng cung cấp nước sạch của Công ty kinh doanh nước sạch Thái Nguyên).

- Công tác phòng cháy chữa cháy trong trường chịu sự quản lý của đơn vị phòng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy Công an tỉnh Thái Nguyên. Nhà trường hoàn tất toàn bộ hồ sơ PCCC theo năm học, Đơn vị phòng cháy chữa cháy Công an tỉnh Thái Nguyên kiểm tra định kỳ, đột xuất và biên bản đánh giá đảm bảo điều kiện phòng cháy chữa cháy trong nhà trường (5.4.05 - Các biên bản kiểm tra của các cơ quan về phòng cháy, chữa cháy);

- Hệ thống hạ tầng kỹ thuật được quản lý và bảo dưỡng vận hành đúng quy trình, bảo đảm hoạt động đúng chức năng, công suất theo thiết kế (5.4.06 - Quy trình Sửa chữa, bảo trì, bảo dưỡng trang thiết bị, phương tiện vận chuyển);

- Nhà trường thực hiện tốt các văn bản quy định về bảo trì, bảo dưỡng hệ thống hạ tầng kỹ thuật. Hàng năm Nhà trường đã có kế hoạch bảo dưỡng 1 lần hệ thống hạ tầng kỹ thuật và sửa chữa kịp thời khi có hư hỏng (5.4.07 - Các biên bản kiểm tra, bảo dưỡng về thiết bị máy móc và cơ sở vật chất);

Kết thúc năm tài chính , Nhà trường triển khai công tác kiểm kê tài sản theo quy định của Nhà nước (5.4.08 - Báo cáo tổng kết hàng năm của trường).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4 tiêu chí 5: 1 điểm

Tiêu chuẩn 5: Phòng học, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, phòng học chuyên môn hóa đảm bảo quy chuẩn xây dựng, tiêu chuẩn cơ sở vật chất hiện hành và các yêu cầu công nghệ của thiết bị đào tạo.

Mô tả, phân tích, nhận định:

* Cơ sở vật chất trực tiếp phục vụ đào tạo:

- **Phòng học lý thuyết, phòng thí nghiệm:** Tổng diện tích xây dựng là: 5.712m² ; số lượng phòng là 61 phòng, mỗi phòng học được trang bị bàn ghế đủ chỗ cho 45- 60 HSSV, có bảng từ, quạt trần và hệ thống chiếu sáng đúng theo tiêu chuẩn, phòng học ngoại ngữ có 03 phòng với diện tích 210 m², phòng học tin học có 35 máy tính được nối mạng ADSL. Ngoài ra còn có các thiết bị phụ trợ hiện đại khác phục vụ cho công tác đào tạo;

- **Xưởng thực hành:** Tổng diện tích xây dựng là 10.351m²; số xưởng thực hành đảm bảo yêu cầu đào tạo cho 3.000 học sinh, sinh viên học 2 buổi (với số lượng 1.500 HSSV/ca).

Các công trình Nhà trường được thiết kế đúng tiêu chuẩn xây dựng trường Cao đẳng nghề theo Tiêu chuẩn xây dựng Việt Nam TCXDVN 60: 2003 " Trường dạy nghề - Tiêu chuẩn thiết kế " ban thành kèm theo Quyết định số 21/2003/QĐ-BXD ngày 28 tháng 7 năm 2003 của Bộ Xây dựng. Hồ sơ thiết kế và hoàn công toàn bộ công trình, được đơn vị chuyên ngành thẩm định, cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

- Nhà trường giao phòng Quản trị - Vật tư chịu trách nhiệm quản lý, bảo dưỡng các công trình phục vụ hoạt động đào tạo như nhà xưởng, phòng học lý thuyết, phòng học chuyên môn đảm bảo cho các công trình được sử dụng đúng chức năng, công suất được thiết kế. Hiện tại các công trình của trường đều được sử dụng đúng mục đích và các bộ phận quản lý.

Nhà trường đã được Vụ Pháp chế - Thanh tra (Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp) thanh tra và có Biên bản kiểm tra thực tế về các điều kiện đảm bảo tổ chức hoạt động giáo dục nghề nghiệp. Về cơ bản Nhà trường đã đáp ứng được cơ sở vật chất để đảm bảo thực hiện đào tạo nghề theo quy định theo như kết luận của Biên bản.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 5 tiêu chí 5: 1 điểm

Tiêu chuẩn 6: *Trường có quy định về quản lý, sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng thiết bị đào tạo.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Việc quản lý thiết bị phục vụ cho quá trình dạy và học được Nhà trường giao cho phòng Quản trị vật tư trực tiếp quản lý, chịu trách nhiệm quản lý các thiết bị, có sổ theo dõi xuất nhập vật tư, theo dõi quá trình bảo quản sửa chữa. Tất cả các thiết bị đều có hồ sơ, xuất xứ, năm, nước sản xuất, nhà sản xuất. Nhà trường có ban hành văn bản quy định về quản lý sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng thiết bị đào tạo của nhà sản xuất (5.6.01 - *Danh mục các thiết bị đào tạo (xuất xứ, năm, nước sản xuất, nhà sản xuất) và quy định về sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng thiết bị đào tạo của nhà sản xuất*), (5.6.02 – *Nội quy, quy trình của trường quy định về quản lý, sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng thiết bị đào tạo*).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 6 tiêu chí 5: 1 điểm

Tiêu chuẩn 7: *Phòng học giảng đường, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, phòng học chuyên môn hóa được sử dụng theo quy định hiện hành.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Nhà trường thực hiện việc sử dụng phòng học, giảng đường, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, phòng học chuyên môn hóa theo Thông tư số 162/2014/TT-BTC ngày 06/11/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc Quy định chế độ quản lý, tính

hao mòn tài sản cố định trong các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập và các tổ chức có sử dụng ngân sách Nhà nước.

Các nội quy, Quy định của trường về sử dụng phòng học, giảng đường, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, phòng học chuyên môn hóa đều phù hợp với Quy định của cơ quan quản lý Nhà nước và cơ quan quản lý trực tiếp của trường (5.6.02 - *Nội quy, quy trình của trường quy định về quản lý, sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng thiết bị đào tạo*).

Nhà trường có đầy đủ các báo cáo/văn bản thể hiện phòng học, giảng đường, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, phòng học chuyên môn hóa được sử dụng theo quy định của trường (5.7.01 - *Báo cáo về sử dụng phòng học, giảng đường, xưởng thực hành, phòng học chuyên môn hóa*).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 7 tiêu chí 5: 1 điểm

Tiêu chuẩn 8: *Thiết bị đào tạo đáp ứng danh mục và tiêu chuẩn thiết bị tối thiểu theo yêu cầu đào tạo của từng trình độ đào tạo theo chuyên ngành hoặc nghề do cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp ở trung ương quy định. Đối với các chuyên ngành hoặc nghề mà cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp ở trung ương chưa ban hành danh mục và tiêu chuẩn thiết bị tối thiểu thì trường đảm bảo thiết bị đào tạo đáp ứng yêu cầu chương trình đào tạo, tương ứng quy mô đào tạo của chuyên ngành hoặc nghề đó.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Đối chiếu với danh mục thiết bị của Trường và danh mục thiết bị của các nghề đã được Bộ LĐ-TB&XH ban hành, số loại thiết bị dạy nghề của các nghề như Cắt gọt kim loại, Hàn, Điện công nghiệp, Điện tử công nghiệp, Kế toán doanh nghiệp tại Trường cơ bản đáp ứng đủ danh mục thiết bị được ban hành tại Các văn bản quy phạm pháp luật quy định về danh mục thiết bị đào tạo tối thiểu do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành (5.8.01 - *Danh mục thiết bị đào tạo (kèm hồ sơ thiết bị) hiện có của trường*).

Nhà trường về cơ bản đã đáp ứng được yêu cầu về danh mục thiết bị đào tạo tối thiểu theo quy định đã ban hành của Bộ LĐ- TB&XH. Bảng nguồn cung cấp thiết bị theo chương trình mục tiêu quốc gia hàng năm (5.8.02 - *Bảng so sánh, đối chiếu danh mục thiết bị đào tạo hiện có của trường với danh mục thiết bị đào tạo tối thiểu do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành*, 5.8.03 - *Báo cáo theo dõi tài sản cố định của trường hàng năm. Thống kê số lượng người học tại mỗi lớp học lý thuyết và thực hành của các môđun, môn học của chương trình đào tạo*, 5.8.04 - *Thời khóa biểu trong đó thể hiện việc bố trí xưởng, phòng học theo thời khóa biểu của trường*).

Nhà trường đã được Vụ Pháp chế - Thanh tra (Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp) thanh tra và có Biên bản kiểm tra thực tế ngày 22 tháng 3 năm 2018 về các điều kiện

đảm bảo tổ chức hoạt động giáo dục nghề nghiệp. Về cơ bản Nhà trường đã đáp ứng được cơ sở vật chất để đảm bảo thực hiện đào tạo nghề theo quy định theo như kết luận của Biên bản. Các biên bản kiểm tra của các đoàn thanh tra, kiểm tra hiện được lưu trữ tại các phòng, khoa chức năng.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 8 tiêu chí 5: 1 điểm

Tiêu chuẩn 9: *Thiết bị dụng cụ đào tạo được bố trí hợp lý, an toàn, tiện lợi cho việc đi lại hành bảo dưỡng và tổ chức hướng dẫn thực hành đảm bảo các yêu cầu sư phạm, an toàn vệ sinh công nghiệp, vệ sinh môi trường.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Các phương tiện máy móc và các trang thiết bị, dụng cụ phục vụ thực hành được bố trí hợp lý theo từng khu vực, theo từng ngành, nghề đào tạo, từng nội dung đào tạo (mô đun). Vị trí bố trí, lắp đặt phương tiện, thiết bị đảm bảo an toàn, thuận tiện cho vận hành, bảo dưỡng và tổ chức hướng dẫn thực hành theo lớp, theo nhóm và theo từng cá nhân. Các phương tiện, trang thiết bị, dụng cụ được vận hành sử dụng, bảo quản và bảo dưỡng, theo đúng qui trình kỹ thuật và thực hiện đúng nội quy quy định xưởng thực hành về quản lý sử dụng Trang thiết bị, máy móc, dụng cụ của Trường lắp đặt phù hợp với ngành nghề đào tạo. Việc bố trí máy móc, thiết bị, dụng cụ hợp lý, bảo đảm khoảng cách an toàn giữa các thiết bị, thuận tiện cho việc vận hành, bảo dưỡng, đi lại và tổ chức hướng dẫn thực hành. Một số thiết bị áp lực như bình khí CO₂, bình khí gas có tem kiểm định chất lượng của nhà sản xuất và dấu kiểm định trên vỏ bình (5.9.01 - Sơ đồ/hình ảnh bố trí các thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo; 5.9.02 - Hồ sơ thiết kế, lắp đặt, hồ sơ quản lý các thiết bị, dụng cụ). Các xưởng thực hành trong đó có các phòng học thực hành, được thiết kế, lắp đặt đã đảm bảo các tiêu chuẩn qui định về mỹ thuật công nghiệp, thẩm mỹ nghề nghiệp và sư phạm; an toàn và vệ sinh công nghiệp, vệ sinh môi trường. Trong vận hành, khai thác sử dụng và bảo quản, bảo dưỡng trang thiết bị, dụng cụ đều có nội quy xưởng thực hành.

Hàng năm theo kế hoạch, hoặc định kỳ, các đoàn kiểm tra của Bộ Công Thương và Tổng cục GDNN về công tác an toàn vệ sinh lao động đều có những lần về kiểm tra nhà trường với những chuyên đề về triển khai công tác an toàn lao động và vệ sinh môi trường, nhà trường và các phòng khoa chức năng đã thực hiện tốt các công tác về an toàn vệ sinh lao động và sử dụng các trang thiết bị, dụng cụ đảm bảo an toàn, vệ sinh công nghiệp.

Các văn bản của Bộ chủ quản và các cơ quan chức năng cấp trên đánh giá về công tác an toàn vệ sinh lao động của nhà trường trong những năm qua đều đang được các bộ phận chức năng của nhà trường quản lý và lưu trữ.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 9 tiêu chí 5: 1 điểm

Tiêu chuẩn 10: Trường có quy định về quản lý, sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng thiết bị đào tạo. Trong đó có quy định về việc định kỳ đánh giá và đề xuất biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng thiết bị đào tạo.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Nhà trường có đủ kho bảo quản, lưu giữ vật tư, thiết bị cho trường, và có nhân viên phụ trách việc bảo quản và lưu giữ kho. Kho lưu trữ thiết bị đào tạo của nhà trường được bố trí trong khu nhà làm việc. Các hội trường và giảng đường có đầy đủ thiết bị phục vụ cho học tập và các hoạt động ngoại khóa. Kho chứa vật tư, thiết bị riêng cho mỗi khoa được bố trí ngay trong các phòng thực hành nên rất thuận tiện cho việc thường xuyên kiểm tra, bảo quản, phòng chống mất mát thiết bị, vật tư, hàng hoá, đảm bảo các điều kiện như tránh mưa, nắng, có đầy đủ ánh sáng, chống ẩm mốc, bảo vệ cẩn thận.

Tại các phòng thực hành, xưởng thực hành đều có kho bảo quản vật tư thiết bị riêng cho mỗi xưởng và có nội quy, quy chế sử dụng riêng niêm yết ở cửa. Định kỳ 6 tháng/1 lần phòng Quản trị Vật tư tổng hợp, thống kê báo cáo tình hình quản lý, sử dụng, bảo quản cơ sở vật chất. Trong báo cáo ấy có chỉ rõ những ưu điểm, tồn tại và đề xuất biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng cơ sở vật chất của Nhà trường. Nhằm đưa công tác quản lý tài sản đi vào nề nếp, nâng cao chất lượng và hiệu quả quản lý của các đơn vị, Trường Cao đẳng công nghiệp Thái Nguyên ban hành Quy định quản lý, sử dụng tài sản áp dụng trong phạm vi của Nhà trường. Hàng năm nhà trường thực hiện kế hoạch tổng kiểm kê tài sản, trang thiết bị, đánh giá mức độ % còn sử dụng, phân loại, thanh lý những thiết bị cũ, hư hỏng, lạc hậu không còn phù hợp cho công tác đào tạo của nhà trường (5.10.01 - Quy định của trường về quản lý, sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng thiết bị đào tạo).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 10 tiêu chí 5: 1 điểm

Tiêu chuẩn 11: Thiết bị đào tạo có hồ sơ quản lý rõ ràng, được sử dụng đúng công năng, quản lý, bảo trì, bảo dưỡng theo quy định của nhà trường và nhà sản xuất, hàng năm đánh giá và đề xuất biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng theo quy định.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Hệ thống quản lý trang thiết bị tại trường được thực hiện theo quy định quản lý và sử dụng tài sản, vật tư thiết bị, trong đó quy định rõ phân loại tài sản, quy mô tài sản, quy trình quản lý tài sản từ khi đề xuất mua bán, giao nhận, sử dụng thanh lý thu hồi. Các đơn vị thực hiện việc thu nhận và cấp phát vật tư, hàng hóa từ phòng kế hoạch tài chính, có sổ theo dõi, giám sát của cán bộ phụ trách, khi xuất thiết bị vật tư thực hành đều có sổ theo dõi quản lý. Hàng năm nhà trường đều có báo cáo đánh giá việc cấp phát, thu nhận trang thiết bị và tiến hành tổng kiểm kê tài sản, trang thiết bị, đánh giá phân loại và thanh lý những thiết bị cũ hỏng. Lập kế hoạch mua sắm thiết bị đồ dùng bổ sung (5.11.01 - Báo cáo đánh giá về việc sử dụng, quản lý, bảo trì, bảo

dưỡng thiết bị hàng năm). Các thiết bị được sử dụng đúng công năng có cán bộ quản lý thường xuyên kiểm tra, vệ sinh các thiết bị sau mỗi giờ thực hành. Các thiết bị thường xuyên được kiểm tra, bảo dưỡng, sửa chữa hoặc nâng cấp nhằm đảm bảo tốt nhất các điều kiện phục vụ công tác đào tạo và các hoạt động khác trong nhà trường.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 11 tiêu chí 5: 1 điểm

Tiêu chuẩn 12: Trường có định mức tiêu hao vật tư hoặc định mức kinh tế kỹ thuật trong đào tạo và có quy định về quản lý, cấp phát sử dụng vật tư phục vụ đào tạo, tổ chức thực hiện theo quy định đảm bảo kịp thời, đáp ứng kế hoạch và tiến độ đào tạo; vật tư được bố trí sắp xếp gọn gàng, ngăn nắp thuận tiện cho việc bảo quản và sử dụng.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Nhằm thống nhất chung trong toàn trường về sử dụng, quản lý, vật tư, thiết bị đúng nguyên tắc tài chính, cung cấp vật tư thiết bị phục vụ kịp thời cho công tác đào tạo, nâng cao ý thức trách nhiệm cho mỗi cá nhân, tập thể; theo dõi chặt chẽ vật tư, sản phẩm làm căn cứ hoạch toán, định mức sử dụng vật tư có hiệu quả cao trong công tác giáo dục đào tạo, nghiên cứu khoa học, phát triển sản xuất trong toàn trường. Trường tổ chức xây dựng và ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật cơ sở theo thẩm quyền quy định tại Điều 4 của Thông tư 14/2017/TT-BLĐTBXH; có văn bản quy định về quản lý, cấp phát, sử dụng vật tư, phục vụ đào tạo. (5.12.01 - Quy định của Trường về định mức tiêu hao vật tư hoặc định mức kinh tế - kỹ thuật trong đào tạo), (5.12.02 - Quy định của Trường về quản lý, cấp phát, sử dụng vật tư, phục vụ đào tạo), (5.12.03 - Hệ thống sổ sách theo dõi việc quản lý, cấp phát, sử dụng vật tư, phục vụ đào tạo), (5.12.04 - Các đề xuất nhu cầu về vật tư phục vụ đào tạo theo từng học kỳ, năm học của các đơn vị liên quan đến thực hiện chương trình đào tạo), (5.12.05 - Các đề xuất nhu cầu về vật tư phục vụ đào tạo theo từng học kỳ, năm học của các đơn vị liên quan đến thực hiện chương trình đào tạo).

Căn cứ vào thời khóa biểu học kỳ, tùy vào từng ngành nghề đào tạo của các khoa, tổ chuyên môn, phòng QTVT xây dựng định mức vật tư và kinh phí cho 01 ca/ thực tập (8h/ca), (5.12.06 - Văn bản/tài liệu thể hiện thực hiện đúng định mức tiêu hao vật tư/ định mức kinh tế kỹ thuật trong đào tạo).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 12 tiêu chí 5: 1 điểm

Tiêu chuẩn 13: Trường có thư viện bao gồm phòng đọc, phòng lưu trữ bảo đảm theo tiêu chuẩn thiết kế. Thư viện có đủ chương trình, giáo trình đã được trường phê duyệt, mỗi loại giáo trình đảm bảo tối thiểu 05 bản in.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Để việc tham khảo tài liệu học tập và công tác của cán bộ, giáo viên và HSSV toàn trường được thuận lợi và đi vào nề nếp, Nhà trường thông báo Quy định về thời gian mở cửa Thư viện (5.13.01 - Quy định về việc sử dụng và thời gian mở cửa thư viện). Thời gian mở cửa thư viện: từ thứ 2 đến thứ 6, đi theo giờ hành chính.

Thư viện sách có diện tích 180m², với 01 phòng đọc + 01 kho sách, 01 thư viện điện tử. Thư viện bao gồm tài liệu chuyên môn (sách, giáo trình), báo, tạp chí chuyên ngành phù hợp với các ngành nghề đào tạo. (5.13.02 - *Thống kê diện tích phòng đọc, phòng lưu trữ.*) Tổng số sách, giáo trình và tài liệu tham khảo tại thư viện trường hiện nay: 1.483 đầu sách/10.228 cuốn (bao gồm cả giáo trình nội bộ). Có phần mềm quản lý thư viện (quản lý sách, đọc giả và thống kê số liệu sách hàng năm của thư viện) (1.2.02 - *Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp*), (5.13.04 - *Danh sách giáo trình đã được trường phê duyệt và số lượng giáo trình tại thư viện*).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 13 tiêu chí 5: 1 điểm

Tiêu chuẩn 14: *Tổ chức hoạt động, hình thức phục vụ của thư viện trường phù hợp với nhu cầu tra cứu của cán bộ quản lý, nhà giáo và người học.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Nhằm giúp CBGV và HSSV của trường được thường xuyên cập nhật sách mới, giới thiệu sách mới khiến cho người đọc thông qua các hình thức như: gửi thông báo danh mục sách mới tới các khoa, phòng. Kết hợp với sở văn hóa và truyền thông, thư viện tỉnh tổ chức hội thi giới thiệu sách nhằm tuyên truyền rộng rãi tới bạn đọc ý nghĩa về sách. Để giúp cho bạn thuận tiện trong việc tra cứu, nhân bản, trao đổi tài liệu... Thư viện trường đã có nhiều biện pháp tư vấn, hỗ trợ bạn đọc của thư viện như: Giới thiệu sách, tài liệu định kỳ cho bạn đọc thông qua bản tin, thông báo mail phòng khoa, hoạt động ngoại khóa... Đồng thời nhà trường còn hỗ trợ máy in, máy phô tô để hỗ trợ việc nhân bản, sao chép tài liệu cho giáo viên học sinh (5.14.01 - *Biên bản bàn giao sách*, 5.14.02 - *Kế hoạch tổ chức giới thiệu sách hàng năm*).

Để hỗ trợ cho Thư viện Trường trong việc giới thiệu sách mới, hỗ trợ bạn đọc trong việc tra cứu tài liệu tại thư viện, trường đã thành lập tổ cộng tác viên thư viện, thành viên tổ cộng tác viên của thư viện gồm các sinh viên trong trường (mỗi lớp 01 thành viên), đứng đầu tổ là cán bộ phụ trách thư viện nhà trường. Hàng năm Tổ cộng tác viên đã lên kế hoạch hoạt động của tổ và ra nội quy làm việc của tổ để nâng cao hiệu quả hoạt động. Đội ngũ cộng tác viên của thư viện đã phát huy tốt vai trò khuyến khích được người đọc, cán bộ giáo viên và sinh viên khai thác tốt và có hiệu quả các tài liệu như: Duy trì tủ sách của thư viện, tham mưu cho nhà trường bổ sung các loại tài liệu mới cho thư viện, hỗ trợ cho bạn đọc trong việc tìm kiếm, tra cứu tài liệu, tổ chức giới thiệu sách và tài liệu mới cho bạn đọc... Kết quả hoạt động của tổ cộng tác viên đều được báo cáo công tác thư viện hàng năm (5.14.03 - *Quyết định số 620 QĐ/ CĐCN ngày 26 tháng 12 năm 2012 thành lập Trung tâm Thông tin thư viện*); (5.14.04 - *Quyết định số 01A QĐ/ CĐCN ngày 2 tháng 1 năm 2015 về Kế hoạch hoạt động của tổ cộng tác viên thư viện*).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 14 tiêu chí 5: 1 điểm

Tiêu chuẩn 15: Trường có phòng máy tính đáp ứng nhu cầu tra cứu, truy cập thông tin của nhà giáo và người học, các giáo trình, tài liệu tham khảo của trường được số hóa và tích hợp với thư viện điện tử phục vụ hiệu quả cho hoạt động đào tạo.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Hiện nay thư viện nhà trường được trang bị 25 máy vi tính, các máy tính này được hoạt động ổn định có kết nối mạng internet, phục vụ tin học hóa công tác quản lý thư viện. Thiết bị tại thư viện được lưu trữ trong sổ quản lý tài sản, có định kỳ kiểm tra, sửa chữa hoặc thay thế. Các loại sách được lưu trữ và sắp xếp theo chuyên ngành, được dán mã vạch ... dán tại kệ sách còn lưu thông trong hệ thống phần mềm quản lý để dễ tìm kiếm. Cơ sở dữ liệu điện tử tại thư viện có các nội dung: Tra cứu giáo trình điện tử, tra cứu sách tham khảo hiện có tại thư viện (5.15.01 - Danh mục thiết bị, máy tính hiện có tại thư viện);(5.15.02 - Phần mềm quản lý và tra cứu tài liệu),

Tại thư viện của Trường, hệ thống máy tính đều được nối mạng nội bộ (Lan), kết nối mạng internet, đảm bảo các hệ thống thiết bị luôn hoạt động bình thường theo chức năng và các quy định tổ chức, hoạt động của thư viện. Để đảm bảo hệ thống mạng (Lan), việc kết nối internet và các máy móc, thiết bị hoạt động bình thường, phục vụ thường xuyên liên tục cho bạn đọc. Trường có hợp đồng cung cấp dịch vụ Internet và cử cán bộ phụ trách thư viện có trách nhiệm theo dõi, phát hiện sự cố và báo sửa chữa kịp thời (5.15.03 - Sơ đồ mạng Lan của trường); (5.15.04 - Hợp đồng cung cấp dịch vụ Internet số: 11735813 Ngày 26/ 11/ 2012 Mã thuê bao: 7847692).

- Tại thư viện của Trường có phần mềm quản lý thư viện, quản lý sách, độc giả và thống kê số liệu sách. Tuy nhiên phần mềm quản lý thư viện của nhà Trường cần nâng cấp hoàn thiện hơn, nên tiêu chuẩn này không đạt

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 15 tiêu chí 5: 0 điểm

3.2.6. TIÊU CHÍ 6: *Nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và hợp tác quốc tế*

*** Mở đầu:**

Chiến lược phát triển khoa học, ứng dụng công nghệ của Nhà trường được xây dựng theo quyết định 418/QĐ-TTg, ngày 11 tháng 4 năm 2012 quyết định phê duyệt chiến lược phát triển khoa học và công nghệ giai đoạn 2011 – 2020. Lấy quan điểm phát triển khoa học và công nghệ cùng với giáo dục và đào tạo là quốc sách hàng đầu, là động lực để phát triển. Tranh thủ mọi nguồn lực cho phát triển khoa học công nghệ. Đã có nhiều đề tài NCKH được công nhận và áp dụng vào thực tiễn, các kết quả nghiên cứu của cán bộ giáo viên được công bố trên các tạp chí trong và ngoài nước góp phần đưa công tác NCKH tiếp cận với trình độ khu vực và thế giới. Mục tiêu tổng quát:

- Phát huy sáng kiến cải tiến kỹ thuật, NCKH, từng bước thực hiện chuyển giao các kết quả NCKH, đưa NCKH vào thực tiễn góp phần nâng cao chất lượng và quảng bá hình ảnh về ngành nghề đào tạo, tiếp tục đổi mới chất lượng, nhằm thu hút người học.

Mục tiêu cụ thể:

+ Đẩy mạnh NCKH, bảo đảm cơ sở, giải pháp khoa học đồng bộ cho các chủ trương, chính sách, quy hoạch, kế hoạch và các chương trình, dự án trọng điểm nhà trường;

+ Nâng cao trình độ công nghệ của các ngành, nghề; đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng công nghệ cao trong một số ngành trọng điểm: Điện - Điện tử, Cơ khí, Công nghệ Thông tin,....

*** Những điểm mạnh:**

Nhà trường luôn quan tâm đến công tác NCKH, những năm qua Nhà trường luôn cử các cán bộ, giáo viên tham gia các lớp đào tạo nâng cao trình độ thạc sỹ và tiến sỹ với các đề tài thiết thực cho sự nghiệp phát triển đào tạo của Nhà trường như: 04 đề tài về kỹ thuật; 01 đề tài hỗ trợ tuyển sinh cho các trường Cao đẳng kỹ thuật. Đồng thời Nhà trường quan tâm các đề tài thiết bị dạy học tự làm đạt trình độ chuyên môn và tính sư phạm cao, các đề tài thiết bị dạy học tự làm đạt các giải thi cấp tỉnh. Ngoài ra trong Quy chế nhà trường quy định rõ thời gian giáo viên được tham gia NCKH và được hưởng chế độ quy đổi ra giờ chuẩn.

*** Những tồn tại:**

Số lượng các đề tài, sáng kiến, giải pháp đã thực hiện mang lại hiệu quả kinh tế còn chưa cao. Tính ứng dụng mới chỉ dừng ở mức tài liệu tham khảo là chủ yếu - nhất là đối với lĩnh vực Tự nhiên, Xã hội và Giáo dục.

** Kế hoạch nâng cao chất lượng:*

- Nâng cao nhận thức về vai trò và ý nghĩa của hoạt động nghiên cứu ứng dụng khoa học trong một cơ sở dạy nghề;
- Đổi mới cơ chế quản lý khoa học công nghệ về nội dung cũng như tài chính tạo điều kiện và động lực cho cán bộ, HSSV tham gia;
- Xây dựng cơ chế khuyến khích và bắt buộc giáo viên tham gia nghiên cứu khoa học;
- Xây dựng và đầu tư một số phòng thực hành, thí nghiệm hiện đại thuộc chuyên ngành mũi nhọn, hứa hẹn triển vọng phục vụ nghiên cứu ứng dụng cũng như hợp tác quốc tế;
- Tăng cường liên kết, hợp tác với doanh nghiệp để nhận các đơn hàng sản xuất cũng như khai thác các cơ sở thiết bị, tiếp cận công nghệ mới hiện đại trong sản xuất;
- Thu hút các cán bộ kỹ thuật có trình độ cao ngoài trường tham gia và hướng dẫn nghiên cứu, chuyển giao;
- Phát triển hợp tác quốc tế trong nghiên cứu ứng dụng.

Điểm đánh giá tiêu chí 6

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
Tiêu chí 6	4 điểm
Tiêu chuẩn 1	1 điểm
Tiêu chuẩn 2	1 điểm
Tiêu chuẩn 3	1 điểm
Tiêu chuẩn 4	1 điểm
Tiêu chuẩn 5	0 điểm

Tiêu chuẩn 1: Trường có chính sách và thực hiện các chính sách khuyến khích cán bộ quản lý, nhà giáo và nhân viên tham gia nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến và chuyển giao công nghệ nhằm nâng cao hiệu quả, chất lượng đào tạo.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Hệ thống văn bản của nhà trường quy định rõ về chính sách nhằm khuyến khích cán bộ quản lý, nhà giáo và nhân viên tham gia nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến và chuyển giao công nghệ được giảm giờ dạy, được hỗ trợ kinh phí. (6.1.01 - Quy chế chi tiêu nội bộ nhà trường);(6.1.02 - Quyết định số 140/QĐ-CĐCN ngày 27/5/2019V/v Ban hành quy định về sáng kiến và quy trình xét công nhận sáng kiến của

Trường).(6.1.03 - Quyết định số 301/QĐ-CĐCN ngày 09/8/2019 V/v Ban hành Quy định quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học và công nghệ đối với CBGV và HSSV). Nhà trường đã đưa ra các biện pháp để thực hiện khuyến khích nhà giáo và nhân viên tham gia NCKH, sáng kiến cải tiến và chuyển giao công nghệ vào quy định công tác thi đua khen thưởng(có các quyết định công nhận và khen thưởng kèm theo)

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 1 tiêu chí 6: 1 điểm

Tiêu chuẩn 2: Hàng năm, trường có đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến từ cấp trường trở lên phục vụ thiết thực công tác đào tạo của trường (ít nhất 01 đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến đối với trường trung cấp, ít nhất 02 đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến đối với trường cao đẳng).

*** Mô tả, phân tích, nhận định:**

Để nâng cao chất lượng đào tạo hàng năm nhà trường luôn khuyến khích cán bộ, viên chức thực hiện những đề tài, sáng kiến cải tiến và giải pháp khoa học có tính ứng dụng cao. Trong đó điển hình là các sáng kiến: ‘ Vật liệu mới composite- Ứng dụng trong công nghệ và đời sống-Những phương pháp chế tạo điển hình’; Sáng kiến “ Nghiên cứu, xây dựng hệ thống phối hợp điều khiển nhiều động cơ có sử dụng PLC. Ứng dụng cho mô hình máy pha sơn tự động” bên cạnh chú trọng để nâng cao chất lượng giảng dạy nhà trường đã song hành nâng cao chất lượng về thể chất cho các em HSSV thông qua các bài tập rèn luyện thể chất và việc đó đã gặt hái thành công hơn khi nhà trường đã áp dụng sáng kiến” Phát triển phong trào tập luyện môn bóng đá cho học sinh, sinh viên nam trong nhà trường”.(6.2.03- Quyết định số 292 đến 316 ngày 17/7/2020 v/v công nhận và thưởng cho giải pháp).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2 tiêu chí 6: 1 điểm

Tiêu chuẩn 3: Hàng năm, trường có các bài báo, ấn phẩm của nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động đăng trên các báo, tạp chí khoa học ở trong nước hoặc quốc tế.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Danh sách các bài báo, ấn phẩm của nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động đều được báo cáo thông qua “Tổng hợp hoạt động khoa học và công nghệ cấp trường và cấp bộ năm 2019-2020 “(6.3.01- Báo cáo số 61/BC-CĐCN ngày 7/8/2020 về tổng hợp hoạt động khoa học và công nghệ cấp trường và cấp bộ).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3 tiêu chí 6: 1 điểm

Tiêu chuẩn 4: Các đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến của trường được ứng dụng thực tiễn.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Hàng năm nhà trường đều tổ chức thực hiện các đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến cấp trường. Kết quả của việc nghiên cứu đó đều được ứng dụng vào thực

tiền đào tạo của nhà trường, hoặc ứng dụng vào sản xuất, lao động tại địa phương. Danh sách các đề tài NCKH, sáng kiến của trường được ứng dụng thực tiễn được báo cáo thông qua báo cáo "Tổng hợp hoạt động khoa học và công nghệ cấp trường và cấp bộ năm 2019-2020" (6.3.01- Báo cáo số 61/BC-CĐCN ngày 7/8/2020 về tổng hợp hoạt động khoa học và công nghệ cấp trường và cấp bộ).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4 tiêu chí 6: 1 điểm

Tiêu chuẩn 5: Có liên kết đào tạo hoặc triển khai các hoạt động hợp tác với các trường nước ngoài hoặc các tổ chức quốc tế; các hoạt động hợp tác quốc tế góp phần nâng cao chất lượng đào tạo của trường.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Nhà trường có đội ngũ giáo viên trẻ được đào tạo cơ bản và khả năng về Ngoại ngữ tốt, đây là điều kiện rất tốt cho các hợp tác Quốc tế.

Hiện nay Nhà trường đóng trên địa bàn tỉnh miền núi, dân số thấp, tỷ lệ đồi núi nhiều, các dự án Quốc tế không nhiều do vậy khả năng phát triển hợp tác quốc tế gặp nhiều khó khăn, chưa có liên kết đào tạo hoặc triển khai các hoạt động, hợp tác với các trường nước ngoài hoặc các tổ chức quốc tế; các hoạt động hợp tác quốc tế góp phần nâng cao chất lượng đào tạo của trường.

Trong các năm học tới nhà trường có kế hoạch hợp tác quốc tế nhằm tạo môi trường thuận lợi cho đội ngũ giáo viên, CBQL của trường được giao lưu, trao đổi, học hỏi kinh nghiệm với các đối tác là các tổ chức quốc tế góp phần nâng cao chất lượng chuyên môn cho đội ngũ giáo viên, CBQL.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 5 tiêu chí 6: 0 điểm

3.2.7. TIÊU CHÍ 7: Quản lý tài chính

*** Mở đầu:**

Trường Cao đẳng Công nghiệp Thái Nguyên là đơn vị sự nghiệp có nguồn kinh phí chủ yếu Ngân sách Nhà nước cấp. Trong những năm qua, được sự quan tâm, chỉ đạo sát sao của Đảng ủy, Ban Giám hiệu nhà trường, công tác tài chính đã đảm bảo kinh phí cho các hoạt động chung của trường diễn ra một cách ổn định trong điều kiện nhà trường còn có nhiều khó khăn.

- Hàng năm, kế hoạch tài chính được xây dựng một cách khoa học, có hệ thống, phù hợp với tình hình thực tế, đáp ứng được nhiệm vụ đào tạo và nghiên cứu khoa học, có một phần tích lũy để tái đầu tư phát triển cơ sở vật chất và góp phần ổn định thu nhập đối với CBVC. Công tác quản lý tài chính công khai, minh bạch, thực hành tiết kiệm chống lãng phí và khai thác có hiệu quả các nguồn thu tại trường.

- Trường có nguồn tài chính ổn định đáp ứng các hoạt động đào tạo, NCKH và các hoạt động hợp pháp khác đồng thời sử dụng hiệu quả các nguồn kinh phí. Các nguồn thu được phản ánh một cách đầy đủ, rõ ràng, minh bạch theo đúng quy định của Nhà nước.

- Hoạt động tài chính của Trường thực hiện đúng quy định của Nhà nước về chế độ kế toán hiện hành và Quy chế chi tiêu nội bộ. Hàng năm, Quy chế chi tiêu nội bộ được rà soát, điều chỉnh phù hợp với chế độ kế toán và tình hình thực tiễn của nhà trường nhằm mục đích đảm bảo mọi hoạt động của trường ổn định và phát triển. Qua kết luận các lần thanh tra, kiểm tra của các cơ quan quản lý cấp trên và Kiểm toán Nhà nước, trường không vi phạm các quy định về tài chính và đảm bảo sử dụng kinh phí có hiệu quả đúng mục đích. Hàng năm trường thực hiện công khai tài chính đồng thời thành lập tổ tự kiểm tra tài chính để kiểm tra hoạt động thu chi một cách độc lập.

*** Những điểm mạnh:**

- Công tác quản lý tài chính được thực hiện theo đúng các quy định của nhà nước ban hành. Trên cơ sở các Thông tư, Nghị định Nhà trường đã cụ thể hóa thành quy trình, thủ tục thanh toán riêng để thuận tiện công tác quản lý và thực hiện nghiệp vụ tài chính. Việc thực hiện công khai tài chính, báo cáo quyết toán theo đúng quy định hiện hành của nhà nước.

- Không ngừng khai thác các hoạt động dịch vụ tạo nguồn thu để đảm bảo đủ kinh phí phục vụ các hoạt động chung của trường. Có biện pháp tổ chức, quản lý, sử dụng tài chính một cách khoa học có hiệu quả.

- Thực hiện tốt công tác tự kiểm tra tài chính và công khai tài chính minh bạch theo quy định của nhà nước. Công tác tham mưu kế hoạch tài chính được thực hiện phù hợp với tình hình thực tế của trường, không vi phạm pháp luật trong công tác thẩm tra số liệu quyết toán hàng năm.

** Những tồn tại:*

- Nguồn thu còn hạn hẹp, chủ yếu là nguồn từ ngân sách Nhà nước cấp.
- Tình hình tuyển sinh hiện nay gặp nhiều khó khăn dẫn đến các nguồn thu tài chính hạn chế.

** Kế hoạch nâng cao chất lượng:*

- Tích cực tuyên truyền yêu cầu cán bộ, viên chức áp dụng triệt để các quy định trong hệ thống quản lý để hoạt động tài chính hiệu quả, khoa học hơn nữa.

- Tăng cường kiểm tra giám sát nhằm thực hiện tốt hơn nữa hoạt động tiết kiệm, chống lãng phí.

- Tăng cường công tác tuyển sinh các hệ và đào tạo kết hợp thực tập sản xuất nhằm gắn đào tạo với nhu cầu xã hội và tăng nguồn thu cho nhà trường

- Tiến hành chuẩn hoá, đồng bộ công tác quản lý tài chính nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng các nguồn tài chính. Bám sát Quy chế chi tiêu nội bộ, bảo đảm công tác kiểm tra, kiểm soát chi tiêu đúng quy định.

Điểm đánh giá tiêu chí 7

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
Tiêu chí 7	6 điểm
Tiêu chuẩn 1	1 điểm
Tiêu chuẩn 2	1 điểm
Tiêu chuẩn 3	1 điểm
Tiêu chuẩn 4	1 điểm
Tiêu chuẩn 5	1 điểm
Tiêu chuẩn 6	1 điểm

Tiêu chuẩn 1: Trường có quy định về quản lý, sử dụng, thanh quyết toán về tài chính theo quy định và công bố công khai.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Trường Cao đẳng Công nghiệp Thái Nguyên thực hiện theo quy định về quản lý, sử dụng, thanh quyết toán về tài chính (Nghị định số 16/NĐ - CP ngày 14/2/2015 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập; Thông tư 107/2017 TT-BTC ngày 10/10/2017 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn về Chế độ Kế toán hành chính sự nghiệp; Thông tư 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn sửa đổi bổ sung một số điều của thông tư 61/2017/TT-BTC hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách Nhà nước hỗ trợ).

Hàng năm nhà trường tổ chức điều chỉnh, bổ sung quy chế chi tiêu nội bộ cho phù hợp, trong đó quy định rõ các nội dung thu, chi trong phạm vi chế độ, tiêu chuẩn, định mức theo quy định hiện hành của Nhà nước và có những nội dung chi có tính chất đặc thù riêng của nhà trường. Quy chế chi tiêu nội bộ được nhà trường gửi Bộ Công thương để báo cáo và gửi Kho bạc nơi giao dịch để kiểm soát chi (7.1.01- Quy chế chi tiêu nội bộ hàng năm).

Để thực hiện tốt công tác quản lý tài chính, nhà trường ban hành Quy định thủ tục thanh toán quyết toán nhằm đảm bảo việc thực hiện thanh quyết toán được thực hiện đúng theo quy định của Bộ Tài Chính (7.1.02 - Quy định thủ tục thanh toán, quyết toán tài chính).

Nhà trường thực hiện công khai quy định về quản lý, sử dụng, thanh quyết toán về tài chính như báo cáo tổng kết công tác tài chính, nội dung này được thông báo công khai tại Hội nghị cán bộ công chức, viên chức hàng năm của nhà trường (7.1.03 - Báo cáo công khai thu chi tài chính hàng năm tại hội nghị cán bộ, công chức, viên chức và người lao động).

Thông tin về quản lý, sử dụng, thanh quyết toán tài chính của trường được cơ quan quản lý cấp trên đánh giá đã thực hiện theo đúng quy định, minh bạch, công khai từ khâu xây dựng kế hoạch đến công tác thực hiện hoạt động thu – chi tài chính. Tất cả đã được thể hiện qua báo cáo thanh quyết toán, công tác tự kiểm tra số liệu quyết toán việc thực hiện kế hoạch tài chính hàng năm (7.1.04 - Báo cáo công khai thu chi tài chính hàng năm tại hội nghị cán bộ, công chức, viên chức và người lao động)

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 1 tiêu chí 7: 1 điểm

Tiêu chuẩn 2: *Quản lý, sử dụng các nguồn thu từ hoạt động dịch vụ đào tạo; tham gia sản xuất, kinh doanh, dịch vụ đúng theo quy định.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Nhà trường được hưởng nguồn kinh phí từ ngân sách Nhà nước cấp (7.2.01 - Quyết định số 5017/QĐ- BTC về việc giao dự toán thu chi ngân sách năm 2019) và nguồn thu học phí của sinh viên tại Trường đúng quy định (7.2.02 - Quyết định thu học phí của Trường).

Tổng hợp nguồn thu qua các năm như sau:

- **Năm 2017: 2.996.848.180 đồng** - Thông báo xét duyệt quyết toán năm 2017.

+ Thu học phí chính quy: 922.680.000 đồng;

+ Thu học phí liên kết: 230.670.000 đồng;

+ Thu khác: 1.843.498.180 đồng.

- **Năm 2018 : 2.642.734.475 đồng** Thông báo xét duyệt quyết toán năm 2018.

+ Thu học phí chính quy: 600.000.000 đồng;

+ Thu học phí liên kết: 119.775.000 đồng;

+ Thu khác: 1.922.959.475 đồng.

- **Năm 2019: 3.603.170.730 đồng** - *Thông báo xét duyệt quyết toán năm 2019.*

+ Thu học phí: 585.525.000 đồng

+ Thu khác: 3.017.645.730 đồng.

Hồ sơ, sổ sách quản lý các nguồn thu từ hoạt động dịch vụ đào tạo; các hợp đồng cho thuê cơ sở vật chất tại trường Cao đẳng Công nghiệp Thái Nguyên được lưu trữ tại phòng Tài chính kế toán đầy đủ theo quy định (7.2.03 - *Các hợp đồng liên kết đào tạo, các hợp đồng dịch vụ*).

Nguồn thu của nhà trường có hai nguồn chính đó là từ nguồn ngân sách Nhà nước cấp và nguồn thu học phí, lệ phí. Ngoài ra, nhà trường còn có một số nguồn thu khác nhưng chiếm tỷ trọng không đáng kể.

Căn cứ vào quyết định giao dự toán hàng năm và dựa vào số liệu đã thực hiện các nhiệm vụ của năm trước liền kề, nhà trường tiến hành phân bổ chi tiết nguồn thu cho các nhiệm vụ đã đề ra theo kế hoạch, trên tinh thần sử dụng tiết kiệm, hiệu quả.

Sau khi hoàn thành sổ sách theo đúng quy định nhà trường có báo cáo tình hình hoạt động tài chính đến đơn vị chủ quản theo đúng quy định. Mọi khoản thu, chi đều được phản ánh đầy đủ, kịp thời trên báo cáo quyết toán tài chính hàng năm. (7.2.04 - *Quyết định công khai thu chi tài chính hàng năm của Trường*; 7.2.05 - *Báo cáo công khai thu chi tài chính hàng năm tại hội nghị cán bộ, công chức, viên chức và người lao động*).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2 tiêu chí 7: 1 điểm

Tiêu chuẩn 3: *Trường có các nguồn lực về tài chính đảm bảo đủ kinh phí phục vụ các hoạt động của trường.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Hàng năm căn cứ vào Luật, Nghị định, Quyết định, Thông tư hướng dẫn của cơ quan quản lý Nhà nước cấp trên và Quy chế chi tiêu nội bộ nhà trường, công tác kế hoạch tài chính được xây dựng chi tiết, khoa học trên cơ sở các nguồn thu sự nghiệp. Căn cứ vào Quyết định giao dự toán ngân sách nhà nước cấp, nguồn thu của đơn vị và quy chế chi tiêu nội bộ, xét nhu cầu chi của từng hoạt động phục vụ cho công tác hoạt động chuyên môn trường lập dự toán phân bổ cho từng nội dung chi một cách hợp lý, tiết kiệm và thực hiện theo đúng chế độ kế toán tài chính hiện hành (7.3.01 - *Dự toán thu chi ngân sách nhà nước năm 2019*).

Công tác hoạt động quản lý tài chính, tài sản, công tác báo cáo, nộp thanh quyết toán của trường hàng năm được thực hiện đúng quy định. Kết quả qua thẩm tra, xét duyệt quyết toán được cơ quan chủ quản đánh giá công tác hoạt động quản lý tài chính, tài sản của trường đã thực hiện theo đúng quy định pháp luật hiện hành. Nhà trường lưu trữ đầy đủ các biên bản thanh kiểm tra, kiểm toán năm 2019 (7.3.02 - *Báo cáo tài chính năm 2019*). Từ các nguồn lực về tài chính trên, so với tiêu chuẩn đề ra, trường đảm bảo đủ kinh phí cho các hoạt động của trường.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3 tiêu chí 7: 1 điểm

Tiêu chuẩn 4: *Thực hiện việc quản lý, sử dụng và thanh quyết toán đúng quy định.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Nhà trường thực hiện việc quản lý, sử dụng kinh phí được giao theo đúng các quy định hiện hành về quản lý tài chính, bám sát dự toán được giao để phân bổ dự toán và thực hiện các nhiệm vụ chi đảm bảo cho các hoạt động đào tạo, đảm bảo đầy đủ chế độ cho công chức viên chức, học sinh sinh viên và các hoạt động của trường theo (7.2.01 - *Quyết định số 5017/QĐ- BTC về việc giao dự toán thu chi ngân sách năm 2019*).

Các chứng từ kế toán đều được tập trung về phòng TCKT để kiểm tra, xác minh tính pháp lý và hạch toán ghi sổ kế toán theo quy định của Sở tài chính, phân loại sắp xếp chứng từ và lưu giữ, bảo quản một cách khoa học (7.4.01- *Hồ sơ lưu trữ tại phòng Tài chính - kế toán hằng năm*).

Hoạt động tài chính của Trường tuân thủ theo quy định của Bộ Tài chính và theo quy chế chi tiêu nội bộ. Thực hiện thanh toán theo Thông tư 77/2017/TT-BTC ngày 28/7/2017 của Bộ Tài chính, Quyết định số 4377/QĐ-KBNN ngày 15/9/2017 của tổng giám đốc kho bạc nhà nước về việc ban hành quy trình nghiệp vụ thống nhất đầu mối kiểm soát các khoản chi ngân sách nhà nước quan kho bạc nhà nước. Mở sổ sách theo dõi, phản ánh các nghiệp vụ kinh tế phát sinh, thực hiện báo cáo theo đúng quy định. (7.3.02 - *Báo cáo tài chính hàng năm*).

Nhà trường cũng đã được thông qua xét duyệt quyết toán, thanh kiểm tra, kiểm toán năm 2019 (7.4.02 - *Thông báo duyệt quyết toán hàng năm*).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4 tiêu chí 7: 1 điểm

Tiêu chuẩn 5: *Thực hiện công tác tự kiểm tra tài chính kế toán; thực hiện kiểm toán theo quy định; xử lý, khắc phục kịp thời các vấn đề còn vướng mắc trong việc thực hiện các quy định về quản lý và sử dụng tài chính khi có kết luận của các cơ quan có thẩm quyền; thực hiện công khai tài chính theo quy định.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Năm 2020 thực hiện kiểm tra, xét duyệt quyết toán ngân sách năm 2019, nhà trường đã thực hiện đảm bảo theo dự toán của cấp có thẩm quyền giao giao (7.5.01- *Thông báo xét duyệt quyết toán thu chi ngân sách năm 2019*).

Việc thanh tra, kiểm toán không thực hiện do đang trong năm ngân sách, tuy nhiên, từ năm 2019 trở về trước Nhà trường đã được các cơ quan thanh tra thực hiện việc kiểm tra tài chính theo quy định. Qua kết luận thanh tra đã thể hiện việc Nhà trường luôn chấp hành đúng các quy định về quản lý tài chính, tài sản của nhà nước, khắc phục kịp thời các vấn đề còn vướng mắc trong việc quản lý và sử dụng tài chính đã được chỉ ra (7.5.02 - *Các kết luận thanh tra*).

Nhà trường đã thực hiện công khai tài chính theo Thông tư 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn

vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ. Trường nghiêm chỉnh thực hiện chế độ kiểm toán định kỳ và kiểm toán đột xuất theo quy định của Bộ Tài chính. Qua kết quả thanh, kiểm tra Trường có báo cáo thể hiện đã xử lý, khắc phục kịp thời các vấn đề còn vướng mắc trong việc thực hiện các quy định về quản lý về sử dụng tài chính khi có kết luận của cơ quan có thẩm quyền. Hàng năm trường đã thực hiện công khai tài chính theo quy định tại Hội nghị cán bộ công chức, viên chức hàng năm của nhà trường (7.1.03 - *Quyết định công khai thu chi tài chính hàng năm của Trường*; 7.1.04 - *Báo cáo công khai thu chi tài chính hàng năm tại hội nghị cán bộ, công chức, viên chức và người lao động*).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 5 tiêu chí 7: 1 điểm

Tiêu chuẩn 6: *Hàng năm, trường có đánh giá hiệu quả sử dụng nguồn tài chính của trường; có các biện pháp nâng cao hiệu quả quản lý và sử dụng tài chính nhằm nâng cao chất lượng các hoạt động của trường.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Hàng năm, nhà trường đã xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ tạo hành lang pháp lý để các hoạt động tài chính của trường được thống nhất và khoa học; Quy chế chi tiêu nội bộ được rà soát và bổ sung kịp thời đảm bảo đáp ứng những thay đổi trong việc thực thi chế độ chính sách của nhà nước đối với CBVC, HSSV. Kết thúc năm tài chính, phòng Tài chính- Kế toán báo cáo đánh giá tình hình sử dụng nguồn tài chính của trường theo quy định; đưa ra các biện pháp nâng cao hiệu quả quản lý sử dụng tài chính nhằm nâng cao chất lượng các hoạt động của trường, đảm bảo cân đối đủ các nguồn kinh phí phục vụ các hoạt động nhà trường năm tiếp theo (7.6.01- *Báo cáo tổng kết năm 2019 và phương hướng nhiệm vụ của Nhà trường năm 2020*).

Hàng năm, Nhà trường đều tiến hành thực hiện tổ chức công khai tài chính trước toàn thể hội nghị công nhân viên chức, lao động theo quy định. Việc công khai tài chính là nhiệm vụ bắt buộc trong công tác quản lý tài chính, thể hiện tính minh bạch, khách quan và trung thực trong việc chấp hành các chế độ, chính sách và các hoạt động thu, chi tài chính trong Nhà trường, đồng thời tạo điều kiện thuận lợi cho việc kiểm tra, giám sát và theo dõi các hoạt động thu, chi nội bộ Nhà trường. Kết thúc năm tài chính, phòng TCKT báo cáo đánh giá tình hình sử dụng nguồn tài chính của trường theo quy định; đưa ra các biện pháp nâng cao hiệu quả quản lý sử dụng tài chính nhằm nâng cao chất lượng các hoạt động của trường, đảm bảo cân đối đủ các nguồn kinh phí phục vụ các hoạt động nhà trường năm tiếp theo. Hàng năm Nhà trường lấy ý kiến của cán bộ quản lý liên quan đến công tác tài chính thông qua hoạt động góp ý, Quy chế chi tiêu nội bộ của Trường và được gửi đến công chức, viên chức và người lao động trong toàn trường (7.1.04 - *Báo cáo công khai thu chi tài chính hàng năm*).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 5 tiêu chí 7: 1 điểm

3.2.8. TIÊU CHÍ 8: Dịch vụ người học

Đánh giá tổng quát tiêu chí 8:

Mở đầu:

Hàng năm, vào đầu năm học Nhà trường đều xây dựng kế hoạch, tổ chức tuần sinh hoạt công dân đầu khóa cho HSSV, trong tuần học này HSSV được cung cấp đầy đủ thông tin về chương trình đào tạo, kế hoạch đào tạo, các yêu cầu về chuyên môn cần đạt được của khoá học; được phổ biến đầy đủ về quy chế đào tạo, quy chế thi và kiểm tra, đánh giá, nội quy, quy định của Trường; các chế độ chính sách có liên quan đến HSSV.

**** Những điểm mạnh:***

Nhà trường có khu KTX với 1.200 chỗ đảm bảo về an ninh, trật tự cùng những trang thiết bị về điện, nước, vệ sinh khép kín và kết nối mạng Internet, hoàn toàn đáp ứng cho nhu cầu chỗ ở của 100% học sinh, sinh viên (HSSV) đến học tập. Ngoài ra, HSSV được cung cấp dịch vụ y tế, tự nguyện tham gia mua bảo hiểm thân thể và bảo hiểm y tế. Cán bộ y tế chuyên trách thân thiện, nhiệt tình khám, chữa bệnh kịp thời cho CBGV và HSSV trong Nhà trường.

Để tạo điều kiện có việc làm cho HSSV, Nhà trường luôn quan tâm tới mối liên hệ với các doanh nghiệp, cơ quan khu công nghiệp trong và ngoài tỉnh để giới thiệu việc làm. Đồng thời, Nhà trường thường xuyên tham gia các Hội chợ việc làm trong tỉnh Thái Nguyên, để tiếp cận với các cơ hội việc làm cho HSSV, thực hiện nghiêm túc kế hoạch thực tập sản xuất trong chương trình đào tạo để HSSV có cơ hội tiếp cận với doanh nghiệp, đơn vị sản xuất, tạo việc làm sau khi ra trường.

**** Những tồn tại:***

Trong thời gian đầu năm học một số học sinh sinh viên được gọi nhập học bổ sung sau nên các nội quy, quy định không được tiếp thu một cách đầy đủ.

**** Kế hoạch nâng cao chất lượng:***

Nhà trường tiếp tục tăng cường giáo dục HSSV một cách toàn diện, đa dạng hóa các hình thức quản lý và nắm bắt tình hình HSSV, thay đổi phương pháp kiểm tra, đánh giá và xử lý HSSV.

Tăng cường tổ chức các hoạt động giới thiệu việc làm cho HSSV tốt nghiệp, kết nối các doanh nghiệp giúp HSSV tốt nghiệp tìm kiếm việc làm.

Điểm đánh giá tiêu chí 8

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
Tiêu chí 8	9 điểm
Tiêu chuẩn 1	1 điểm

Tiêu chuẩn 2	1 điểm
Tiêu chuẩn 3	1 điểm
Tiêu chuẩn 4	1 điểm
Tiêu chuẩn 5	1 điểm
Tiêu chuẩn 6	1 điểm
Tiêu chuẩn 7	1 điểm
Tiêu chuẩn 8	1 điểm
Tiêu chuẩn 9	1 điểm

Tiêu chuẩn 1: *Người học được cung cấp đầy đủ thông tin về mục tiêu, chương trình đào tạo; quy chế kiểm tra, thi và xét công nhận tốt nghiệp; nội quy, quy chế của trường; các chế độ chính sách hiện hành đối với người học; các điều kiện đảm bảo chất lượng dạy và học.*

*** Mô tả, phân tích, nhận định:**

Sau khi nhập học HSSV được tham gia học tuần sinh hoạt chính trị đầu khóa học. Trong tuần học này HSSV được cung cấp đầy đủ thông tin về chương trình đào tạo; kế hoạch đào tạo; Nội quy, quy chế phòng thi trước khi tổ chức kỳ thi, nội quy của trường; các chế độ chính sách đối với người học. Trong buổi họp lớp đầu tiên, người học cũng được Giáo viên chủ nhiệm phổ biến rõ hơn về nội quy, quy chế HSSV; quá trình học tập tại trường HSSV phải trải qua các kỳ thi kết thúc học phần, thi tốt nghiệp; Tổ chức đưa người học đi tham quan các lớp học lý thuyết, nhà xưởng thực hành, thư viện, ký túc xá, căng tin, nhà thi đấu...các điều kiện đảm bảo chất lượng(8.1.01 - Kế hoạch Tổ chức lớp học chính trị đầu khóa học cho HSSV hằng năm);(8.1.02 - Quyết định số 14/QĐ-CĐCN, ngày 19/6/2017 về việc ban hành Quy chế đánh giá kết quả rèn luyện của HSSV);(8.1.03 - Quyết định số 58/QĐ-CĐCN ngày 24/2/2020 về việc ban hành Quy chế công tác học sinh, sinh viên);(8.1.04 - Quyết định số 62/QĐ-CĐCN ngày 24/02/2020 v/v ban hành quy định xét cấp học bổng khuyến khích học nghề đối với HSSV);(8.1.05 - Quyết định số 63 ngày 24/2/2020 v/v ban hành quy định về chính sách miễn giảm học phí, trợ cấp xã hội và chính sách nội trú đối với HSSV theo Nghị định số 86/2015/NĐ-CP). Trong năm học, nhà trường tổ chức Hội nghị đối thoại giữa học sinh sinh viên với lãnh đạo nhà trường nắm bắt kịp thời tâm tư, nguyện vọng, thắc mắc, kiến nghị của HSSV về nhà trường cũng như có thêm thông tin phản hồi của người học để điều chỉnh các hoạt động đào tạo, công tác quản lý của nhà trường (8.1.06 - Tổng hợp ý kiến của HSSV trong buổi đối thoại giữa HSSV với lãnh đạo trường).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 1 tiêu chí 8: 1 điểm

Tiêu chuẩn 2: *Người học được hưởng các chế độ, chính sách theo quy định.*

*** Mô tả, phân tích, nhận định:**

Chế độ chính sách đối với HSSV được nhà trường thực hiện đầy đủ, kịp thời theo quy định. Hiện nay, chế độ chính sách đối với HSSV được nhà trường thực hiện theo Quyết định số 1121/1997/QĐ-TTg, Quyết định số 194/2001/QĐ-TTg, Thông tư liên tịch số 18/2009/TTLT-BGDĐT-BTC; Nghị định số 57/2017/NĐ-CP; Nghị định số 86/2015/NĐ-CP, Thông tư liên tịch số 09/2016/TTLT-BGDĐT-BTC-BLĐTBXH, Quyết định số 53/2015/QĐ-TTg, Thông tư liên tịch số 12/2016/TTLT/BLĐTBXH-BGDĐT-BTC.

Đầu năm học, nhà trường thông báo, triển khai rộng rãi trong HSSV về các chế độ chính sách đối với HSSV trong tuần sinh hoạt công dân HSSV đầu năm học, hướng dẫn HSSV làm hồ sơ hưởng chế độ chính sách đúng đối tượng theo đúng các văn bản hướng dẫn của nhà nước, nhà trường. Nhà trường đã tiến hành xét và ra quyết định miễn, giảm học phí cho nhiều lượt HSSV thuộc diện chính sách với tổng kinh phí hàng tỷ đồng (8.1.05 – *Các Quyết định của Trường về việc miễn, giảm học phí cho học sinh, sinh viên theo Nghị định số 86/2015/NĐ-CP*). Các đối tượng được miễn giảm như: Con liệt sĩ, con thương binh, con bệnh binh, con của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học, HSSV bị tàn tật, HSSV mồ côi không có người bảo trợ, các trường hợp HSSV là người dân tộc...(8.2.01 - *Danh sách kèm theo hồ sơ Học sinh, sinh viên các khóa được miễn, giảm học phí cho Học sinh, sinh viên theo Nghị định số 86/2015/NĐ-CP*);(1.5.05 - *Báo cáo tổng kết hàng năm trường*).

HSSV được Nhà trường hướng dẫn các văn bản, cách làm hồ sơ, thủ tục để được hưởng các chế độ, chính sách ưu đãi hiện hành theo quy định của nhà nước. Cụ thể trong 3 năm gần đây đối với hai hệ Cao đẳng và Trung cấp:

STT	Chính sách	2017-2018		2018-2019		2019-2020	
		Cao đẳng	Trung cấp	Cao đẳng	Trung cấp	Cao đẳng	Trung cấp
1	Chính sách tín dụng	7	3	4	0		
2	Chính sách miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập	24	1.311	12	618	9	340
3	Chính sách nội trú cho HSSV	2	2	3	2	1	12
4	Trợ cấp xã hội	7	5	8	3	6	13
5	Học bổng, khuyến khích học tập	18	6	24	12	22	17
6	Hỗ trợ chi phí học tập theo Quyết định số 66	5	0	0	0	0	0

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2 tiêu chí 8: 1 điểm

Tiêu chuẩn 3: Có chính sách và thực hiện chính sách khen thưởng, khuyến khích kịp thời đối với người học đạt kết quả cao trong học tập, rèn luyện. Người học được hỗ trợ kịp thời trong quá trình học tập tại trường để hoàn thành nhiệm vụ học tập.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Sau mỗi học kỳ, mỗi năm học, Nhà trường căn cứ kết quả xếp loại HSSV về học tập, rèn luyện để xét duyệt cấp học bổng khuyến khích học tập, khuyến khích tài năng theo Quyết định số 70/2008/ QĐ-BLĐT BXH ngày 30 tháng 12 năm 2008 về việc học bổng khuyến khích học nghề.

Việc đánh giá kết quả học tập, rèn luyện của HSSV nhằm: góp phần thực hiện mục tiêu giáo dục là đào tạo con người Việt Nam phát triển toàn diện, có đạo đức, tri thức, sức khỏe, thẩm mỹ và nghề nghiệp, trung thành với lý tưởng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Việc đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên là việc làm thường xuyên, đảm bảo chính xác, công bằng, công khai và dân chủ, đưa ra được những định hướng, nội dung rèn luyện cụ thể, phù hợp với từng Khoa, Bộ môn (Ngành đào tạo), tạo điều kiện cho HSSV có môi trường học tập và rèn luyện tốt. Nhà trường căn cứ quy chế công tác HSSV để đánh giá kết quả học tập, rèn luyện của HSSV (8.3.01 – Quyết định, Danh sách kèm theo hồ sơ Học sinh, sinh viên các khóa học nhận học bổng khuyến khích trong đào tạo nghề nghiệp và Khen thưởng cho tập thể, cá nhân đạt thành tích cao trong phong trào thi đua học tập và rèn luyện)

STT	NĂM HỌC	Theo trình độ đào tạo	KẾT QUẢ HỌC TẬP				KẾT QUẢ RÈN LUYỆN			
			Xuất sắc	Giỏi	Khá	Khác	Xuất sắc	Tốt	Khá	Khác
1	2017-2018	Trung cấp	0	7	473	991	1	124	670	676
		Cao đẳng	0	4	135	15	21	112	15	6
2	2018-2019	Trung cấp	0	56	485	594	38	631	305	161
		Cao đẳng	0	4	65	14	13	48	17	5
3	2019-2020	Trung cấp	2	16	464	510	29	518	313	132
		Cao đẳng	1	12	63	22	10	66	11	10

Danh sách HSSV được khen thưởng được công khai trên các bảng thông báo, trên Website của trường và các phòng chức năng. Kết quả trong 3 năm gần đây:

STT	Năm học	Số HSSV được khen thưởng
1	2017 - 2018	Trung cấp: 10; Cao đẳng: 102
2	2018 - 2019	Trung cấp: 37; Cao đẳng: 68
3	2019 - 2020	Trung cấp: 63; Cao đẳng: 46

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3 tiêu chí 8: 1 điểm

Tiêu chuẩn 4: *Người học được tôn trọng và đối xử bình đẳng, không phân biệt giới tính, tôn giáo, nguồn gốc xuất thân.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Nhà trường thực hiện tuyển sinh đào tạo không phân biệt giới tính, tôn giáo hay nguồn gốc xuất thân nên trong thời gian học tại trường học sinh sinh viên được tôn trọng và đối xử bình đẳng (2.2.03 - *Thông báo tuyển sinh của Trường*). Được tạo điều kiện trong học tập và rèn luyện, được hưởng các chế độ chính sách ưu tiên theo quy định của Nhà nước, được xét nhận học bổng do các tổ chức, cá nhân tài trợ (8.3.01 – *Các Quyết định của Trường về việc ban hành Quy định về học bổng khuyến khích trong đào tạo nghề nghiệp và Khen thưởng cho tập thể, cá nhân đạt thành tích cao trong phong trào thi đua học tập và rèn luyện*); (8.1.05 – *Các Quyết định của Trường về việc Miễn, giảm học phí cho Học sinh, sinh viên theo Nghị định số 86/2015/NĐ-CP*). HSSV được trực tiếp kiến nghị với Nhà trường các giải pháp góp phần xây dựng Nhà trường, được đề đạt nguyện vọng và khiếu nại lên Hiệu trưởng giải quyết các vấn đề có liên quan đến quyền lợi, lợi ích chính đáng của mình (8.4.01-*Quyết định số 58,59,60,61,62/QĐ-CĐCN ngày 24/02/2020 về Ban hành Quy chế công tác HSSV; Quy định về công tác quản lý HSSV nội trú, ngoại trú; Quy định về công tác GVCN; Quy định về quản lý, lưu trữ hồ sơ HSSV; Quy định xét cấp học bổng khuyến khích học nghề*).

Công tác đánh giá kết quả tổ chức thực hiện các nhiệm vụ công tác HSSV trong năm học, nhà trường thực hiện thường xuyên và nghiêm túc được thể hiện qua báo cáo tổng kết hàng năm của nhà trường (1.5.05 - *Báo cáo tổng kết hàng năm của trường*). Qua đó, nhà trường tự nhìn nhận, đánh giá những mặt mạnh, khắc phục các điểm yếu. Đồng thời đưa ra những biện pháp khắc phục để các dịch vụ dành cho người học tại trường càng được nâng cao, đáp ứng nhu cầu của người học và sự phát triển của xã hội.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4 tiêu chí 8: 1 điểm

Tiêu chuẩn 5: *Ký túc xá đảm bảo đủ diện tích nhà ở và các điều kiện tối thiểu (chỗ ở, điện, nước, vệ sinh, các tiện nghi khác) cho sinh hoạt và học tập của người học.*

*** Mô tả, phân tích, nhận định:**

Hiện tại Nhà trường có khu KTX gồm 4 đơn nguyên 5 tầng, với 200 phòng, tổng số 1200 giường, mỗi phòng được trang bị đầy đủ về các thiết bị điện, nước, mạng wifi, sân phơi quần áo và khu vệ sinh khép kín.

- Mỗi phòng bố trí không quá 8 HSSV. Trong phòng ở được trang bị giường, tủ, bàn ghế quạt...

- Khu vệ sinh bố trí cho từng cặp phòng hoặc riêng biệt cho từng phòng ở có đủ bệ xí, chậu rửa, vòi sen tắm.

KTX của trường được bàn giao sử dụng năm từ 2010, chất lượng công trình tốt, các thiết bị điện, nước phù hợp với nhu cầu sử dụng hiện đại, Đồng thời Nhà trường có cán bộ quản lý 24/24h đảm bảo về mặt an ninh, trật tự và kịp thời sửa chữa các hư hỏng để không ảnh hưởng đến sinh hoạt hàng ngày của HSSV (8.5.01 - *Biên bản kiểm kê tài sản KTX*). (8.5.02- *Báo cáo thống kê diện tích số phòng của KTX và các điều kiện tối thiểu cho sinh hoạt người học*, 8.5.03 - *Ý kiến đánh giá hoạt động dịch vụ phục vụ người học hàng năm*; 8.5.04 - *Danh sách HSSV ở KTX*).

Để đảm bảo an toàn công tác phòng cháy, chữa cháy, Nhà trường trang bị bình cứu hoả và một số vật dụng cần thiết ở những nơi quy định trong KTX. Nhà trường giao nhiệm vụ cho Tổ bảo vệ phối hợp với cán bộ quản lý KTX để kịp thời giải quyết các công việc đột xuất như: mất trật tự an ninh, công tác phòng cháy, chữa cháy trong KTX

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 5 tiêu chí 8: 1 điểm

Tiêu chuẩn 6: *Có dịch vụ y tế chăm sóc và bảo vệ sức khỏe; dịch vụ ăn uống của trường đáp ứng nhu cầu của người học và đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Nhà trường đã có Quyết định số 640/QĐ-TCCB ngày 05 tháng 12 năm 2001 về việc thành lập Ban y tế trong Nhà trường (8.6.01 - *Quyết định số 640/QĐ-TCCB ngày 5/12/2001*). Hiện tại, phòng y tế ở tầng 1 khu nhà KTX của trường, ở vị trí thuận lợi, nối liền khu xưởng thực hành, nhà học lý thuyết và khu nhà hành chính. Cán bộ y tế chuyên trách của trường có các nhiệm vụ: thường trực kiểm tra điều trị, sơ cứu, cấp cứu hướng dẫn người bệnh chuyển tuyến; tập huấn sơ cấp cứu cho HSSV các khoá học; kiểm tra đôn đốc thực hiện vệ sinh công cộng, an toàn thực phẩm, vệ sinh công nghiệp.

Đầu năm học mới, bộ phận y tế của trường lập kế hoạch mua thuốc dự phòng chữa bệnh thông thường cho HSSV (8.6.02 – *Kế hoạch mua thuốc dự phòng hàng năm*)

HSSV khi nhập học được đăng ký mua thẻ bảo hiểm y tế, bảo hiểm thân thể tự nguyện theo quy định. Trong năm học, Nhà trường tổ chức mời các đơn vị, theo chức năng tuyên truyền về phòng chống ma tuý và phòng chống HIV/AIDS.

Bộ phận y tế thực hiện báo cáo hàng năm, báo cáo đánh giá các hoạt động y tế khám chữa bệnh, kết quả thực hiện bảo hiểm y tế, bảo hiểm thân thể, tình hình cấp phát thuốc chữa bệnh và vệ sinh công cộng và y tế dự phòng (8.6.03 – *báo cáo hàng năm hoạt động y tế*).

Để tạo điều kiện về đời sống, sinh hoạt phục vụ quá trình học tập của HSSV, Nhà trường xây dựng Căng-tin và nhà ăn, với quy mô đáp ứng trên 200 chỗ. Căng tin của Trường nằm trong khuôn viên khu ký túc xá thuận lợi nhu cầu sinh hoạt hằng ngày của HSSV, được sử dụng dựa trên việc ký kết hợp đồng với cá nhân nhận khoán có điều khoản quy định đảm bảo nguyên tắc an toàn vệ sinh thực phẩm phục vụ ăn và giải khát cho cán bộ, viên chức và HSSV, chưa xảy ra vụ ngộ độc thực phẩm nào (8.6.05 - *Hợp đồng cung cấp dịch vụ ăn uống, giải khát*; 8.6.06- *Giấy chứng nhận đủ điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm*; 8.6.07- *Báo cáo đánh giá dịch vụ ăn uống của trường*).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 6 tiêu chí 8: 1 điểm

Tiêu chuẩn 7: *Người học được tạo điều kiện hoạt động, tập luyện văn nghệ, thể dục thể thao, tham gia các hoạt động xã hội; được đảm bảo an toàn trong khuôn viên trường.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Với mục tiêu giáo dục toàn diện, Nhà trường luôn quan tâm tạo điều kiện để HSSV có thể tham gia các hoạt động ngoại khóa. Hiện nay Nhà trường có 01 Hội trường nhà văn hóa có diện tích 870 m², với sức chứa 250 người, có hệ thống đèn chiếu sáng, hệ thống âm thanh hiện đại để phục vụ cho các hoạt động luyện tập văn nghệ cho cán bộ, viên chức và HSSV. Hệ thống sân bãi luyện tập TDTT gồm một sân vận động có diện tích 960 m², một sân bóng chuyền có diện tích 270 m², Nhà thi đấu đa năng với diện tích 570 m² có 04 sân cầu lông, phục vụ tốt cho cán bộ công nhân viên chức và HSSV, tạo môi trường sinh hoạt lành mạnh, góp phần tích cực vào công tác giáo dục toàn diện và hạn chế các hiện tượng tiêu cực trong HSSV. Hàng năm HSSV tích cực tham gia Hội thi văn nghệ, thể dục thể thao và giao lưu khối các trường đại học, cao đẳng và trung cấp số I Tỉnh Thái Nguyên. Các hoạt động văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao cũng thường xuyên được tổ chức đặc biệt là trong các ngày lễ lớn như ngày khai giảng năm học mới, ngày nhà giáo Việt Nam 20/11, ngày thành lập Đoàn TNCS Hồ Chí Minh 26/3, ngày sinh nhật Bác 19/5, ngày phụ nữ Việt Nam 20/10, 8/3... tạo không khí vui tươi, phấn khởi động viên học sinh sinh viên tích cực trong học tập, rèn luyện. Ngoài ra nhà trường còn tổ chức nhiều hoạt động ngoại khóa thu hút đông đảo học sinh sinh viên tham gia (8.7.01 – *Báo cáo Tổng kết hoạt động và Phương hướng công tác Đoàn*); (1.10.07 - *Giấy khen, cờ thi đua các loại của các đoàn thể*).

Nhà trường có tổ bảo vệ thực hiện theo quy định về chức năng, nhiệm vụ đảm bảo an ninh, trật tự phối hợp với các bộ phận trong Nhà trường thường xuyên nắm bắt tình hình, diễn biến tư tưởng của HSSV; triển khai các biện pháp quản lý, tuyên truyền và phối hợp ngăn chặn các hành vi xuyên tạc, lôi kéo, kích động HSSV tham gia các hoạt động ảnh hưởng đến an ninh chính trị, trật tự trong Nhà trường và an toàn xã hội; tăng cường giáo dục, tuyên truyền để HSSV thực hiện nghiêm Luật Giao thông đường

bộ. Tổ chức tốt công tác trực ban, bảo vệ nhằm đảm bảo an ninh, trật tự trường học và kịp thời phối hợp xử lý khi có vụ việc xảy ra liên quan đến Nhà trường. Chế độ báo cáo văn bản đánh giá về tình hình an toàn trong khuôn viên trường được thực hiện theo quý để đánh giá những mặt mạnh, khắc phục các điểm yếu. Đồng thời, nhìn nhận khách quan những tồn tại về công tác an ninh trật tự để đưa ra những biện pháp điều chỉnh, khắc phục (8.7.02 - Báo cáo công tác an ninh cụm).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 7 tiêu chí 8: 1 điểm

Tiêu chuẩn 8: Trường thực hiện việc tư vấn việc làm cho người học sau khi tốt nghiệp.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Giải quyết việc làm cho HSSV là một mục tiêu quan trọng trong công tác đào tạo của nhà trường, là yếu tố tác động đến tâm lý người học, vì vậy có ảnh hưởng lớn đến động cơ, thái độ học tập của HSSV cũng như đảm bảo được công tác tuyển sinh thuận tiện, ổn định. Nhà trường đẩy mạnh đào tạo kết hợp với doanh nghiệp trong việc tổ chức đào tạo cho HSSV ngay tại doanh nghiệp có cơ hội được học tập, thực hành và nắm bắt thực tiễn sản xuất, được trải nghiệm máy móc, công nghệ hiện đại phù hợp và hầu hết các sinh viên này được doanh nghiệp cam kết nhận vào làm việc ngay sau khi ra trường. Trung tâm Tuyển sinh được nhà trường giao nhiệm vụ thực hiện tư vấn giới thiệu cho người học sau khi tốt nghiệp, hàng năm trung tâm lập kế hoạch tư vấn việc làm cho HSSV trình Hiệu trưởng phê duyệt (8.8.01- Kế hoạch tư vấn việc làm cho sinh viên hàng năm), thường xuyên cung cấp cho người học các thông tin về nghề nghiệp, thị trường lao động và việc làm. Bộ phận tuyển sinh lựa chọn các công ty, doanh nghiệp có uy tín tập trung học sinh lấy phiếu khảo sát theo nguyện vọng của HSSV có nhu cầu đi làm vào thời điểm trước khi xét tốt nghiệp (8.8.02 - Kế hoạch và phiếu khảo sát nhu cầu đi làm của HSSV). Kết nối với công ty, doanh nghiệp tổ chức phỏng vấn trực tiếp HSSV sau khi tốt nghiệp có nhu cầu đi làm.

Kết quả tư vấn việc làm cho sinh viên: Đã có nhiều doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh đăng ký tuyển dụng sinh viên của Nhà trường như: Công ty TNHH ITM. Nhà máy liên doanh Ô tô Nissan. Công ty xây lắp Petrolimex. Công ty TNHH AISA (ken VSIP). Công ty TNHH cơ khí Thuận Phát (Luu xá, TP Thái Nguyên) Các doanh nghiệp đánh giá rất cao về kỹ năng nghề của sinh viên thông qua các chương trình thực tập sản xuất, thực tập tốt nghiệp (8.8.03 - Báo cáo kết quả công tác tư vấn việc làm hàng năm; 8.8.04 - Các công văn, thông báo tuyển dụng của doanh nghiệp)

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 8 tiêu chí 8: 1 điểm

Tiêu chuẩn 9: Hàng năm trường tổ chức hoặc phối hợp tổ chức hội chợ việc làm để người học tiếp xúc với các nhà tuyển dụng.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Ngày hội việc làm do Nhà trường tổ chức đã phối hợp khá tốt cho sinh viên tiếp cận với nhà tuyển dụng, qua đó các em được các doanh nghiệp phỏng vấn tuyển dụng tại chỗ, đây là đầu ra rất tốt cho sinh viên trước khi tốt nghiệp (8.9.01- Kế hoạch tổ

chức ngày hội việc làm; 8.9.02 -Danh sách các nhà tuyển dụng tham gia ngày hội việc làm hàng năm). Qua ngày hội việc làm, thông qua các nhận xét, đánh giá, những đề xuất và kiến nghị của nhà tuyển dụng. Trường đã tổng kết: Qua đánh giá của các nhà tuyển dụng cho thấy trình độ chuyên môn của sinh viên cơ bản đáp ứng yêu cầu doanh nghiệp, tuy nhiên về các kỹ năng khác như kỹ năng mềm và khả năng sử dụng ngoại ngữ còn hạn chế. Vì vậy trong thời gian tới đề nghị Nhà trường cần quan tâm, chú trọng hơn nữa cho việc tăng cường các kỹ năng còn thiếu của sinh viên nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của nhà tuyển dụng. (8.9.03 – Báo cáo tổng kết ngày hội việc làm hàng năm).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 9 tiêu chí 8: 1 điểm

TIÊU CHÍ 9: *Giám sát, đánh giá chất lượng*

*** Mở đầu:**

Công tác giám sát, đánh giá chất lượng nhà trường luôn được lãnh đạo trường quan tâm hàng đầu, hàng năm việc giám sát, đánh giá và cải thiện nâng cao chất lượng trường được thực hiện bài bản thông qua:

Giám sát đánh giá hệ thống quản lý chất lượng nhà trường: từ việc các đơn vị tổ chức đánh giá nội bộ, trường mời chuyên gia góp ý, đánh giá bổ sung sau đó xây dựng kế hoạch cụ thể cải thiện hệ thống các quy trình trong hệ thống bảo đảm chất lượng.

Hàng năm trường thực hiện tự kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp thông qua hệ thống tiêu chí của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội để xác định điểm tồn tại và đưa ra biện pháp cụ thể khắc phục.

Trường thực hiện thu thập ý kiến HSSV đang học, HSSV đã tốt nghiệp đi làm và các doanh nghiệp có HSSV trường làm việc...để thông qua đó điều chỉnh chương trình đào tạo, điều chỉnh phương pháp giảng dạy, điều chỉnh các hoạch động dịch vụ như: nhà ăn, thư viện, KTX...tốt hơn và thực hiện tốt hơn, kịp thời hơn chế độ chính sách đối với người học.

*** Những điểm mạnh:**

Hàng năm trường tổ chức tự đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp theo các tiêu chí của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội; Trường thực hiện lần vết sinh viên, thu thập ý kiến từ cán bộ, giáo viên, HSSV và doanh nghiệp để điều chỉnh chương trình đào tạo và nâng cao chất lượng đào tạo nhà trường.

*** Những tồn tại:**

Công tác khảo sát lần vết HSSV gặp nhiều khó khăn vì HSSV ra trường thay đổi chỗ làm nhiều, thay số điện thoại nhiều nên công tác tiếp cận gặp nhiều khó khăn.

*** Kế hoạch nâng cao chất lượng:**

Tăng cường công tác khảo sát việc làm đối với HSSV tốt nghiệp, kết nối các doanh nghiệp để hỗ trợ HSSV tìm kiếm việc làm phù hợp.

Điểm đánh giá tiêu chí 9

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
Tiêu chí 9	6 điểm
Tiêu chuẩn 1	1 điểm
Tiêu chuẩn 2	1 điểm
Tiêu chuẩn 3	1 điểm

Tiêu chuẩn 4	1 điểm
Tiêu chuẩn 5	1 điểm
Tiêu chuẩn 6	1 điểm

Tiêu chuẩn 1: Hàng năm, thu thập ý kiến tối thiểu 10 đơn vị sử dụng lao động về mức độ đáp ứng của người tốt nghiệp làm việc tại đơn vị sử dụng lao động.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Hàng năm, Trung tâm tuyển sinh xây dựng kế hoạch thu thập ý kiến về mức độ đáp ứng của người tốt nghiệp làm việc tại đơn vị sử dụng lao động tại các doanh nghiệp sử dụng lao động. Trên cơ sở kết quả khảo sát hàng năm cho thấy năng lực của học sinh, sinh viên tốt nghiệp đang làm việc tại các đơn vị được đánh giá đáp ứng phần lớn yêu cầu của công việc (9.1.01- Kế hoạch thu thập ý kiến đơn vị sử dụng lao động về mức độ đáp ứng của người tốt nghiệp làm việc tại đơn vị sử dụng lao động hàng năm; Phiếu khảo sát, đánh giá về sinh viên tốt nghiệp của Trường Cao đẳng công nghiệp Thái Nguyên đang làm trong các đơn vị/Doanh nghiệp); (9.1.02 - Danh sách đơn vị sử dụng lao động được thu thập ý kiến hàng năm, trong đó nêu rõ: tên; địa chỉ; số lượng, tên người học đang làm việc tại đơn vị sử dụng lao động); (9.1.03 - Phương pháp thu thập ý kiến đã thực hiện và văn bản/tài liệu/thông tin kèm theo); (9.1.04 - Báo cáo số 91/BC-CĐCN ngày 02/12/2020 về kết quả thu thập ý kiến hàng năm).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 1 tiêu chí 9: 1 điểm

Tiêu chuẩn 2: Hàng năm, thu thập ý kiến đánh giá tối thiểu 50% cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động về các chính sách liên quan đến dạy và học, chính sách tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại, bổ nhiệm cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động.

*** Mô tả, phân tích, nhận định:**

Hàng năm, Nhà trường thu thập ý kiến đánh giá cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động về các chính sách liên quan đến dạy và học, chính sách tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại, bổ nhiệm cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động. Kết quả đánh giá cho thấy các chính sách có tính thiết thực (9.2.01 - Thông báo thu thập ý kiến cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động về các chính sách liên quan đến dạy và học, chính sách tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng ngày, đánh giá, phân loại, bổ nhiệm cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động); (9.2.02 - Danh sách cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động hàng năm và danh sách được thu thập ý kiến hàng năm); (9.2.03 - Phương pháp thu thập ý kiến đã thực hiện và văn bản/tài liệu/thông tin kèm theo); (9.2.04 - Báo cáo kết quả thu thập ý kiến số 91/BC-CĐCN ngày 2/12/2020).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2 tiêu chí 9: 1 điểm

Tiêu chuẩn 3: Hàng năm, thu thập ý kiến đánh giá tối thiểu 30% người học đại diện các ngành, nghề đào tạo về chất lượng, hiệu quả của các hình thức, phương thức đào tạo; chất lượng dịch vụ, giảng dạy và việc thực hiện chính sách liên quan đến người học của trường.

***Mô tả, phân tích, nhận định:**

Hàng năm, Nhà trường xây dựng Kế hoạch phỏng vấn người học và cựu HSSV về chất lượng, hiệu quả của chương trình đào tạo, chất lượng dịch vụ, giảng dạy và việc thực hiện chính sách liên quan đến người học của trường. Kết quả thu thập được cho thấy người học đánh giá rất cao về chương trình đào tạo, đội ngũ giảng viên,... (9.3.01 - Kế hoạch số 463/KH-CĐCN, ngày 23 tháng 12 năm 2019/phương án thu thập ý kiến người học về chất lượng, hiệu quả của các hình thức, phương thức đào tạo; chất lượng dịch vụ, giảng dạy và việc thực hiện chính sách liên quan đến người học của trường); (9.3.02 - Danh sách người học hàng năm); (9.3.03 - Danh sách người học được thu thập ý kiến hàng năm); (9.3.04 - Phương pháp thu thập ý kiến đã thực hiện và văn bản/tài liệu/thông tin kèm theo); (9.3.05 - Báo cáo/tài liệu hiện thể kết quả thu thập ý kiến hàng năm).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3 tiêu chí 9: 1 điểm

Tiêu chuẩn 4: Trường thực hiện hoạt động tự đánh giá chất lượng và kiểm định chất lượng theo quy định.

*** Mô tả, phân tích, nhận định:**

Hàng năm, nhà trường thực hiện tự kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp theo thông tư 15/2017/TT-BLĐTBXH ngày 8 tháng 6 năm 2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và đánh giá hệ thống bảo đảm chất lượng theo quy định tại Mục 2 chương II Thông tư số 15/2017/TT-BLĐTBXH ngày 08/9/2017 của Bộ trưởng Bộ LĐTBXH quy định về tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng trường trung cấp, trường cao đẳng (9.4.01- Quyết định số 225/QĐ-CĐCN ngày 02/6/2020 về thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp năm 2020); 9.4.02 - Kế hoạch số 34/KH-CĐCN ngày 04/6/2020 viết báo cáo tự đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp năm 2020, Các biên bản làm việc của Hội đồng tự đánh giá; 9.4.03 - Báo cáo tự đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp năm 2020; 9.4.04 - Hồ sơ minh chứng).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4 tiêu chí 9: 1 điểm

Tiêu chuẩn 5: Hàng năm, trường có kế hoạch cụ thể và các biện pháp thực hiện việc cải thiện, nâng cao chất lượng đào tạo trên cơ sở kết quả tự đánh giá và kết quả đánh giá ngoài nếu có.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Trên cơ sở phân tích điểm mạnh, các tồn tại trong báo cáo tự đánh giá và kết quả đánh giá ngoài. Hàng năm trường lập kế hoạch và có các biện pháp cụ thể để cải thiện, nâng cao chất lượng đào tạo, một số điển hình:

- Kế hoạch bồi dưỡng nâng cao chuẩn chuyên môn cho đội ngũ giáo viên;
- Bổ xung thiết bị giảng dạy, kết hợp các doanh nghiệp trong công tác đào tạo thực hành, thực tập;
- Nâng cấp hệ thống quản lý phần mềm thư viện đáp ứng nhu cầu tra cứu tài liệu cho các hoạt động đào tạo.

(9.5.01 - Kế hoạch hội thảo cải thiện, nâng cao chất lượng đào tạo trên cơ sở kết quả tự đánh giá); (9.5.02 - Báo cáo thể hiện việc trường thực hiện theo kế hoạch đã có).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 5 tiêu chí 9: 1 điểm

Tiêu chuẩn 6: Trường có tỷ lệ 80% người học có việc làm phù hợp với chuyên ngành hoặc nghề đào tạo sau 6 tháng kể từ khi tốt nghiệp.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Hàng năm, Nhà trường đã xây dựng kế hoạch tổ chức khảo sát đối với HSSV tốt nghiệp để nắm bắt tình hình việc làm của HSSV sau khi tốt nghiệp ra trường, Trường có tỷ lệ 80% người học có việc làm phù hợp với chuyên ngành hoặc nghề đào tạo sau 6 tháng kể từ khi tốt nghiệp *(9.6.01 - Quyết định công nhận tốt nghiệp và danh sách người học đã tốt nghiệp hàng năm); (9.6.02 - Kế hoạch điều tra lần vết đối với người tốt nghiệp để thu thập thông tin về việc làm hàng năm.); (9.6.03 - Văn bản/tài liệu/thông tin thể hiện từng hình thức điều tra lần vết); (9.6.04 - Báo cáo số 97/BC-CĐCN ngày 01/12/2020 kết quả tra lần vết).*

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 6 tiêu chí 9: 1 điểm

Phần III. TỔNG HỢP KẾ HOẠCH NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG NGHIỆP THÁI NGUYÊN

Hàng năm, trường tiếp tục nghiên cứu sửa đổi bổ sung các quy chế nội bộ cho phù hợp với tình hình thực tế của đơn vị. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát thực hiện các quy chế của nhà trường.

Xây dựng kế hoạch, thường xuyên thu thập ý kiến đánh giá về việc đổi mới phương pháp giảng dạy, thực hiện tiến độ giảng dạy và chất lượng các phương thức tổ chức đào tạo đối với cán bộ quản lý, giáo viên và HSSV.

Tăng cường liên kết đào tạo với các đơn vị, tổ chức trong nước và quốc tế.

Nhà trường tiếp tục tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, xây dựng các phòng học chuyên môn hóa, đầu tư thiết bị đa phương tiện, đồ dùng dạy học cho các phòng học tạo điều kiện tốt cho hoạt động dạy và học. 100% số phòng học chuyên môn được trang bị thiết bị dạy học đa phương tiện.

100% giáo viên sử dụng thành thạo thiết bị đa phương tiện, ứng dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy.

Xây dựng, cải tiến, hoàn thiện nội dung chương trình và phương pháp đào tạo, các chuẩn đào tạo nghề.

Hoàn thiện quy chế để tạo điều kiện cho giáo viên học tập nâng cao trình độ, năng lực nghiên cứu khoa học, hàng năm có trên 70% giáo viên có đề tài nghiên cứu, sáng kiến cải tiến, làm mới các mô hình, học cụ được áp dụng vào giảng dạy, trong đó có đề tài cấp bộ, cấp tỉnh, khuyến khích HSSV tham gia nghiên cứu khoa học.

Trong giai đoạn 2020-2025, nhà trường tiếp tục đẩy mạnh việc tham gia các dự án nghiên cứu và chuyển giao công nghệ, hợp tác liên kết đào tạo, bồi dưỡng với các trường nước ngoài.

Chú trọng đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ ngoại ngữ, tin học và trình độ chuyên môn, kỹ năng tay nghề của đội ngũ cán bộ giáo viên đáp ứng nhu cầu hội nhập.

Năm học 2020-2021 và những năm tiếp theo, triển khai xây dựng kế hoạch tuyển dụng, kế hoạch đào tạo và bồi dưỡng giáo viên nhằm chủ động kế hoạch giảng dạy, đáp ứng nhu cầu đa dạng của người học.

Giai đoạn 2020 -2021: Thực hiện công tác đào tạo, bồi dưỡng và quy hoạch cán bộ quản lý; tăng cường đào tạo ngoại ngữ, phấn đấu đạt 80% giáo viên trở lên có khả năng sử dụng ngoại ngữ để phục vụ chuyên môn; 50% giáo viên nhà trường đạt chuẩn trình độ ngoại ngữ, 100% giáo viên sử dụng thành thạo máy tính và 100% giáo viên đạt chuẩn IC3; đẩy mạnh việc ứng dụng những thành tựu khoa học công nghệ vào phục vụ giảng dạy, mở rộng phạm vi và đa dạng nội dung thâm nhập thực tế của đội ngũ giáo viên; đào tạo, bồi dưỡng kỹ thuật viên và nhân viên để đáp ứng các hoạt động của nhà trường.

Tổ chức lấy ý kiến đóng góp của các doanh nghiệp về sự thích ứng với thực tế của các chương trình, giáo trình đào tạo hiện tại.

Duy trì việc thu thập ý kiến nhận xét đánh giá của cán bộ, giáo viên, học sinh về chất lượng giáo trình tạo điều kiện để thực hiện phương pháp dạy học tích cực.

Tăng cường trao đổi thông tin, tư liệu với các đơn vị khác; các biện pháp hỗ trợ và tư vấn cho độc giả của thư viện.

Trong giai đoạn 2020 -2021, nhà trường sẽ đẩy mạnh việc tham gia các dự án nghiên cứu và chuyển giao công nghệ, hợp tác liên kết đào tạo, bồi dưỡng với các trường, tổ chức quốc tế về hợp tác phát triển đào tạo nghề.

Nhà trường tiếp tục triển khai và phát triển các hoạt động liên kết đào tạo với các trường đại học trong nước và nước ngoài nhằm tăng nguồn thu từ các hoạt động này. Liên kết với các địa phương, các công ty, doanh nghiệp để đào tạo theo nhu cầu mà xã hội cần, có như vậy mới thu hút người học và tạo nguồn thu cho đơn vị.

Tiếp tục đẩy mạnh mối quan hệ hợp tác với các doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh, đồng thời mở rộng quan hệ với các doanh nghiệp được phép xuất khẩu lao động nhằm giải quyết việc làm cho HSSV ngay sau khi tốt nghiệp.

Phần IV. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

Cơ quan quản lý Nhà nước cần có các chính sách khuyến khích các cơ sở giáo dục nghề nghiệp tiến hành tự đánh giá để nâng cao chất lượng dạy nghề.

Cần có các cơ chế, chính sách hỗ trợ hoặc tăng cường nguồn lực về cơ sở vật chất, thiết bị cho những cơ sở giáo dục nghề nghiệp đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng trường cao đẳng

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG
KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

Nơi nhận:

- Bộ Công Thương (để báo cáo);
- TC GDNN (để báo cáo);
- SLD TBXH tỉnh TN (để báo cáo);
- Trang thông tin điện tử;
- Lưu: VT, TTKT & KĐCL.

TS. Nguyễn Thị Việt Hương

PHỤ LỤC

Phụ lục 1. Quyết định thành lập Hội đồng Tự đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp năm 2020

BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG CAO ĐẲNG
CÔNG NGHIỆP THÁI NGUYÊN
Số: 205/QĐ-CDCN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thái Nguyên, ngày 22 tháng 6 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH Về việc thành lập Hội đồng Tự đánh giá chất lượng Cơ sở giáo dục nghề nghiệp

HIỆU TRƯỞNG **TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG NGHIỆP THÁI NGUYÊN**

Căn cứ Quyết định số 5168/QĐ-BGDĐT ngày 09 tháng 10 năm 2006 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc thành lập Trường Cao đẳng Công nghiệp Thái Nguyên;

Căn cứ Quyết định số 473/QĐ-BCT ngày 15 tháng 01 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường Cao đẳng Công nghiệp Thái Nguyên;

Căn cứ Luật Giáo dục nghề nghiệp số 74/2014/QH13 ban hành ngày 27/11/2014 của Quốc hội;

Căn cứ Thông tư 15/2017/TT-BLĐTBXH ngày 08/06/2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về quy định tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 28/2017/TT - BLDTBXH ngày 15/12/2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định hệ thống bảo đảm chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp;

Căn cứ Công văn số 453/TCGDNN - KDCL ngày 25/3/2019 của Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp về việc hướng dẫn đánh giá tiêu chuẩn kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp đối với trường trung cấp, cao đẳng năm 2019;

Căn cứ vào Công văn số 3369/BCT-TCCB ngày 12/05/2020 của Bộ Công Thương về việc hướng dẫn các trường thực hiện kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp năm 2020;

Xét đề nghị của Trường phòng Thanh tra - Khảo thí và Kiểm định chất lượng

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Hội đồng Tự đánh giá chất lượng Cơ sở giáo dục nghề nghiệp Trường Cao đẳng Công nghiệp Thái Nguyên gồm những ông (bà) có tên sau đây:

1. Bà: Nguyễn Thị Việt Hương - Phó Hiệu trưởng phụ trách trường - Chủ tịch Hội đồng
2. Ông: Nguyễn Tiến Luật - Phó Hiệu trưởng - Phó Chủ tịch HĐ
3. Ông: Vũ Chí Bang - Trưởng phòng TT,KT & KDCL - Ủy viên thường trực
4. Bà: Gia Thị Định - Trưởng phòng Đào tạo và NCKH - Ủy viên

5. Ông: Nguyễn Mạnh Hiền - Trưởng phòng Tổ chức Hành chính - Ủy viên
6. Ông: Triệu Văn Lợi - Trưởng phòng Tài chính kế toán - Ủy viên
7. Ông: Nguyễn Thái Bình - Trưởng phòng Quản trị vật tư - Ủy viên
8. Ông: Nguyễn Sơn Hà - Trưởng phòng Công tác HSSV - Ủy viên
9. Bà: Quách Thị Chiến - Giám đốc Trung tâm tin học, ngoại ngữ - Ủy viên
10. Ông: Nguyễn Quốc Dũng - Trưởng khoa Cơ khí - Ủy viên
11. Ông: Vũ Đình Minh - Trưởng khoa Điện - Điện tử - Tin học - Ủy viên
12. Bà: Nguyễn Thị Lan Hương - Trưởng khoa KHCB - Ủy viên
13. Bà: Nguyễn Thị Thu Thảo - Trưởng khoa Kinh tế - Ủy viên
14. Ông: Đỗ Văn Châu - Giám đốc Công ty cổ phần đầu tư và thương mại xây dựng Hà Nội HANTECO - Ủy viên
15. Ông: Bùi Phạm Quang Sơn - Công ty cổ phần Giấy Hoàng Văn Thụ - Thái Nguyên - Ủy viên

Điều 2. Hội đồng có nhiệm vụ triển khai Tự đánh giá chất lượng Cơ sở giáo dục nghề nghiệp của trường theo hướng dẫn của Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp.

Điều 3. Các Ông (Bà) Trưởng phòng TCHC, TTKT & KDCL, các Phòng, Khoa, Trung tâm liên quan và những Ông (Bà) có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu: VT, TCHC. *ph*

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



TS. Nguyễn Thị Việt Hương

**Quyết định thành lập Ban thư ký - Hội đồng Tự đánh giá chất lượng
cơ sở giáo dục nghề nghiệp năm 2020**

BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG CAO ĐẲNG
CÔNG NGHIỆP THÁI NGUYÊN

Số: 56/QĐ-CDCN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thái Nguyên, ngày 12 tháng 6 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Về việc thành lập Ban thư ký Hội đồng Tự đánh giá chất lượng
Cơ sở giáo dục nghề nghiệp

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG NGHIỆP THÁI NGUYÊN

Căn cứ Quyết định số 5168/QĐ-BGDĐT ngày 09 tháng 10 năm 2006 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc thành lập Trường Cao đẳng Công nghiệp Thái Nguyên;

Căn cứ Quyết định số 473/QĐ-BCT ngày 15 tháng 01 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường Cao đẳng Công nghiệp Thái Nguyên;

Căn cứ Luật Giáo dục nghề nghiệp số 74/2014/QH13 ban hành ngày 27/11/2014 của Quốc hội;

Căn cứ Thông tư 15/2017/TT-BLĐTBXH ngày 08/06/2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về quy định tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 28/2017/TT - BLĐTBXH ngày 15/12/2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định hệ thống bảo đảm chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp;

Căn cứ Công văn số 453/TCGDNN - KDCL ngày 25/3/2019 của Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp về việc hướng dẫn đánh giá tiêu chuẩn kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp đối với trường trung cấp, cao đẳng năm 2019;

Căn cứ Công văn số 3369/BCT-TCCB ngày 12/05/2020 của Bộ Công Thương về việc hướng dẫn các trường thực hiện kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp năm 2020;

Theo đề nghị của Chủ tịch Hội đồng Tự đánh giá chất lượng Cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Ban thư ký Hội đồng Tự đánh giá chất lượng Cơ sở giáo dục nghề nghiệp Trường Cao đẳng Công nghiệp Thái Nguyên năm 2020, gồm những ông (bà) có tên sau đây:

1. Bà: Đặng Thị Kiều Nga – Phó Trường phòng TTKT&KDCL. – Trưởng ban
2. Ông: Trần Thanh Quang - Phòng TTKT&KDCL - Ủy viên
3. Bà: Nguyễn Thị Mỹ - Phòng TTKT&KDCL - Ủy viên

4. Bà: Lê Hồng Hạnh - Phòng TTKT&KDCL - Ủy viên

5. Ông: Dương Đình Bình – Phòng TTKT&KDCL - Ủy viên

Điều 2. Ban thư ký thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn theo hướng dẫn của Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp

Điều 3. Các ông (bà) Trưởng phòng TCHC, TTKT & KDCL và những ông (bà) có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;

- Lưu:VT, TCHC.

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG,

TS. Nguyễn Thị Việt Hương

Phụ lục 2. Kế hoạch tự Kiểm định của trường

BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG CAO ĐẲNG
CÔNG NGHIỆP THÁI NGUYÊN

Số: 04/KH-CDCN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thái Nguyên, ngày 04 tháng 6 năm 2020

KẾ HOẠCH

Viết báo cáo Tự đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp năm 2020

Căn cứ Luật giáo dục nghề nghiệp số 74/2014/QH13 ban hành ngày 27/11/2014 của Quốc hội.

Căn cứ vào Thông tư 15/2017/TT-BLĐTBXH ngày 08/06/2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định Tiêu chí, Tiêu chuẩn kiểm định chất lượng Cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

Căn cứ vào Thông tư 28/2017/TT-BLĐTBXH ngày 15/12/2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định Hệ thống Bảo đảm chất lượng Cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

Căn cứ Công văn số 453/TCGDNN-KDCL ngày 25/3/2019 của Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp về việc hướng dẫn đánh giá tiêu chuẩn kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp đối với trường trung cấp, cao đẳng.

Căn cứ theo Công văn số 3369/BCT-TCCB ngày 12/5/2020 của Bộ Công Thương về việc hướng dẫn các trường thực hiện kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp năm 2020.

Ban Giám hiệu ban hành kế hoạch viết báo cáo Tự đánh giá chất lượng cơ sở Giáo dục nghề nghiệp năm 2020 cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH VÀ YÊU CẦU

1. Mục đích

- Xác định thực trạng, khả năng dạy nghề, mức độ hoàn thành nhiệm vụ của từng Phòng, Khoa, Tổ môn và đơn vị thuộc trường cũng như toàn trường;

- Tổng hợp những nội dung đã và đang thực hiện theo từng tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định trường cao đẳng với minh chứng cụ thể kèm theo;

- Cải tiến, nâng cao chất lượng đào tạo của Trường Cao đẳng Công nghiệp Thái Nguyên và đăng ký kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp năm 2020.

2. Yêu cầu

Báo cáo Tự đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp năm 2020 của trường CDCN Thái Nguyên phải bám sát theo các tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định



chất lượng giáo dục nghề nghiệp được quy định tại Thông tư số 15/2017/TT-BLĐTBXH ngày 08/06/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội; Thông tư số 28/2017/TT-BLĐTBXH ngày 15/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định hệ thống bảo đảm chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp; Hướng dẫn đánh giá tiêu chuẩn kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp đối với trường trung cấp, cao đẳng tại công văn số 453/TCGDNN - KDCL ngày 25 tháng 3 năm 2019 của Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp.

II. QUY TRÌNH TỰ ĐÁNH GIÁ

Thực hiện theo Thông tư số 28/2017/TT-BLĐTBXH ngày 15/12/2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định Hệ thống Bảo đảm chất lượng Cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cụ thể như sau:

- Thành lập Hội đồng Tự đánh giá chất lượng Cơ sở giáo dục nghề nghiệp;
- Thông qua và phê duyệt báo cáo Tự đánh giá chất lượng Cơ sở giáo dục nghề nghiệp;
- Công bố báo cáo Tự đánh giá chất lượng Cơ sở giáo dục nghề nghiệp và gửi báo cáo về cơ quan có thẩm quyền.

III. NỘI DUNG THỰC HIỆN

1. Nhiệm vụ chung

1.1. Thực hiện Tự đánh giá chất lượng Cơ sở giáo dục nghề nghiệp của các đơn vị trong trường:

- Thu thập thông tin, minh chứng về từng hoạt động và kết quả thực hiện chức năng nhiệm vụ của đơn vị;
- Đánh giá, xác định mức độ đạt được theo từng tiêu chí, tiêu chuẩn Tự đánh giá chất lượng Cơ sở giáo dục nghề nghiệp có liên quan; phân tích, chỉ rõ các điểm mạnh, tồn tại và nguyên nhân; Đề xuất kế hoạch hành động nhằm nâng cao chất lượng hoạt động của đơn vị;
- Viết báo cáo kết quả Tự đánh giá chất lượng Cơ sở giáo dục nghề nghiệp của đơn vị và gửi Hội đồng tự đánh giá của trường;
- Tổ chức quản lý, duy trì cơ sở dữ liệu, thông tin, minh chứng về các hoạt động của đơn vị.

1.2. Thực hiện Tự đánh giá chất lượng Cơ sở giáo dục nghề nghiệp của Hội đồng tự đánh giá:

- Nghiên cứu báo cáo kết quả Tự đánh giá chất lượng của các đơn vị;

- Tổng hợp thông tin, minh chứng theo từng tiêu chí, tiêu chuẩn Tự đánh giá chất lượng Cơ sở giáo dục nghề nghiệp;
- Kiểm tra thực tế, thu thập thêm thông tin, minh chứng theo từng tiêu chí, tiêu chuẩn tự đánh giá chất lượng Cơ sở giáo dục nghề nghiệp;
- Đối chiếu với bộ thống tiêu chí, tiêu chuẩn Tự đánh giá chất lượng Cơ sở giáo dục nghề nghiệp do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành. Đánh giá, xác định mức độ đạt được của từng tiêu chuẩn, tiêu chí tự đánh giá chất lượng Cơ sở giáo dục nghề nghiệp; Chỉ rõ các điểm mạnh, tồn tại và nguyên nhân; đề xuất kế hoạch hành động nhằm nâng cao chất lượng Cơ sở giáo dục nghề nghiệp;
- Viết dự thảo báo cáo kết quả Tự đánh giá chất lượng Cơ sở giáo dục nghề nghiệp của trường, gửi các đơn vị trong trường để lấy ý kiến;
- Hoàn chỉnh Báo cáo kết quả Tự đánh giá chất lượng Cơ sở giáo dục nghề nghiệp của nhà trường.

2. Phân công Hội đồng tự đánh giá

1.1. Thành phần Hội đồng Tự đánh giá

Hội đồng Tự đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp năm 2020 được thành lập theo Quyết định số 225/QĐ - CDCN ngày 12/6/2020 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Công nghiệp Thái Nguyên, gồm thành viên (có danh sách kèm theo).

1.2. Phân công thực hiện và thời gian thu thập minh chứng và viết báo cáo

Nhóm	Tiêu chí/ Tiêu chuẩn	Nhóm/ Chịu trách nhiệm	Thời gian	Kiểm tra, giám sát
1	<i>Tiêu chí 1:</i> Mục tiêu, sứ mạng, tổ chức và quản lý <i>Tiêu chí 3:</i> Nhà giáo cán bộ quản lý, viên chức và người lao động <i>Tiêu chí 8:</i> Dịch vụ cho người học	1. Nguyễn Mạnh Hiền: Trưởng nhóm 2. Quách Thị Chiến - Thành viên 3. Nguyễn Sơn Hà - Thành viên 4. Đỗ Văn Châu - Thành viên 5. Lê Hồng Hạnh - Thư ký	Từ 10/6 đến 30/9/2020	Đ/c Nguyễn Thị Việt Hương - Phó Hiệu trưởng phụ trách trường - Chủ tịch Hội đồng
2	<i>Tiêu chí 2:</i> Hoạt động đào tạo <i>Tiêu chí 4:</i> Chương trình, giáo trình	1. Gia Thị Định - Trưởng nhóm 2. Vũ Đình Minh - Thành viên	Từ 10/6 đến 30/9/2020	Đ/c Nguyễn Tiến Luật - Phó Hiệu trưởng

	<i>Tiêu chí 6:</i> Nghiên cứu khoa học và hợp tác quốc tế.	3. Nguyễn Quốc Dũng - Thành viên 4. Nguyễn Thị Lan Hương - Thành viên 5. Nguyễn Thị Mỹ - Thư ký 6. Dương Đình Bình - Thư ký		Phó Chủ tịch Hội đồng
3	<i>Tiêu chí 5:</i> Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo và thư viện <i>Tiêu chí 7:</i> Quản lý tài chính <i>Tiêu chí 9:</i> Giám sát đánh giá chất lượng	1. Triệu Văn Lợi - Trưởng nhóm 2. Nguyễn Thái Bình - Thành viên 3. Nguyễn Thị Thu Thảo - Thành viên 4. Bùi Phạm Quang Sơn - Thành viên 5. Chu Văn Nhã - Cộng tác viên 6. Trần Thanh Quang - Thư ký	Từ 10/6 đến 30/9/2020	Độc Vũ Chí Bang - Trưởng phòng TTNT&KDCL - Ủy viên thường trực

1.3. Các đơn vị thuộc trường phối hợp thực hiện tự đánh giá theo tiêu chuẩn, tiêu chí liên quan.

TT	Đơn vị thực hiện	Tiêu chí, tiêu chuẩn thực hiện
1	Phòng Đào tạo	Tiêu chí 2: 2.1, 2.2, 2.4, 2.5, 2.6, 2.7, 2.8, 2.9, 2.10, 2.11, 2.12, 2.14, 2.15, 2.16, 2.17 Tiêu chí 3: 3.6 Tiêu chí 4: 4.1 đến 4.15 Tiêu chí 5: 5.13 đến 5.15 Tiêu chí 6: 6.2; 6.3; 6.4; 6.5
2	Phòng TCHC	Tiêu chí 1 : 1.1 đến 1.12 Tiêu chí 3 : 3.1 đến 3.15 (trừ 3.6) Tiêu chí 6 : 6.1
3	Phòng QTVT	Tiêu chí 5: 5.1 đến 5.12

4	Phòng TT - Khảo thí & KDCL	Phần I : Giới thiệu về trường; Phần II: Kết quả tự đánh giá Tổng hợp báo cáo các đơn vị , đánh mã minh chứng Tiêu chí 9: 9.1 đến 9.5
5	Phòng TCKT	Tiêu chí 7: 7.1 đến 7.6
6	Phòng Công tác HSSV	Tiêu chí 8: 8.1 đến 8.7
7	Trung tâm Tin học - NN - Tuyển sinh	Tiêu chí 2 : 2.2; 2.3; 2.13; 8.8; 8.9

3. Công cụ đánh giá

Sử dụng các tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp được quy định tại Thông tư số 15/2017/TT-BLĐTBXH ngày 08/06/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và mục 2 chương 2 Thông tư số 28/2017/TT - BLDTBXH ngày 15/12/2017 của Bộ Lao động -Thương binh và Xã hội quy định hệ thống bảo đảm chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

4. Kế hoạch thu thập thông tin ở ngoài trường

Các nhóm chịu trách nhiệm, nhóm chuyên trách xác định thông tin cần thu thập, lập kế hoạch báo cáo Hiệu trưởng.

5. Thời gian thực hiện tự đánh giá theo lịch trình

TT	Nội dung	Thời gian	Người thực hiện	Ghi chú
1	- Họp Hội đồng công bố Quyết định thành lập Hội đồng Tự đánh giá; - Dự kiến nhóm công tác chuyên trách để giúp các thành viên Hội đồng thực hiện trách nhiệm được giao (danh sách).	9h00 Ngày 09/6 /2020	Các thành viên Hội đồng	
2	Phổ biến chủ trương triển khai Tự đánh giá đến toàn bộ cán bộ, giảng viên, giáo viên và HSSV nhà trường;	9h00 Ngày 09/6 /2020	Ban Giám hiệu	

3	<p>Các đơn vị thu thập minh chứng, tổ chức điều tra khảo sát, thống kê tổng hợp số liệu, xử lý minh chứng, viết báo cáo theo nội dung đã được phân công trong mục 5.3 và gửi về Hội đồng Tự đánh giá trường.</p> <p>Các nhóm chuyên trách:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tổng hợp minh chứng; - Bổ sung minh chứng khi cần thiết; - Mã hóa minh chứng thu được và bổ sung; - Mô tả thông tin và minh chứng thu được; - Phân tích, lý giải các kết quả đạt được; - Viết báo cáo các tiêu chí, tiêu chuẩn. 	Từ 10/6 đến 30/9/2020	<p>Các đơn vị được phân công trong mục 4</p> <p>Các nhóm chuyên trách được phân công viết báo cáo các tiêu chí, tiêu chuẩn</p>	
4	Nộp báo cáo các tiêu chí, tiêu chuẩn.	Ngày 01 - 02/10/2020	Thư ký các nhóm chuyên trách tổng hợp nộp về Ban thư ký	
5	<ul style="list-style-type: none"> - Dự thảo báo cáo Tự đánh giá; - Kiểm tra lại các thông tin và minh chứng được sử dụng trong báo cáo tự đánh giá. 	Từ ngày 04 - 15/10/2020	- Ban thư ký tổng hợp và kiểm tra	
6	Họp Hội đồng Tự đánh giá để thảo luận, dự thảo báo cáo tự đánh giá; Hội đồng Tự đánh giá họp với các Phòng - Khoa về báo cáo dự thảo Tự đánh giá, xin ý kiến đóng góp.	Ngày 19/10/2020	Các thành viên Hội đồng; các phòng, khoa	

7	- Hợp Hội đồng Tự đánh giá đề thông qua báo cáo Tự đánh giá đã sửa chữa; - Công bố báo cáo Tự đánh giá trong nội bộ Nhà trường và thu thập tài liệu ý kiến đóng góp của chuyên gia tư vấn.	Ngày 23/10/2020		
8	Xử lý các ý kiến đóng góp và hoàn thiện bản báo cáo Tự đánh giá	Từ ngày 01 - 15/11/2020	Ban thư ký	
9	- Công bố bản báo cáo Tự đánh giá đã hoàn thiện (trong nội bộ Nhà trường) - Hiệu trưởng phê duyệt.	Từ ngày 16 - 30/11/2020	Hội đồng	
10	- Hiệu trưởng phê duyệt; - Nộp bản báo cáo Tự đánh giá về Sở LĐTĐBXH, TCGDNN.	Ngày 11/12/2019	Ban thư ký	

6. Kinh phí thực hiện

Căn cứ theo Công văn số 1908 ngày 18 tháng 3 năm 2020 của Bộ Công Thương về việc hướng dẫn nội dung và mức chi hoạt động giáo dục nghề nghiệp đối với cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

- Căn cứ kế hoạch của trường, các đơn vị khẩn trương xây dựng kế hoạch Tự đánh giá và phân công công việc cụ thể cho từng thành viên trong đơn vị mình phụ trách;

- Trường các nhóm chuyên trách chịu trách nhiệm hướng dẫn, theo dõi và đôn đốc các đơn vị thực hiện kế hoạch. Theo dõi việc thực hiện tiến độ của các đơn vị và báo cáo kịp thời cho Chủ tịch Hội đồng Tự đánh giá chất lượng Cơ sở giáo dục nghề nghiệp về kết quả thực hiện kế hoạch đó;

- Yêu cầu các đơn vị liên quan và tổ đánh giá thực hiện khẩn trương, phối hợp nghiêm túc đảm bảo đúng tiến độ theo kế hoạch đề ra;

- Trong quá trình thực hiện nếu có vấn đề gì phát sinh, đề nghị báo cáo Hội đồng xem xét giải quyết.

Nơi nhận:

- BGH (báo cáo);
- Các phòng, khoa, TT;
- Lưu: VT, P.TTKT&KDCL.

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

*Nguyễn Tiến Luật

KẾT QUẢ KIỂM TRA MINH CHỨNG SỬ DỤNG TRONG BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ VÀ MINH CHỨNG BỔ SUNG

Kiểm tra minh chứng Cơ sở giáo dục nghề nghiệp sử dụng trong Báo cáo tự đánh giá cơ sở giáo dục nghề nghiệp

STT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã MC	MC sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	TÊN MINH CHỨNG	GHI CHÚ
1	1	1	1.1.01		Quyết định số 5618/QĐ-BGĐT ngày 9/10/2006 Quyết định số 473/ QĐ-BCT ngày 145/01/2014	
2			1.1.02		Đề án thành lập trường	
3			1.1.03		Đề án phát triển vùng kinh tế trọng điểm Bắc bộ đến năm 2025	
4			1.1.04		Tờ rơi giới thiệu nhà trường, các bài báo giới thiệu nhà trường, các chương trình truyền hình giới thiệu nhà trường	
5		2	1.2.01		Quyết định 2134/ QĐ-UBND ngày 21/9/2010 về việc phê duyệt quy hoạch phát triển nhân lực tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2012-2020	
6				1.2.02	- Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp số 53/2020/GCNĐKHĐ-TCGDNN ngày 21/4/2020	
7			1.2.03		Kế hoạch, phiếu, kết quả khảo sát nhu cầu sử dụng lao động của các doanh nghiệp	
8		3	1.3.01		Quyết định số 473 QĐ/BCT ngày 15/1/2015 của Bộ trưởng Bộ Công Thương	

9			1.3.02		Quyết định số 01A/2015/QĐ - CĐCN ngày 02/01/2015 quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của trường	
10				1.3.03	Quy chế chi tiêu nội bộ	
11			1.3.04		- Quyết định số 68/QĐ-CĐCN, ngày 5/2/2018 v/v ban hành Quy chế thực hiện dân chủ trong hoạt động của Trường	
12		4	1.4.01		Văn bản rà soát bổ sung, điều chỉnh quy chế nội bộ hàng năm (kế hoạch, báo cáo chỉnh sửa, quyết định ban hành)	
13			1.4.02		Quy trình bổ nhiệm cán bộ, quy trình tuyển dụng nhân lực	
14		5	1.5.01		Báo cáo tổng kết công tác hàng năm của phòng, khoa, bộ môn và các đơn vị trực thuộc trường	
15	1	6	1.6.01		Quyết định số 331/QĐ-CĐCN ngày 1/10/2018 thành lập hội đồng khoa học QĐ số 108 / QĐ-CĐCN ngày 5/5/2020 thành lập hội đồng lương Quyết định số 355/QĐ-CĐCN ngày 11/8/2020 hội đồng thi đua khen thưởng Quyết định số 128,129,130,131/QĐ-CĐCN ngày 27/4/2017 Quyết định số 523 đến 527 ngày 9/12/2019	1

16		7	1.7.01		Quyết định số 375/ QĐ-CĐCN ngày 1/4/2009 thành lập phòng TT-Khảo thí & KĐCL	
17			1.7.02		Kế hoạch 150/KH-CĐCN ngày 24/6/2018 kế hoạch tổng thể xây dựng hệ thống ĐBCL trường giai đoạn 2018-2020 Quyết định số 210A/QĐ-CĐCN ngày 27/6/2018 thành lập hội đồng xây dựng hệ thống ĐBCL trường giai đoạn 2018-2020 Quyết định số 594/QĐ-CĐCN ngày 31/12/2018 ban hành và đưa vào sử dụng 40 quy trình trong hệ thống ĐBCL	
18		8	1.8.01		Báo cáo tổng kết hàng năm của phòng TT-Khảo thí & KĐCL	
19		9	1.9.01		Quyết định số 1521-QĐ/TU ngày 1/6/2020 về việc chuẩn y BCH đảng bộ trường CĐCN TN khóa 14, nhiệm kỳ 2020-2025	
20			1.9.02		Nghị quyết của chi bộ/đảng bộ hàng năm	
21			1.9.03		Kế hoạch và báo cáo tổng kết công tác năm của chi bộ, đảng bộ	
22			1.9.04		Quyết định khen thưởng của tập thể, cá nhân đảng viên	
23		10	1.10.01		Quyết định số 23/QĐ-CĐCT ngày 9/1/2018 v/v công nhận BCH công đoàn trường	

24			1.10.02		Quyết định số 20/QĐ-CĐCN ngày 21/1/2018 v/v ban hành quy chế làm việc của BCH CĐ trường nhiệm kỳ 2017-2022	
25			1.10.03		Quyết định TL ban thanh tra nhân dân, bb tổng kết năm của ban thanh tra nhân dân	
26			1.10.04		Quyết định số 184/QĐ-TĐTN ngày 24/10/2019 công nhận BCH Đoàn trường	
27			1.10.05		Kế hoạch hoạt động hàng năm của Đoàn, biên bản họp định kỳ của đoàn	
28			1.10.06		Báo cáo Tổng kết hoạt động và Phương hướng công tác Đoàn	
29			1.10.07		Giấy khen, cờ thi đua các loại của Đoàn	
30			1.10.08		Quyết định số 64 và số 65/QĐ-CCB về việc chuẩn y chức danh Chủ tịch và 01 phó Chủ tịch Hội CCB trường	
31		11		1.11.01	Kế hoạch số 61/KH TT - CĐCN ngày 19/8/2020 kế hoạch kiểm tra, giám sát	
32				1.11.02	Biên bản thanh tra kiểm tra	
33		12	1.12.01		Quyết định số 637/QĐ-CĐCN ngày 30/12/2016 v/v giải quyết chế độ chính sách cho HSSV	
34			1.12.02		Báo cáo, danh sách những cá nhân được hưởng chế độ, chính sách ưu đãi của Nhà nước	

35			1.12.03		Báo cáo bảo đảm bình đẳng giới đối với cán bộ, viên chức, người lao động hàng năm	
36	2	1	2.1.01		Quyết định số 707/QĐ-CĐCN ngày 31/12/2019	
37		2	2.2.01		Quy chế tuyển sinh năm 2020	
38		3	2.3.01		Quyết định thành lập hội đồng tuyển sinh năm 2020	
39			2.3.02		Kế hoạch tuyển sinh năm 2020	
40			2.3.03		Thông báo tuyển sinh năm 2020	
41			2.3.04		Hồ sơ đăng ký học và xét tuyển	
42			2.3.05		Quyết định phê duyệt danh sách trúng tuyển	
43			2.3.06		Báo cáo công tác tuyển sinh	
44		4	2.4.01		Quyết định ban hành quy chế đào tạo	
45			2.4.02		Kế hoạch đào tạo hàng năm	
46			2.4.03		Danh sách người học và phương thức tổ chức đào tạo	
47		5	2.5.01		Quyết định phê duyệt và ban hành chương trình đào tạo của các ngành, nghề trình độ cao đẳng, trung cấp, sơ cấp	
48			2.5.02		Kế hoạch, tiến độ đào tạo của các lớp, khóa học	
49			2.5.03		Danh sách các lớp, khóa học hàng năm	
50		6	2.6.01		Kế hoạch nhà giáo, lịch giảng dạy	
51			2.6.02		Báo cáo về kết quả kiểm tra công tác quản lý đào tạo năm 2020	

52		7	2.7.01		Các hợp đồng thỏa thuận phối hợp đào tạo, hướng dẫn sinh viên thực hành, thực tập với các doanh nghiệp	
53			2.7.02		Kế hoạch, quyết định cho sinh viên đi thực hành, thực tập tại các doanh nghiệp	
54			2.7.03		Danh sách giáo viên giảng dạy/hướng dẫn thực hành, thực tập tại các doanh nghiệp	
55			2.7.04		Đề cương thực hành, thực tập tại các doanh nghiệp	
56			2.7.05		Danh sách người học đã được thực tập tại các doanh nghiệp	
57			2.7.06		Báo cáo kết quả thực hành, thực tập của giáo viên giảng dạy có sự xác nhận của đơn vị sử dụng lao động	
58		8	2.8.01		Hồ sơ giảng dạy của nhà giáo	
59			2.8.02		Các bài tập lớn của sinh viên	
60			2.8.03		BB dự giờ, thanh kiểm tra hoạt động giảng dạy	
61		10	2.10.01		Quyết định thành lập tổ kiểm tra, quản lý đào tạo	
62			2.10.02		Biên bản kiểm tra giám sát hoạt động dạy và học	
63			2.10.03		Báo cáo kết quả kiểm tra giám sát kết quả hoạt động dạy và học	
64		11	2.11.01		Danh sách các biện pháp nâng cao chất lượng dạy và học	
65			2.11.02		Báo cáo thể hiện kết quả điều chỉnh các hoạt động dạy và học	

66		12	2.12.01		Quyết định ban hành quy định về quản lý, cấp phát văn bằng chứng chỉ	
67		13	2.13.01		Danh sách các ngành nghề đào tạo	
68			2.13.02		Danh sách đại diện đơn vị sử dụng lao động tham gia đánh giá kết quả người học	
69		15	2.15.01		Ý kiến nhà giáo, cán bộ quản lý về việc rà soát các quy định về kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp	
70		16	2.16.01			
71		17	2.17.01		Báo cáo tổng kết hàng năm của Nhà trường	
72	3	1	3.1.01		QĐ v/v tuyển dụng, sử dụng, bồi dưỡng cán bộ quản lý, viên chức và người lao động hợp đồng	3
73			3.1.02		QĐ v/v ban hành quy chế đánh giá, xếp loại đối với cán bộ, viên chức, người lao động của trường	
74		2	3.2.01		Danh sách cán bộ quản lý	
75			3.2.02		Quyết định cử người đi đào tạo, bồi dưỡng	
76			3.2.03		Báo cáo kết quả đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, CCVC	
77			3.2.04		QĐ v/v công nhận kết quả xếp loại và danh hiệu thi đua của cá nhân, tập thể	
78			3.2.05		Danh sách nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức người lao động được hưởng chế độ, chính sách theo quyết định	

79			3.2.06		Báo cáo tổng kết v/v thực hiện chính sách, chế độ cho nhà giáo, CBCNV hàng năm	
80		3	3.3.01		Danh sách trích ngang nhà giáo	
81			3.3.02		Hồ sơ nhà giáo	
82			3.3.03		Báo cáo tổng kết, bb thanh kiểm tra có nội dung về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ nhà giáo	
83		4	3.4.01		Quyết định số 02/QĐ-CĐCN ngày 2/1/2018 v/v ban hành quy định chế độ làm việc đối với giảng viên, giáo viên	
84			3.4.02		Quyết định số 141/QĐ-CĐCN ngày 5/5/2014 v/v ban hành quy định thời giờ làm việc, nghỉ ngơi, nghỉ việc riêng, nghỉ không lương của CBVC và người lao động	
85			3.4.03		Phiếu nhận xét, đánh giá, phân loại CBVC	
86		5	3.5.01		Bảng thống kê giờ giảng của nhà giáo hàng năm	
87			3.5.02		Bảng thanh toán tiền lương, tiền vượt giờ	
88		6	3.6.01		Sổ lên lớp	
89			3.6.02		Giáo án	
90			3.6.03		Sổ tay nhà giáo	
91			3.6.04		Biên bản dự giờ và kiểm tra định kỳ, đột xuất	
92		7	3.7.01		Quy định về chính sách KK nhà giáo học tập, bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, đổi mới phương pháp giảng dạy	

93			3.7.02		Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cho nhà giáo hàng năm	
94		8	3.8.01		Chứng chỉ các lớp đào tạo, bồi dưỡng	
95			3.8.02		Các quyết định cử giáo viên đi học tập bồi dưỡng	
96			3.8.03		Báo cáo năm về kết quả học tập bồi dưỡng của giáo viên	
97		11	3.11.01		Quyết định số 2245/QĐ-BCT ngày 26/7/2019 bổ nhiệm phó Hiệu trưởng phụ trách trường Quyết định số 3289/QĐ-BCT ngày 1/11/2019 bổ nhiệm phó Hiệu trưởng phụ trách đào tạo	
98			3.11.02		Phiếu tín nhiệm BGH	
99		12	3.12.02		Danh sách trích ngang cán bộ quản lý	
100		13	3.13.01		Hồ sơ cán bộ của trường, phó các đơn vị	
101			3.13.02		Phiếu nhận xét, đánh giá hàng năm của cán bộ quản lý	
102		14	3.14.01		Kế hoạch cho đội ngũ cán bộ quản lý tham gia các khóa học tập, bồi dưỡng hàng năm	
103			3.14.02		Các quyết định v/v cử cán bộ quản lý tham gia các khóa học tập, bồi dưỡng	
104		15	3.15.01		Danh sách trích ngang người lao động	
105	4	1	4.1.01		Danh sách các ngành, nghề trường tổ chức đào tạo	4
106			4.1.02		Chương trình đào tạo đã được phê duyệt, ban hành	

107		2	4.2.01		Hồ sơ xây dựng các chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp	
108			4.2.02		Phiếu phản biện, đánh giá và biên bản thẩm định chương trình đào tạo	
109			4.2.03		Quyết định ban hành các chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp	
110			4.2.04		Hồ sơ xây dựng các chương trình đào tạo sơ cấp của trường	
111		3	4.3.01		Các chương trình đào tạo chi tiết	
112		4	4.4.01		Quyết định thành lập hội đồng thẩm định giáo trình trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng	
113		6	4.6.01		Nội dung liên thông của chương trình	
114		7	4.7.01		Báo cáo kết quả rà soát, đánh giá chương trình đào tạo	
115		10	4.10.01		Danh sách thống kê giáo trình cho từng mô-đun, môn học	
116	5	1	5.1.01		Bản đồ mạng lưới giao thông và vị trí đặt địa điểm trường.	
117			5.1.02		Danh sách các xí nghiệp công nghiệp thải ra chất độc hại gần trường.	
118			5.1.03		Bản đồ thành phố Thái Nguyên; Bản đồ địa chính số 23, 24 - Xã Sơn Cẩm, Huyện Phú Lương, Tỉnh Thái Nguyên.	

119		2	5.2.01		Hồ sơ xây dựng, thiết kế mặt bằng khuôn viên trường.	
120		4	5.4.01		Biên bản giao nhận đường dây & trạm biến áp.	
121			5.4.02		Hồ sơ hệ thống phòng cháy chữa cháy của trường.	
122			5.4.03		Hợp đồng thu gom rác thải.	
123			5.4.04		Hợp đồng cung cấp nước sạch của Công ty kinh doanh nước sạch Thái Nguyên.	
124			5.4.05		Các biên bản kiểm tra của các cơ quan về phòng cháy, chữa cháy.	
125			5.4.06		Quy trình Sửa chữa, bảo trì, bảo dưỡng trang thiết bị, phương tiện vận chuyển.	
126			5.4.07		Các biên bản kiểm tra, bảo dưỡng về thiết bị máy móc và cơ sở vật chất).	
127				1.5.05	Báo cáo tổng kết hàng năm của trường.	
128		6	5.6.01		Danh mục các thiết bị đào tạo (xuất xứ, năm, nước sản xuất, nhà sản xuất) và quy định về sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng thiết bị đào tạo của nhà sản xuất.	
129			5.6.02		Nội quy, quy trình của trường quy định về quản lý, sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng thiết bị đào tạo.	
130		7	5.7.01		Báo cáo về sử dụng phòng học, giảng đường, xưởng thực hành, phòng học chuyên môn hóa.	
131		8	5.8.01		Danh mục thiết bị đào tạo (kèm hồ sơ thiết bị) hiện có của trường.	

132			5.8.02		Bảng so sánh, đối chiếu danh mục thiết bị đào tạo hiện có của trường với danh mục thiết bị đào tạo tối thiểu do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành.	
133			5.8.03		Báo cáo theo dõi tài sản cố định của trường hàng năm. Thống kê số lượng người học tại mỗi lớp học lý thuyết và thực hành của các môđun, môn học của chương trình đào tạo.	
134			5.8.04		Thời khóa biểu trong đó thể hiện việc bố trí xưởng, phòng học theo thời khóa biểu của trường.	
135		9	5.9.01		Sơ đồ/hình ảnh bố trí các thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo;	
136			5.9.02		Hồ sơ thiết kế, lắp đặt, hồ sơ quản lý các thiết bị, dụng cụ.	
137		10	5.10.01		Quy định của trường về quản lý, sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng thiết bị đào tạo.	
138		11	5.11.01		Báo cáo đánh giá về việc sử dụng, quản lý, bảo trì, bảo dưỡng thiết bị hàng năm.	
139		12	5.12.01		Quy định của Trường về định mức tiêu hao vật tư hoặc định mức kinh tế - kỹ thuật trong đào tạo	
140			5.12.02		Quy định của Trường về quản lý, cấp phát, sử dụng vật tư, phục vụ đào tạo.	
141			5.12.03		Hệ thống sổ sách theo dõi việc quản lý, cấp phát, sử dụng vật tư, phục vụ đào tạo, để thực hiện chương trình đào tạo.	

142			5.12.04		Các đề xuất nhu cầu về vật tư phục vụ đào tạo theo từng học kỳ, năm học của các đơn vị liên quan.	
143			5.12.05		Các đề xuất nhu cầu về vật tư phục vụ đào tạo theo từng học kỳ, năm học của các đơn vị liên quan đến thực hiện chương trình đào tạo.	
144			5.12.06		Văn bản/tài liệu thể hiện thực hiện đúng định mức tiêu hao vật tư/ định mức kinh tế kỹ thuật trong đào tạo.	
145		13	5.13.01		Quy định về việc sử dụng và thời gian mở cửa thư viện.	
146			5.13.02		Thống kê diện tích phòng đọc, phòng lưu trữ.	
147			5.13.04		Danh sách giáo trình đã được trường phê duyệt và số lượng giáo trình tại thư viện.	
148		14	5.14.01		Biên bản bàn giao sách.	
149			5.14.02		Kế hoạch tổ chức giới thiệu sách hàng năm.	
150			5.14.03		Quyết định thành lập tổ cộng tác viên thư viện.	
115			5.14.04		Kế hoạch hoạt động của tổ cộng tác viên thư viện.	
152		15	5.15.01		Danh mục thiết bị, máy tính hiện có tại thư viện.	
153			5.15.02		Phần mềm quản lý và tra cứu tài liệu.	
154			5.15.03		Sơ đồ mạng Lan của trường.	
155			5.15.04		Hợp đồng cung cấp dịch vụ Internet.	
156	6	1	6.1.01		Quyết định ban hành quy định về sáng kiến và quy trình xét công nhận sáng kiến của trường	

157			6.1.02		Quyết định ban hành quy định quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học và công nghệ đối với CBGV và HSSV	
158		2	6.2.01		Quyết định công nhận và thưởng cho giải pháp	
159		3	6.3.01		Báo cáo tổng hợp hoạt động khoa học và công nghệ cấp trường và cấp bộ	
160	7	1		1.3.03	Quy chế chi tiêu nội bộ hàng năm.	
161			7.1.02		Quy định thủ tục thanh toán, quyết toán tài chính .	
162			7.1.03		Báo cáo công khai thu chi tài chính hàng năm.	
163		2	7.2.01		Quyết định số 5017/QĐ- BTC về việc giao dự toán thu chi ngân sách năm 2019.	
164			7.2.02		Quyết định thu học phí của Trường.	
165			7.2.03		Các hợp đồng liên kết đào tạo, các hợp đồng dịch vụ.	
166			7.2.04		Quyết định công khai thu chi tài chính hàng năm của Trường.	
167		3	7.3.01		Dự toán thu chi ngân sách nhà nước năm 2019).	
168			7.3.02		Báo cáo tài chính năm 2019.	
169		4		7.2.01	Quyết định số 5017/QĐ- BTC về việc giao dự toán thu chi ngân sách năm 2019	
170			7.4.01		Hồ sơ lưu trữ tại phòng Tài chính - kế toán hàng năm.	
171			7.4.02		Thông báo duyệt quyết toán hàng năm.	

172		5	7.5.01		Thông báo xét duyệt quyết toán thu chi ngân sách năm 2019.	
173			7.5.02		Các kết luận thanh tra.	
174	8	1	8.1.01		Kế hoạch tổ chức lớp học chính trị đầu khóa	
175			8.1.02		Quyết định số 14/QĐ-CĐCN ngày 19/6/2017 v/v ban hành quy chế đánh giá kết quả rèn luyện của HSSV	
176			8.1.03		Quyết định số 58/QĐ-CĐCN ngày 24/2/2020 v/v ban hành quy chế công tác HSSV	
177			8.1.04		Quyết định số 62/QĐ-CĐCN ngày 24/2/2020 v/v ban hành quy định xét cấp học bổng kk học nghề đối với HSSV	
178			8.1.05		Quyết định số 63/QĐ-CĐCN ngày 24/2/2020 ban hành quy định về chính sách miễn, giảm học phí, trợ cấp xã hội và chính sách nội trú đối với HSSV	
179			8.1.06		Tổng hợp các ý kiến của HSSV trong hội nghị đối thoại HSSV với lãnh đạo trường	
180		2	8.2.01		Danh sách kèm hồ sơ HSSV các khóa được miễn, giảm học phí	
181		3	8.3.01		Các quyết định, danh sách kèm hồ sơ HSSV các khóa nhận học bổng khuyến khích trong đào tạo nghề và khen thưởng cho tập thể, cá nhân đạt thành tích cao trong phong trào thi đua học tập và rèn luyện	

182	4	8.4.01	Các quyết định số 58 đến 62/QĐ-CĐCN ngày 24/02/2020 v/v ban hành quy chế công tác HSSV, quy định về công tác quản lý HSSV nội trú, ngoại trú; quy định về công tác GVCN, quy định quản lý lưu trữ hồ sơ HSSV; quy định xét cấp học bổng cho HSSV học nghề
183	5	8.5.01	BB kiểm kê tài sản KTX
184		8.5.02	Báo cáo thống kê diện tích số phòng của KTX và các điều kiện tối thiểu cho HSSV
185		8.5.03	Ý kiến đánh giá hoạt động dịch vụ phục vụ người học hàng năm
186		8.5.04	Danh sách HSSV ở KTX
187	6	8.6.01	Quyết định số 640/QĐ-TCCB ngày 5/12/2001 v/v thành lập ban y tế trường
188		8.6.02	Kế hoạch mua thuốc dự phòng hàng năm
189		8.6.03	Báo cáo hàng năm của ban y tế
190		8.6.04	Hợp đồng số 01 ^a /2007/PLHĐ ngày 1/10/2017 v/v nhận giao khoán bếp ăn tập thể HSSV trường
191	7	8.7.01	Báo cáo tổng kết các hoạt động và phương hướng công tác đoàn
192		8.7.02	Báo cáo công tác an ninh cụm
193	8	8.8.01	Kế hoạch tư vấn việc làm cho HSSV

194			8.8.02		Phiếu khảo sát nguyện vọng của HSSV có nhu cầu đi làm vào thời điểm trước khi xét tốt nghiệp	
195			8.8.03		Báo cáo kết quả công tác tư vấn việc làm hàng năm	
196			8.8.04		Các công văn, thông báo tuyển dụng của các DN	
197		9	8.9.01		Kế hoạch tổ chức ngày hội việc làm	
198			8.9.02		Danh sách các nhà tuyển dụng tham gia ngày hội việc làm	
199			8.9.03		Báo cáo tổng kết ngày hội việc làm hàng năm	
200	9	1	9.1.01		Kế hoạch thu thập ý kiến đơn vị sử dụng lao động về mức độ đáp ứng của người tốt nghiệp làm việc tại đơn vị sử dụng lao động hàng năm; Phiếu khảo sát, đánh giá về sinh viên tốt nghiệp của Trường Cao đẳng công nghiệp Thái Nguyên đang làm trong các đơn vị/Doanh nghiệp.	
201			9.1.02		Danh sách đơn vị sử dụng lao động được thu thập ý kiến hàng năm, trong đó nêu rõ: tên; địa chỉ; số lượng, tên người học đang làm việc tại đơn vị sử dụng lao động.	
202			9.1.03		Phương pháp thu thập ý kiến đã thực hiện và văn bản/tài liệu/thông tin kèm theo.	
203			9.1.04		Báo cáo kết quả thu thập ý kiến hàng năm.	
204		2	9.2.01		Thông báo thu thập ý kiến cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động về các chính sách liên	

					quan đến dạy và học, chính sách tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng ngày, đánh giá, phân loại, bổ nhiệm cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động.	
205			9.2.02		Danh sách cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động hàng năm và danh sách được thu thập ý kiến hàng năm.	
206			9.2.03		Phương pháp thu thập ý kiến đã thực hiện và văn bản/tài liệu/thông tin kèm theo.	
207			9.2.04		Báo cáo/tài liệu thể hiện kết quả thu thập ý kiến	
208		3	9.3.01		Kế hoạch số: 463/KH-CĐCN, ngày 23 tháng 12 năm 2019/phương án thu thập ý kiến người học về chất lượng, hiệu quả của các hình thức, phương thức đào tạo; chất lượng dịch vụ, giảng dạy và việc thực hiện chính sách liên quan đến người học của trường.	
209			9.3.02		Danh sách người học hàng năm.	
210			9.3.03		Danh sách người học được thu thập ý kiến hàng năm.	
211			9.3.04		Phương pháp thu thập ý kiến đã thực hiện và văn bản/tài liệu/thông tin kèm theo).	
212			9.3.05		Báo cáo/tài liệu hiện thể kết quả thu thập ý kiến hàng năm.	
213		4	9.4.01		Quyết định thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp năm 2020.	

214			9.4.02		Kế hoạch viết báo cáo tự đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp năm 2020, Các biên bản làm việc của Hội đồng tự đánh giá.	
215			9.4.03		Báo cáo tự đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp năm 2020.	
216			9.4.04		Hồ sơ minh chứng.	
217		5	9.5.01		Kế hoạch hội thảo cải thiện, nâng cao chất lượng đào tạo trên cơ sở kết quả tự đánh giá.	
218			9.5.02		Báo cáo thể hiện việc trường thực hiện theo kế hoạch đã có.	
219		6	9.6.01		Quyết định công nhận tốt nghiệp và danh sách người học đã tốt nghiệp hàng năm.	
220			9.6.02		Kế hoạch điều tra lần vết đối với người tốt nghiệp để thu thập thông tin về việc làm hàng năm.	
221			9.6.03		Văn bản/tài liệu/thông tin thể hiện từng hình thức điều tra lần vết.	
222			9.6.04		Báo cáo kết quả tra lần vết.	